

Kinh Xáng Hà Tiên

Hoàng Long Hải (Tuệ Chương)

[Bài 1] Mộ Cũ

Gởi Đinh Văn Tuyền,
đọc cho biết "quê hương tui..."

Mùa hè năm 1973, khi tôi lái xe sắp lên cầu Linh Quỳnh thì có chiếc xe Jeep màu trắng chạy ngược chiều, giành lên cầu trước. Tôi bực mình, nghĩ thầm "*Cha nào mà dám qua mặt "xếp pô-lít" ở đây dzậy cà?*" Tôi dừng xe lại bên này đầu cầu, chờ xe bên kia qua, coi thử ai mà "gan cùng mình". Trên xe kia là một người đàn ông đã lớn tuổi đang cầm "vô-lăng", và một cô gái trẻ đẹp, không phải dân xứ này.

Xong, tôi qua cầu, chạy về hướng ấp Tri Tôn, xã Tín Đạo. Được một lúc, gần tới "Đồn Giữa", thiếu úy Chiểu, trưởng Cuộc Cảnh Sát xã Đức Phương gọi vào máy truyền tin cho tôi, nói: "*Có "anh Hai Re" ở Saigon về, muốn gặp đại úy.*"

Tôi hỏi lại: "Hai Re là thằng cha nào mà?"

-"Dạ! Ông là anh bà thủ tướng."

Tôi giật mình, vội trả lời: "Tôi quay lại ngay."

Sau đó, tôi quay xe lại Vàm Rầy, gặp ông Hai Re.

Ông đang ngồi trong quán nước đầu nhà lồng chợ. Đúng là "ông già" lúc này, và cũng chính cô gái vừa trẻ vừa đẹp ấy. Thiếu úy Chiểu không dám ngồi ngang hàng, đứng xó rớ bên cạnh.

Tôi chào tất cả mấy người rồi kéo ghế ngồi bên cạnh "anh Hai Re".

Ông là con trai lớn ông Chủ Ry. Ông Chủ Ry là ông Henry, tên Tây. "Anh Hai Re" là con trai lớn của ông, tên là Andre, cũng tên Tây, tôi đoán chừng như vậy.

Xứ "Vàm Rầy" này – "Vàm Rầy" là tên thường gọi, trong địa bộ là xã Đức Phương -. Hai cái tên này "đối chọi" nhau kịch liệt giữa "nôm na" và "chữ nghĩa". Dân chúng phần đông là tứ xứ tới lập nghiệp trong mấy năm chiến tranh. Hồi xưa, họ ở trong vùng kinh xa xôi, nôm na là "kinh cù" – "death end" đấy – "rạch chẹt". Rạch chẹt là cái rạch nhỏ chút tẻo, xuống ba lá chèo tới không có đường quay lui. "Thời Ngô trào" – cũng là danh từ địa phương, dân chúng gọi như thế – thành lập "Áp Chiến Lược", dân chúng "bị lừa" về đây, ưng hay không ưng cũng dọn nhà mà đi – nhà là những cái lớn hơn chòi lá một chút, vách lá cả thôi, tháo ra thì chẳng còn gì. Dân có người than: "Cho một mồi lửa mà đi cho xong." Về ở xóm này, gần lộ hơn, muốn đi Rạch Giá – Hà Tiên gì cũng dễ. Chính quyền "kiểm soát" cũng dễ.

Ở không được, đi cũng khó. "Cách Mạng" thì cấm dân chúng đi. Đi thì "mấy chả" ở với ai, ai tiếp tế, ai giao liên, chỗ nào cho họ trốn. Vậy họ phải rút sâu vô rừng Trà Tiên, ở với trăn, rắn, cá sấu, heo rừng hay sao?... Dân không đi thì lính làng lính lệ "hành quân" vô: la mắng, nạt nộ, có khi lố ngớ còn "ăn báng sún" vì bị cho là ngoan cố, là "Dzịệt Cộng". Vậy rồi lính cầm súng đứng canh chừng cho dân chúng khăn gói, bỏ nhà ra ở sát ngoài lộ Rạch Giá / Hà Tiên.

Hồi trước "chín năm" – chín năm kháng chiến chống Tây 1945-54, tức là thời còn Tây đô hộ – khi ông Chủ Ry còn làm ruộng xứ này, tá điền của ông dựng nhà dọc hai bờ kinh Xà Tón – bản đồ ghi là Kinh 1 – và kinh xáng Rạch Giá / Hà Tiên; nay chỉ còn lại một ít, coi như "dân cố cựu" xứ Vàm Rầy.

Nhà ông Chủ Ry ở ngay "dzà" kinh Xà Tón với kinh Rạch Giá / Hà Tiên, bị Việt Minh phá bằng phẳng khi ông bỏ nhà lên ở Rạch Giá.

Phía bên kia đường, ngang nhà ông, có mấy ngôi mộ xây, sơn trắng. Đó là di tích độc nhất của "ông Tây lai" mang họ mẹ, họ Đinh, còn lại ở xứ này.

Thân phụ ông Chủ Ry là một ông Tây chính cống, dân ở đây chưa ai từng thấy ông. Ông gốc ở đảo Corse bên Địa Trung Hải, qua Việt Nam khoảng đầu thế kỷ 20, lái kinh xáng thối. Chính ông là người đào kinh Rạch Giá / Hà Tiên, kinh Núi Sập, kinh Long Xuyên / Rạch Giá. Người Việt Nam ngày nay, được hưởng tiện nghi di chuyển khi đi trên những con kinh xáng này, đâu có biết để nhớ ơn "ông Tây Corse" sang đây đào kinh cho ta.

Ông cưới một bà họ Đinh làm vợ. Đúng là một bà "đầu gà đít vịt". Người ta chỉ gọi lén như vậy vì sợ mất lòng, mặc dù họ biết chắc chắn mấy cô "đầu gà đít vịt" – người Tàu lai Miên – ai cũng đẹp, chẳng bị ai chê xấu bao giờ. Qua thế hệ sau, ông Chủ Ry lại cưới một bà vợ Việt Nam. Cũng xin nói lén một chút, gia đình này mang nhiều dòng máu đấy: Tây, ta Tàu, Miên đủ cả, là "quốc tể" đấy. Hèn chi họ khôn dàn trời.

Từ nhà ông Chủ Ry ngược lên ngã Hà Tiên là "Xóm Miên" – ấy là hồi xưa, bây giờ không còn gia đình Miên nào đâu – phía dưới nhà ông là xóm Vàm Rầy và xóm Biển, hầu hết là gia đình người Việt. Năm "Thổ dậy" – tức là năm đầu "Nam Bộ kháng chiến" – chính quyền tan rã, tình hình lộn xộn. Ở vùng Tây Nam Bộ, người Miên thường nổi dậy, cầm dao, cầm mác, chà gạc... tấn công các xóm người Việt, giết người, hãm hiếp phụ nữ, đốt nhà, v.v... Ai đã xem tiểu thuyết "Chú Tư Cầu" của Lê Xuyên, chắc nhớ chuyện "Thổ dậy" này.

Ông Chủ Ry, là Tây lai, thường bênh người Việt, thấy người Miên làm bậy ông thường rầy la. Có mấy lần "Thổ" ở xóm Miên "dậy", cầm đuốc cầm dao tính xuống tấn công xóm người Việt ở cuối nhà ông. Ông Chủ Ry bèn ra đứng giữa đường, chặn người Miên không cho xuống; rồi ông đưa súng lên trời, bắn "đùng" một phát thị uy. Người Miên sợ súng, sợ ông Chủ Ry, bỏ chạy cả. Xóm Vàm Rầy được yên, cũng là nhờ ông Chủ Ry vậy.

Đời lắm chuyện tréo ngoe. Nhà có hai anh em, anh là ông Chủ Ry, là chủ điền, giàu có, ruộng hàng ngàn mẫu, (1) bỏ tiền thuê dân đào kinh xã phèn để làm ruộng, tên gọi là "kinh Chủ Ry". Em ông, không ai còn nhớ tên là chi, thường gọi là "Chú Út". Hai anh em là "Tây lai", nhưng "Chú Út" lại không theo Tây, như ông cha người Việt Nam xứ đạo An Hòa. "Chú Út" lại theo Việt Minh chống Tây xâm lược nước ta. Không ai nhớ ông ở trong "đơn vị" nào, nhưng mấy trận đánh chặn Tây di chuyển trên đường Rạch Giá / Hà Tiên đều có "Chú Út" tham gia cả. Tư Trạng kể: "Chú Út gan lắm, Chú to con – Tây lai mà – thường ôm khẩu "FM đầu bạc", đứng thẳng người mà bắn, chớ không núp sau mô đất như người ta."

Vậy rồi "Chú Út" tử trận, sau khi ông Chủ Ry sợ Việt Minh – họ nghi ông "theo Tây" – phải dắt vợ con chạy lên trú ngụ ở Rạch Giá, để được an toàn hơn. Bấy giờ, Rạch Giá cũng như Hà Tiên, hai đầu tỉnh lộ 80 đã bị Tây chiếm rồi.

Mấy ngàn mẫu ruộng của ông bị "hoang hóa", tức là bị bỏ hoang. Tá điền không có sức, không có tiền, không làm ruộng được, phiêu lạc tứ tán cả. Xóm Vàm Rầy trở nên tiêu điều, hoang vắng. Chiến tranh đáng nguyên rủa thực!!!

"Anh Hai Re" – dân chúng địa phương gọi thân mật như thế – và cô em gái ông, tên là Đinh Thị Xuân Yển, tên Tây là Annette – "Chị Tư Nết" – cũng dân chúng gọi "chị"

thân mật như thế – cũng bỏ xứ lên Rạch Giá. Ở đây, ông Chủ Ry được Tây cho đầu thầu, làm chủ “Câu Lạc Bộ” ở “Secteur de Rạch Giá”. Các ông quan Tây cũng như mấy ông quan Việt Nam thường vô ra ăn uống ở câu lạc bộ này. Trong số quan Việt Nam có một ông quan hai – sau này gọi là trung úy – Trần Thiện Khiêm, đóng đồn ở xã Mông Thọ, cũng trên tỉnh lộ 80 đi Long Xuyên, thường vô ra rồi phải lòng “Chị Tư Nết”. Bây giờ bà là phu nhân ông đại tướng / thủ tướng, quyền uy lớn vô cùng. Trùm cả miền Nam, chỉ sau ông tổng thống mà thôi.

Vừa ngồi xuống ghế, chưa gọi chi để uống, “Anh Hai Re” nói với tôi, thân mật, như đã biết nhau từ lâu:

–“Tôi về tìm mộ chú Út. Chú theo Việt Minh, bị Tây bắn chết chôn đầu ở đâu kinh Xà Tón.”

Đoán chừng “ông anh” ham đi chơi với bồ nhí, thì giờ đâu mà đi tìm mồ, tìm mả, tôi trả lời ngay:

–“Anh Hai đừng lo, để tui tìm; xong, báo cho anh Hai ngay.”

Đúng tim đen của “thằng chả”, ông cảm ơn rồi rít, giao việc cho tôi, lên xe nổ máy đưa bồ nhí đi Hà Tiên.

Hôm sau, tôi lái xe xuống Vàm Rầy, cho lính gọi Tư Trạng cho tôi gặp. Mấy tháng trước, do lời khai của mấy “giao liên Việt Cộng” bị bắt, tôi sai thiếu úy Kiệt xuống bắt Tư Trạng đem về điều tra.

Tư Trạng là lính Bảo An thời cụ Ngô còn làm tổng thống. Trong một trận đánh ở kinh Kháng Chiến, Tư Trạng bị thương ở cánh tay phải, đạn làm mẻ một chút xương. Anh ta được giải ngũ, về làm chủ Dzựa (vựa) trà ở gần đầu cầu Vàm Rầy.

Vậy rồi Tư Trạng làm giao liên cho Việt Cộng, bị Cảnh Sát bắt. Tư Trạng khai với tôi:

–“Khổ lắm ông à! Dân chúng như tụi tôi một cổ hai tròng.

Tôi cướp lời y:

–“Tui biết rồi. Anh muốn nói tới chuyện cái bao tử của người dân chớ gì. Dân thì ở ngoài kinh với Quốc Gia, nguồn sống của dân thì ở trong bưng, Việt Cộng nắm chặt, cho ai được no thì no.”

Tư Trạng nói:

–“Đốn trà, giang câu, đặt lợp... đều ở tròng. Quốc Gia có vô tới tròng đâu. Tui không vô tròng, nhưng họ cũng nắm đầu tui dzậy.”

–“Anh nói rõ đi.” Tôi khuyến khích.

–“Ai vô tròng đốn trà, phải nói trà đốn về chỉ bán cho tui. Không bán cho tui, họ không cho đốn trà.”

–“Họ giúp anh làm ăn, độc quyền mua trà. Anh còn than chi nữa.”

–“Cái đó là cái chết tui đó ông. Saigon về mua trà, là mua của tui. Xong rồi, ở tròng họ nhắm với tui đóng thuế cho họ. Không làm lơ được đâu. Làm lơ hả? Họ gửi thơ ra cảnh cáo. Nửa đêm họ ra tới nơi, ai bảo vệ tui?”

Chuyện chỉ đơn giản như thế, nhưng đời sống dân chúng không đơn giản. Dân thì ở với Quốc Gia, bao tử thì do Việt Cộng ở trong rừng trà nắm lấy.

Tôi đưa trường hợp Tư Trạng ra ban an ninh, đề nghị tha, cho về. Ai cũng đồng ý, không ai muốn làm khó dân.

Trước khi cho về, tôi gọi Tư Trạng, hỏi:

–“Anh là bạn học với “Chị Tư Nết?”

–“Dạ đúng.” Tư Trạng trả lời.

Vốn tính tò mò, tôi hỏi:

-“Hồi đó trường ốc như thế nào?”

Tư Trạng giải thích:

-“Xưa thì tui không biết. Xưa lắm, tỉnh Hà Tiên rộng tới Cà Mau, Bạc Liêu. Hồi tui lớn lên, hồi Tây, tỉnh Hà Tiên chỉ qua khỏi ấp Lung Lớn là hết. Vùng nhà máy Hà Tiên bây giờ, xưa thuộc quận Hòn Chông. “Dzàm” Rầy này thuộc tỉnh Rạch Giá, không có trường ốc chi hết. Ông Chủ Ry, hồi còn làm ruộng, cho dựng mấy gian nhà tranh, kể nhà ông, mời thầy dạy chữ cho chị Tư Nết với các con ông. Ai có con muốn đi học, ông cho vô học chung, khỏi đóng tiền trường. Tui cũng được cha má tui cho đi học; biết đọc biết viết.”

-“Còn “Chị Tư?”

-“Khi “chị” lớn, ông cho lên học Saigon. Tới hồi Nam Bộ Kháng Chiến, “chị” cũng mới lớn, chưa có chồng.”

-“Còn Chú Út?” Tôi hỏi.

-“Dân ở đây ai cũng thương ông Chủ Ry, Chú Út. Chú “bình dân” hơn. Chú đi học đâu Saigon, mỗi khi về xứ này, Chú cũng đi đốt đồng bắt chồn, bắt rắn... đi chần trâu chơi với thanh niên trong xứ. Ai cũng thương.”

-“Chú theo Việt Minh hồi nào?” Tôi hỏi.

-“Khi Tây tới Saigon. Người ta hô hào “Nam Bộ Kháng Chiến”, không những chú tham gia mà còn rủ rê thanh niên đồng trang lứa như chú tham gia. Đánh Tây mấy trận rồi chú tử trận.” Tư Trạng kể.

-“Khi chú bị thương nặng, khiêng về đây, ai thấy cũng khóc. Không có thuốc men, cả thầy “phạm-nhe” (2) cũng không, không ai biết cách chăm sóc, chú qua đời.” Tư Trạng kể tiếp.

Một phần giữ lời hứa với “Anh Hai Re”, một phần yêu kính những người hy sinh vì nước, nay mờ mả thất lạc đâu đó nên hôm sau tôi lái xe về lại Vàm Rầy, đem theo Ba Cẩn, trung sĩ Cảnh Sát của tôi, nguyên là thợ mộc, Sáu Lợi, cũng trung sĩ Cảnh Sát, nguyên là thợ hồ, với hai “tà lợt”. Tôi cho gọi Tư Trạng tới quán cà phê đầu lồng chợ, uống cà phê với tôi.

Một lúc sau, thiếu úy Chiểu, trưởng cuộc, cũng ra ngồi uống cà phê bên cạnh tôi.

Tôi nói với Tư Trạng:

-“Bữa nay tui về tìm mộ “Chú Út”. Anh biết mộ chú ấy ở đâu không?”

-“Biết chớ! Đầu dzàm (vàm) kinh Xà Tón chớ đâu!” Tư Trạng trả lời.

-“Anh biết chắc vị trí chớ?” Tôi hỏi.

Tư Trạng nói:

-“Chắc thì không chắc. Để hỏi chú Ba Lộ coi. Nhà chú bên này kinh. Mộ “Chú Út” ngang bên kia kinh.”

Tôi vừa nói vừa quay ngó thiếu úy Chiểu:

-“Ba Lộ thưa ông Ra chớ gì. Gặp tôi, không biết ông ta có ngại gì không?”

-“Không gì đâu, đại úy. Em gặp ông ta hoài, có thấy gì đâu.” Thiếu úy Chiểu nói.

Ông Ba Lộ có người con trai trốn quân dịch, thường trốn ở cái chòi dựng trong đồng. Hôm con trai ông lén về thăm nhà, bị trung sĩ Tám Honda phát hiện, báo cho ông Ra. Ông Ra đến bắt, đòi chạy hai chục ngàn, sẽ tha.

Việc xong rồi, Ba Lộ ước tình làm đơn thưa lên quận. Tôi hỏi ông Ba Lộ:

-“Thiếu úy Ra đòi tiền bao nhiêu?”

Ba Lộ nói:

-“Thưa ông, còng tay con trai tôi xong, ông thiếu úy đưa lên hai ngón tay. Tôi tưởng hai ngàn, cho là rẻ, bèn đưa hai ngàn. Ông không chịu, nói tới “hai chục”. Tôi vét hết tiền đưa cho ông. Ông mở còng biểu con tôi trốn vô trốn đi.”

Tôi gọi thiếu úy Ra lên cự nự, nói:

-“Dân họ thưa thì tôi cho an ninh điều tra, trình lên trên, không làm khác được. Ông rán chịu.”

Kết quả, ông Phó Thao cho ông Chiêu về thay ông Ra. Ông Ra về tình hình diện, không biết sau đó, ông Thao cho “đệ tử” của ông đi đâu!

Tôi bực mình chuyện thưa kiện. Hôm về họp ở tỉnh, “xếp” nói: “Phải đe chừng thuộc cấp, mang tiếng cho chú, cho tôi, mà cho cả ngành nữa.” Tôi “dạ”, trong lòng không vui.

Xong chiều càphê, cả đám bọn tôi tới nhà Ba Lộ.

Nghe chuyện xong, Ba Lộ nói:

-“Lui sau nhà tui, ngó qua cũng thấy rõ.”

Ba Lộ lôi cái xuống ba lá cột ở sau hè ra, đưa tôi với Tư Trạng qua kính trước. Mấy người kia tự động qua sau.

Ông Ba Lộ chỉ ngay chỗ đất dưới chân ông, nói:

-“Ông đại úy thấy không. Mấy năm nay, xe “Em – trăm mười Ba” (M-113) lên xuống chỗ này hoài, đất trải bớt đi, nhưng ngay chơn tui, đất vẫn còn cao. Mộ ngay chỗ này.”

-“Này, chú Ba này. Ai chôn “Chú Út” ở đây?” Tôi hỏi.

-“Dân chúng chớ ai. Hồi năm, ông Chủ Ry chạy lên Rạch Giá rồi.”

-“Không ai cúng quảy gì cả?”

-“Thân nhân đi hết. Tá điền cũng đi hết, ai mà cúng. Mấy năm hòa bình, ông Chủ Ry có về cho xây lại mồ mả. Chiến tranh lại xảy ra, đường sá mìn bầy như dzầy, ai mà dám về.”

Tôi sai trung sĩ Cận và trung sĩ Lợi đóng cọc làm dấu quanh mộ, làm dấu hướng đầu, hướng chân...

Tôi không nói gì thêm với Ông Ba Lộ với Tư Trạng việc tôi hứa với “anh Hai Re”. Xong đâu đó, tôi chào mọi người ra về.

Tuần sau, tôi đến chỗ cũ, cho ghe chở xi-măng, gạch tới, cho lính của tôi đào đất xây vòng thành bốn phía, làm bia ghi “Mộ Chú Út” – vì tôi không biết tên chú ấy -, sơn quét đàng hoàng. Xong, tôi biểu thiếu úy Kiệt chụp hình ngôi mộ.

Thật lòng, tôi không có “hậu ý” gì khi làm công việc này cả!

Tôi đưa mấy tấm hình cho nhà tôi coi. Nhà tôi nói: “Để em giữ”. Tôi không biết cô ấy có ý gì. Mấy hôm sau nữa, nhà tôi biểu tôi sai lính lấy vé máy bay nhà máy Xi măng Kiên Lương đi Saigon.

Té ra cô ấy khi lên Saigon, tới nhà ông Hai Re, đưa hình cho ông ta coi, rồi cùng ông Hai vô gặp bà thủ tướng Khiêm. Bà thủ tướng Khiêm cảm ơn rồi rít, hẹn: “Khi nào đi Saigon ghé “chị” chơi. Cần gì “chị” giúp đỡ cho”. (Bà ấy tự xưng “chị” với nhà tôi). Câu chuyện này được mấy bà Rạch Giá kháo với nhau, tới tai bà vợ “xếp” của tôi.

Hôm tôi về họp ở Kiên Giang, “xếp” nói với tôi: “Chú đã khôn mà “con mẹ Hải” (tiếng mấy bà Rạch Giá thường gọi nhà tôi một cách thân mật) khôn “thầy chạy luôn”. Nó đem mấy tấm hình lên gặp “Chị Tư” thì nó đâu cần nhờ vả gì mấy bà ở đây nữa.”

Ý ông muốn nhắc tới chuyện bà trung tá Trõ, tình trưởng, nhờ bà Tám Nghĩa – bạn thời con gái với “Chị Tư” – đưa lên Saigon gặp “Chị Tư” vì có chuyện cần giúp đỡ. Chẳng bao lâu thì tới Ba mươi tháng Tư, tôi mất cái dù che to tổ bố. Thiệt là “Thiên bất dung gian.”

Ông Tám Nghĩa (Bùi Nhật Nghĩa) là dân biểu thời Đệ Nhất Cộng Hòa, bị Việt Cộng xử tử tại sân vận động Rạch Giá sau tháng Tư/ 1975.

1)- Cuối mùa hè năm 1973, ông Chủ Ry từ Saigon về Kiên Lương. Ông Quận Trưởng với tôi đón ông ở văn phòng quận. Ông đưa bàn tay to tướng của ông, chụp lên tấm bản đồ quân sự 25/100 treo ở trong phòng, chỗ có con kính mang tên ông: Kính Chủ Ry.

Ông nói: “Ruộng của tui là chỗ này nè!”

Chỗ bàn tay ông chụp vô, tính ra chừng vài ngàn mẫu ruộng. Nếu cho lính vô đó hành quân, có lẽ phải “lội ba ngày trời” cũng chưa hết ruộng của ông.

Hôm đó ông về quận là để chính quyền địa phương xác nhận số ruộng của ông để ông xin chính phủ bồi thường “truất hữu” trong chương trình “Người Cày Có Ruộng” của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Chưa bao lâu thì miền Nam sụp đổ, tôi không rõ ông có được bồi thường đồng nào hay không.

Cách đây mấy năm, ông cựu thiếu tá Đinh Văn Tuyên, con trai thứ của ông Chủ Ry, gọi điện thoại cho tôi, nói chuyện “Xóm Cũ” thời thơ ấu của ông ấy chơi.

Lại tò mò, tôi nói:

-“Ông Cụ có cả mấy ngàn mẫu ruộng ở Vàm Rầy, tiền bồi thường chắc khẳm.”

Nói vậy là ý tôi đoán chừng là bố vợ ông đại tướng / thủ tướng, ông không gặp khó khăn gì khi lập hồ sơ đòi tiền “truất hữu”.

Ông Tuyên cười nói:

-“Lầm rồi ông ơi! Ai dám đòi “ăn chia” với ba tui, nên hồ sơ ngậm hoài, đến ngày ba mươi tháng Tư, coi như xong.”

2)-Infirmier: Y tá; dân chúng gọi nôm na là “phạm nhe”.

[Bài 2] Quả lựu đạn

-“Kiểu này thì chết!”

Tôi nói câu ấy khi thiếu tá Long, quận trưởng, vừa bước tới ngồi vào cái ghế bên cạnh bàn tròn, nơi tôi đang uống cà phê. Nghe tôi nói, thiếu tá Long hỏi ngay:

-“Gì mà ghê vậy?”

Thiếu úy Chiêu đỡ lời tôi:

-“Thằng Chó! Tối qua quậy dữ. Sáng nay quậy nữa. Dân chúng than quá trời!”

Thiếu tá Long nói:

-“Tôi cho một thằng đệ tử, vật cổ nó xuống là xong.”

Tôi cản:

–“Đừng ông ơi! Quả lựu đạn của nó còn ngòi. Nó bật một cái là chết chóc tùm lum. Ghê lắm. Dân chúng chết lây. Không được đâu.”

Thằng Chói đi lính Biệt Động Quân ở Cao nguyên, hơn một năm nay nó mới được về phép. Về tới nơi, nghe tin con Hòa, bồ của nó, bỏ xứ lên Saigon bán bar Mỹ, chán đời, thất tình, nó bỏ phép luôn. Hết phép hơn mười ngày rồi mà coi như không, nhậu riết, từ trưa tới khuya, ai nói cũng không nghe, còn hăm dọa người ta.

Nó có quả lựu đạn. Mỗi lần nhậu, nó lôi quả lựu ra, tháo chốt, bỏ vào cái ly cối. Cái ly rộng vừa tầm để kẹp cái mỏ vịt quả lựu đạn lại, không bật lên được; rồi đổ bia vô ly, bung uống. Ai thấy cũng sợ khiếp. Quả lựu đạn trật ra khỏi cái ly là coi chết, bị thương cả chục mạng người như không.

Sáng ra, nó vô quán con Bạch, kêu càphê, xong châu càphê là tới bia, rượu. Chuyện tiền bạc, con Bạch chịu được, không tính lời lỗ, nhưng khi thằng Chói đã vô quán ngòi, ai mà dám vô đó nữa, thành ra quán nó vắng hoe. Thấy tay nó cầm cái ly cối, trong có quả lựu đạn, lắc qua lắc lại, thiên hạ bỏ đi cho mau, sợ lựu đạn văng ra, nổ bắt tử. Coi như quán con Bạch ế xệ; đám “hạ bạc” (1) không tới, bà con cũng không ai tới. Quán con Bạch mỗi ngày chỉ có một người khách độc nhất, mà lại khách ghi sổ, biết khi nào khách có tiền mà trả.

Cũng đôi khi một thằng “hạ bạc” nào đó, vô tình đi vô quán, bị thằng Chói cặp cổ, biểu nhậu chung cho vui, vui nhưng mà phải trả tiền nhậu, thế mạng cho thằng Chói. Bữa đó thì con Bạch thu được ít tiền, cũng chẳng thấm vào đâu. Quán nó thường đông khách. Khách đâu có “chạy làng” như vậy.

Con Bạch chắp tay lạy thằng Chói mấy lần mà coi như không. Nó vẫn y cái thói dọa dẫm bằng cách dùng lựu đạn như thế, chuyện chẳng đi đến đâu.

Mùa hè năm nay, trước ba cái chết của ba người lính của tôi, tôi cũng đâm ra lạnh mình. Lạnh mình chứ không lạnh dò. Ở xã An Hòa, thiếu úy Sơn, trẻ và đẹp trai nhất của tôi, “hăng máu vịt”, dẫn mấy trung sĩ cảnh sát của nó – không có lệnh lạc gì của tôi cả – tấn công giải tỏa hai chốt Việt Cộng ở cuối ấp Lò Vôi cuối xã, trên đường kinh vô “mật khu Trà Tiên”, bị Việt Cộng pháo kích. Trung sĩ Lê Bình Thạnh lãnh một trái “mọc 60”, chết tại chỗ. Tình hình căng lắm, phải tới chiều, khi tôi với thiếu úy Ký, dẫn trung đội Cảnh Sát Dã Chiến vô gần tới nơi trung sĩ Lê Bình Thạnh chết, không tiến lên được nữa, trung sĩ Huỳnh Tho xung phong đi lấy xác Thạnh. Anh ta giả làm dân thường đi đốn trà, kéo cái xác Lê Bình Thạnh xuống chiếc xuồng ba lá, chèo về. Thấy cái xác Lê Bình Thạnh đầu vỡ nát, nằm chèo queo trong cái xuồng nhỏ, tôi muốn chảy nước mắt. Ra tới chợ quận, vợ Lê Bình Thạnh chờ sẵn đó, thấy xác chồng, nó khóc thê thảm, ai nấy cũng nảo lòng.

Sau đó không lâu, nhân dịp “Mừng sinh nhật Hồ Chí Minh” của Cộng Sản, chúng tấn công vô “xã Vàm Rầy”, tôi lại mất thiếu úy Phan Trí Huệ, hai mươi tuổi, mới ra trường, nhà ở đường Nguyễn Cư Trinh, Saigon cùng với trung sĩ Lê Văn Út, phó cuộc. Bên quân đội chết thiếu úy Trực, phân chi khu trưởng.

Trong vòng một tháng mà có những ba bốn cái chết, lòng tôi “u ám” thế nào ấy. Hôm Việt Cộng tấn công “đồn Lung Lớn”, bị thiếu tá Long cho pháo dập, hơn một chục cái xác nằm trong, ngoài hàng rào. Tôi và thiếu tá Long đến nơi; ông ta nói với tôi: “Moa xông pha biết bao nhiêu trận, bây giờ thấy máu xương như vậy, moa cũng ngán”.

Lỡ như có án mạng nữa, tôi cũng ngán như ông ta. Đâu chỉ mình sợ cho mình, còn những người chung quanh mình nữa chi?! Chết là hết, “đời là vô thường”, sống đó, chết đó, nói nghe dễ. Người chết thì dễ, người sống mới khó. Đó là cái “hậu quả” người chết để lại. Thành ra, tôi chẳng “thúc đẩy” thiếu úy Chiểu, thiếu úy phân chi khu trưởng giải quyết vụ thằng Chói cho mau. Từ từ rồi cũng xong, nôn nóng ích chi. Nói vậy là để an ủi, lỡ như có ai biết ruột gan tôi mà chê bậy tôi nhát gan.

Buổi chiều, khi tôi ngồi vào vô-lăng chiếc xe Jeep, tính nổ xe về, thiếu úy Chiêu mặt buồn xo, hỏi tôi:

-“Tính sao đại úy?”

Tôi nói như để an ủi anh ta:

-“Thôi! Để thêm một bữa nữa thử coi. Mai tôi xuống.”

Thiếu úy Chiêu buông tay đang vịn ở cửa xe, tôi nhìn anh ta, không vui, và đạp gas cho xe chạy tới.

Hôm sau, giải quyết vài việc ở văn phòng xong, tôi đi ra garage định lên xe. Thấy Phan Chánh Tiêm, trưởng ban Truyền Tin đang đi vào sân, tôi nói với anh ta:

-“Ông” gọi máy về nhà, báo cho cô biết, trưa nay tui không ăn cơm nhà.”

Việc tôi không ăn cơm trưa ở nhà xảy ra rất thường, bởi ngày nào tôi cũng xuống các xã, ngay cả những xã ở xa như xã Bình Trị, ở núi Hòn Chông, nơi căn cứ của Nguyễn Trung Trực ngày trước. Xã này Việt Cộng mạnh vì núi Hòn Chông là nơi chúng dễ ẩn núp; thứ hai, xã Tín Đạo, bao gồm cả vùng Nam Thái Sơn là vùng tôi thường gọi là “Cộng Sản ba đời.” (2)

Hôm qua, tới giờ đi ngủ, tôi vẫn còn băn khoăn về vụ thăng Chóí, làm sao cho thăng Chóí trở lại đơn vị là xong. Suy nghĩ hoài mà tôi chưa tìm ra cách chi. Tôi dự tính hôm nay cứ biểu thiếu úy Chiêu báo cáo sự việc lên cho tôi, tôi sẽ họp bàn với “ủy ban An ninh” coi có cách gì giúp đỡ.

Xuống tới nơi, trước khi vào cái quán càphê quen như thường lệ, tôi đi quanh quan sát một vòng. Bọn Việt Cộng thường theo dõi thói quen của chúng ta. Biết chúng ta hay tới lui ở những đâu, chúng sẽ gài bom, lựu đạn, v.v... Khủng bố là nghề của chúng đấy, chúng là “tổ sư”.

Xong, tôi vô quán, chưa kịp kê cái gì uống thì thiếu úy Nguyễn Minh Chiêu từ trong “trụ sở cuộc Cảnh Sát” đi ra, kéo ghế ngồi bên tôi, nói:

-“Con Hòa nó về rồi.”

Ban đầu, tôi tưởng thiếu úy nói tới cái tính “bay bướm” của mấy ông sĩ quan, bèn nói:

-“Mấy ông còn trẻ, có muốn “léng phéng” thì nhào vô. Tui thì kẹt đấy. Ba nó khi còn sống là nhân viên của tui mà!”

Thiếu úy Chiêu trả lời ngay:

-“Không! Không phải em muốn nói chuyện đó. Em muốn nhờ con Hòa...”

Tôi hỏi lại ngay:

-“Nhờ gì?”

-“Nhờ nó dụ thăng Chóí trả phép. Thăng đó trở lại đơn vị là xong.”

Tôi cười:

-“Mỹ nhân kế”? Phải không? Kế đó hay đó. “Sắc bắt ba đào dị nịch nhân”. Sở thiếu úy Chiêu không hiểu câu chữ Nho, tôi nói tiếp: “*Khí phách kẻ anh hùng đưng không đặng đôi mắt mỹ nhân*”. Ông nói với nó chưa?”

-“Nó không chịu đại úy. Nó bảo là nó đã “phản” thăng Chóí rồi, không chung thủy với thăng Chóí rồi, gặp lại thăng Chóí nó mắc cỡ. Nói chi nó cũng không?”

Tôi hỏi:

-“Ông” nghĩ, thử tôi nói, nó có nghe không?”

-“Đại úy nói nó nghe?”

-“Bậy, tại sao nó nghe? Tại tui loon to hơn ông? Tui không tin vậy.”

-“Nói ra buồn cười. Tụi con gái ở đây con nào cũng khoái “ông đại úy” vì “ông đại úy” có vợ đẹp. Bữa cô xuống đây chơi, tụi nó khát với nhau “bà vợ ông đại úy” đẹp và sang lắm, ăn mặc đúng kiểu Saigon lắm. Tụi nó kéo nhau đi coi. Tụi nó đứng ở xa, cô lại gọi chúng tới, nói chuyện vui vẻ, cười đùa với tụi nó.”

-“Tui nói mà nó không nghe, tui biểu cô nói. Nhưng bọn mình là đàn ông mà công việc phải nhờ đàn bà thì... “quê” quá mậy!”

-“Nói cho cùng, cũng tội nghiệp cho mấy đứa con gái nhà quê, ngưỡng mộ dân Saigon.”

Có lẽ thiếu úy Chiểu nói câu đó vì ông nhớ câu chuyện phim tôi kể cho ông ta nghe tháng trước. Hôm tôi về Saigon, đi xem phim “La fille de Ryan” về tôi thấy thương con lắm. Tự nhiên đem con về ở xứ ruộng, không có ciné, không có nhạc hội, không có sở thú, không có thư viện... giống như cô gái trong phim, “mê” Dublin quá mà phải lấy ông thầy già làm chồng, rồi phản bội chồng. Tôi phải tìm cách đem con về Saigon ở, học hành ở đó có thầy hay bạn giỏi, chúng mới có tương lai.

Vừa lúc đó thì ông phó quận trưởng Nguyễn Đức Nghiêm tới. Ông này tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh, hai ba năm nay. Tôi quay ra phía ông, gọi to:

-“Vô đây đã ông phó quận ơi!”

Ông ta đi vào, ngồi xuống cái ghế bên cạnh tôi. Tôi hỏi:

-“Uống chi? Tui kêu cho.”

-“Được rồi, để tôi.” Xong ông kêu một cái “xí-nại.”

Trong khi chờ càphê, “ông phó Nghiêm” hỏi tôi:

-“Chuyện thăng Chóí xong chưa?”

-“Ông cũng biết à? Chuyện không phải là bây giờ, bây giờ hy vọng xong. Tui nghĩ tới ngày sau.”

-“Ngày sau là sao?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

-“Ông thử nghĩ coi. Mai đây hòa bình, mỗi thằng lính giải ngũ, lén ôm về một quả lựu đạn, rồi tụi nó “quậy” như thằng Chóí này, xóm làng nào chịu nổi. Chính quyền xã ấp “mệt cầm canh” với tụi nó đấy. Phải không?”

-“Nghĩ chi cho xa!” Phó Nghiêm nhấp một chút càphê cô chủ quán vừa bưng tới, nói tiếp: “Suy ra, tui thấy ông nói nhiều cái nghe cũng hay, ở ruộng rẫy như thế này, có ông nói chuyện cũng vui.”

-“Ông là người trí thức, cũng như đám mấy kỹ sư nhà máyximăng Hà Tiên vậy, tui mới nói mà thôi. Nhìn xa thì như thế này:

“Thanh niên lớn lên ở thôn quê, tụi nó đang yên bình, tập cầm cày, cầm cuốc, làm ruộng, phát hoang... Bỗng chiến tranh! Chiến tranh lôi chúng ra khỏi ruộng đồng, lôi tay chúng ra khỏi cái cuốc, cái cày, dí vào tay chúng quả lựu đạn, cây súng, biểu nhắm cho trúng lỗ châu mai mà bóp cò, dạy cho chúng việc bắn nhau, giết nhau; rồi hòa bình, đuổi về. Tụi nó bây giờ lạ lẫm với cái cuốc, cái cày, không quen việc làm ruộng, ở lính khi nào không hành quân thì “cà nhong”, quen rồi, trong khi chẳng ai chuẩn bị cho chúng một cái nghề gì “hậu chiến” cả. Thật là cả một vấn đề khó khăn với hàng triệu thanh niên.”

Bỗng phó Nghiêm hỏi tôi:

-“Nghe nói ông có làm việc ở “Phủ Quốc Vụ Khanh Kinh tế Hậu chiến?”

-“Đếch gì đâu! Nói nào ngay, khi tôi nhập ngũ, tính kiếm một “đơn vị không tác chiến”, còn lo cho vợ con được, giáo sư VQT, vì một lý do riêng khi ông ra tranh cử Thượng viện, gọi tôi tới, tính giao cho tôi một cái chức công cán, công kiếc gì đó. Nhờ đó, tôi có đọc một vài tài liệu về “hậu chiến”, chẳng hạn như về “khu thương mại quốc

tế Thủ Thiêm”, về xây dựng mới “ga xe lửa Saigon 5 tầng lầu”, “kế hoạch kết nối hải cảng Tân Thuận – Vũng Tàu”, về kế hoạch “khai thác quặng nhôm Đắc-nông”... Tôi có để ý một điều, về cải tiến xã hội, không thấy có một tài liệu nào, ngoài cái của ông Nhu. Cái này lại không thực tế.”

“Thêm điều nữa, về đây, tôi mới thấy việc “đào giếng lấy nước làm ruộng là hay, không dùng nước kinh tưới ruộng để tránh phèn, chỉ làm được có một mùa. Còn như ổn định cho “cựu chiến binh” thì không thấy các “sư phụ” nói gì?”

–“Sư phụ nào?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

–“Sư phụ nào nữa. Mấy ông trong “Kinh tế Hậu chiến” là “sư phụ” cả đấy.”

Một lúc sau thiếu úy Chiếu với con Hòa tới. Tôi mời hai người ngồi chung bàn. Họ ngồi xuống ghế sau khi chào ông phó Nghiêm.

Tôi hỏi Hòa:

–“Mẹ em có khỏe không?”

–“Cám ơn đại úy. Mẹ em khỏe.” Cô Hòa trả lời.

–“Còn em thì sao?” Tôi hỏi tiếp.

–“Em cũng khỏe.” Cô ta trả lời.

Tôi nói:

–“Em trả lời vậy là không đúng đâu. Em phải nói là “em khỏe” và “đẹp thêm ra”. Đi Saigon về “đẹp thêm ra”.

Nghe tôi nói đùa, ai cũng cười.

Phó Nghiêm cũng cười, nói:

–“Ông đại úy người Huế này “ga-lăng thầy chạy luôn.”

Mọi người lại cười.

Một lúc, tôi nói với Hòa:

–“Việc thiếu úy Chiếu nhờ em là quan trọng lắm. Anh Chói chơi cái trò ấy rất nguy hiểm. Lỡ lựu đạn nổ, bà con trong xã có người chết, bị thương vì anh ta, anh ta có hối hận không? Một người vì mình mà tàn tật suốt đời, què một chân hay hư một mắt, gặp họ, hỏi trong lòng anh ta sẽ như thế nào? Tui suy nghĩ việc anh Chói làm lung lắm.”

–“Đại úy nói làm em giật mình.” Hòa nói. “Lỡ có ai đui què vì mình như thế, chắc em bỏ xứ mà đi luôn đại úy à!”

–“Lương tâm mà em. Ngoài mặt trận, bắn qua bắn lại, ai chết ai bị thương, là chuyện ở mặt trận, còn ở đây là quê hương mình, bà con mình, mình phải bảo vệ, phải không?” Tôi nói tiếp.

–“Để em dẹp tự ái. Mình bỏ người ta rồi gặp lại người ta cũng mắc cỡ. Thôi để em qua khuyên nhủ hơn thiệt với ảnh.”

Nói xong, Hòa đứng dậy, chào mọi người ra về.

Cô ta đi rồi, thiếu úy Chiếu nói:

–“Đại úy nói hay thiệt, trúng tâm lý, trúng vô lòng thương yêu làng nước của cô ta.”

–“Liệu cách mà nói. Tui cũng thật lòng mà nói thôi, không dụ khị bậy bạ đâu, chân thành mà nói đấy. Với lại, – tôi nói đùa – giáo sư văn chương mà, để cua gái lắm ông!”

Chúng tôi kết thúc bữa uống càphê. Hôm đó tôi về nhà sớm, hy vọng thằng Chói sẽ về đơn vị.

Câu chuyện trôi qua gần nửa năm. Bây giờ đã tới mùa đông. Trời chưa sáng hẳn, còn lạnh, tôi còn nán nằm trong chăn, hẹn với lòng, bữa nay đi làm trễ một chút cũng được. "Xếp" đơn vị mà, trễ sớm không thành vấn đề.

Bỗng có tiếng gõ cửa. Nhà tôi đi ra, nhìn qua khe cửa rồi mở cửa ra. Trung sĩ Tiêm vào. Thấy việc bất thường, tôi hỏi:

- "Việc chi dzậy?"

Trung sĩ Tiêm nói:

- "Thiếu úy Chiêu có việc gấp, xin gặp đại úy ở đâu máy."

- "Nói với ông chờ tui chút. Mười lăm phút nữa, tôi vô (bộ Chỉ Huy).

Nghe tiếng tôi, thiếu úy Chiêu nói ngay:

- "Con Hòa nó mới về sáng nay, đi theo chiếc xe chở quan tài thẳng Chóí. Nó tử trận rồi."

Tôi im lặng khoảng vài phút, hơi xúc động về cái tin thẳng Chóí tử trận. Một lúc sau tôi hỏi:

- "Xe đi suốt đêm à?"

- "Không! Tối hôm qua ngủ lại trên xe ở "bắc" Vàm Cống. Giớ nghiêm, xe không được chạy. Ba giờ sáng, từ "bắc" Vàm Cống mới về tới đây."

- "Sao con Hòa biết thẳng Chóí tử trận mà đem quan tài về?"

- "Hình như thẳng Chóí khai tên và địa chỉ thân nhân là con Hòa. Nhận tin đơn vị báo, nó xin theo xe đưa thẳng Chóí đem về xứ chôn."

- "Bây giờ xe đang ở đâu?" Tôi hỏi.

- "Trước trường học. Chưa biết tính sao cả!" Thiếu úy Chiêu trả lời.

- "Nhà mẹ thẳng Chóí?"

- "Nhà đâu! Cái chòi lá. Thẳng Chóí đi lính rồi, nhà cửa không ai chăm sóc, dột nát cả. Mẹ nó qua ở bên nhà Tư Sậm, vá lưới cho Tư Sậm, vừa có ăn, vừa có chỗ ở. Cái chòi bỏ hoang, gần muốn sụm. Đâu có đem về đó được." Thiếu úy Chiêu giải thích.

- "Việc này là của Xã, Xã phải lo. Ông qua nói với xã Ân, để tạm quan tài phía sau nhà lồng chợ, chỗ ngó ra bờ kinh." Tôi nói như thế là tôi biết phong tục ở xứ ta. Người chết bất đắc kỳ tử, không thể đưa về nhà.

- "Chỗ đó trống lổc, mái che cũng không có."

- "Tui sẽ qua Thiết Đoàn 16 mượn cái tầng lớn, đem về dựng tạm mà để quan tài trong đó. Bao giờ chôn? Tính chưa?" Tôi hỏi.

- "Chưa! Mới về tức thì mà. Chắc cũng mai một gì thôi. Không để lâu."

Thế rồi tôi qua bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 16, gặp trung tá Hồ Đản, thiết đoàn trưởng, mượn tạm cái tầng nhà binh ít hôm. Xong, tôi bỏ cái tầng lên xe Jeep, lái thẳng về Vàm Rầy, không ăn sáng mà cũng quên uống cà phê.

Về tới nơi, tôi thấy trưởng ấp Đực đã huy động một số Nhân dân Tự vệ cùng với mấy trung sĩ Cảnh Sát của thiếu úy Chiêu đợi sẵn. Họ đem cái tầng từ trên xe tôi xuống, rồi dựng lên phía đầu cuối nhà lồng chợ, ngó ra bờ bình như tôi đã dặn thiếu úy Chiêu hồi sáng. Xong, họ xúm nhau bưng quan tài từ trên xe xuống, đặt ngay ngắn giữa nhà tầng. Bạch, cô chủ quán cà phê, "nạn nhân" của Chóí, được con Hòa dặn đầu đó, đem tới bình nhang, một mâm trái cây, chuối, v.v... cũng đủ lễ như phong tục của người dân quê Việt Nam, tuy có phần đơn giản.

Chỉ phút chốc, mọi việc xong xuôi.

Quan sát đám “đạo tỳ bất đắc dĩ” làm xong công việc, tôi mới để ý tới con Hòa. Nó đang ngồi trong nhà lồng chợ, bên cạnh một bà già ốm nhom. Tôi đoán chừng là mẹ của thằng Chóí. Tôi bước tới chào cả hai người.

Trong trí tôi bất giác nghĩ tới mấy tiếng “Mẹ Việt Nam” mà tôi đã từng nghe lâu lắm, có lẽ từ khi Việt Nam bắt đầu có chiến tranh. Chiến tranh do đâu mà có, ai là người gây ra chiến tranh? Và đây, bà già tiều tụy này, cũng như mẹ tôi, cách đây hơn hai mươi năm khi người anh cả tôi bị Tây thủ tiêu, hay “Hùng móm” tử trận khi chỉ huy đại đội dù chiếm lại cố thành Quảng Trị, cách đây chỉ có mấy năm, là nạn nhân của cuộc chiến tranh này, là những người gánh chịu cái hậu quả của những người gây nên cuộc chiến. Giữa mẹ tôi, một người dân tiểu tư sản thành thị, và bà già mẹ của Chóí, một bà nông dân vô sản chính hiệu, đều như nhau, như nhau trong sự đau khổ, trong sự mất mát, trong sự thiệt thòi, trong sự bóc lột. Chiến tranh bóc lột tài sản của họ, nhưng điều đau đớn nhất là bóc lột con cái của họ, thứ tài sản cao quý nhất, mà khi đã mất đi, họ đành chịu mất mát thiệt thòi, không bao giờ có lại được, không có gì bù đắp được.

Hình ảnh bà già tiều tụy, hốc hác, bơ phờ, hệt hẳng vừa mất đứa con yêu, làm cho tôi nhớ tới mẹ tôi đang ở đâu đó với các con: Ở Huế, ở Qui Nhơn với con gái hay ở Saigon với con trai. Nhà mẹ tôi ở thị xã Quảng Trị đã không còn lại gì trong trận chiến vừa qua, khiến mẹ tôi không trở về nhà cũ, nay nhà này, mai nhà kia ở với các con.

Còn tôi ở đây, một trong hai người con trai còn lại của mẹ tôi, đang lưu lạc về tận xứ “nắng bụi mưa bùn”, một nơi, trước kia, tôi chỉ đọc trong sách địa lý, không bao giờ nghĩ rằng, chính tôi, quê ở “vùng hỏa tuyến” lại có thể chân bước lang thang ở nơi tận cùng phía nam của giải đất hình chữ S này.

Tiếng khóc đục khàn của bà già nghèo khổ xứ quê mùa, hòa cùng tiếng khóc trong trẻo mà nức nở của con Hòa, cùng với nỗi thương mẹ đang gây sóng to sóng nhỏ trong lòng tôi làm cho tôi chào họ qua loa cho xong, rồi tôi tới nhà xã Ân ở cuối dãy phố chợ, sát bờ kinh, nơi xã Ân đang ngồi đó, chờ mời tôi cốc xí-nại.

Trong khi tôi đang ngồi với xã Ân, trưởng ấp Đực giúp “tang gia” làm lễ phát tang cho thân nhân. Thân nhân là ai? Chỉ có người mẹ già và “cô dâu hờ” tên Hòa vừa đem quan tài “người chồng hờ” từ Saigon về đây sáng nay. Lễ phát tang không có gì cả, không có chiêng trống, tiếng thầy chùa tụng kinh, tiếng khóc, tiếng gào của con đàn cháu đống. Lễ phát tang chỉ có tiếng khóc yếu ớt của bà “Mẹ Việt Nam” – nói như thế cho đúng thời thượng – giọt nước mắt của con Hòa, khóc cho một mối tình “đứt đoạn”. Cuộc đời đáng mai mỉa hay đáng nguyền rủa đây?!

Tôi bỗng nhớ tới những bài hát quen, nói về người lính tử trận, không sang giàu như “*anh trở về hòm gỗ cài hoa*”. Ở đây chỉ là người lính nghèo, một bà mẹ già, một “người yêu hờ” mặc dù họ yêu nhau thật lòng.

Ở ấp Vàm Rầy này, ai không biết ông Ba Nhì, cha của con Hòa. Cách đây mấy chục năm, ông làm hương quản. Cái chức hương quản cũng đủ thế lực để ông cưới mẹ của con Hòa, có tiếng đẹp, mặc dù, cô gái ấy không yêu ông ta. Hai người có hai con gái: Hiền, cô chị, và Hòa, cô em. Khi mẹ của hai đứa con gái qua đời, ông tục huyền. Hai đứa con gái không ở với người vợ kế: Con chị đi Saigon. Xã hội bấy giờ, con gái nghèo nhà quê lên Saigon có hai con đường để đi: Ở đợ hay bán bar Mỹ. Cả hai chị em đều đẹp, có lẽ nhờ cái gène của mẹ, cứ con đường đó mà đi, chị trước, em sau.

Tôi ở đây cho tới chiều, dùng cơm với mẹ thằng Chóí, con Hòa và ông phó quận tới hội trưa. Bữa cơm do An, trung sĩ Cảnh Sát, con của xã Ân khoản đãi. Cũng có xã Ân đến ngồi dùng cơm với chúng tôi.

Đang ăn, bỗng phó quận hỏi:

– “Thiếu úy Thịnh đâu? Ông ta không tới à?”

Thiếu úy Chiêu trả lời:

-“Ông ta không tới đây đâu!”

-“Sao lại không tới!” Ông phó quận Nghiêm nói. “Ông ta là sĩ quan chiến tranh chính trị chi khu, ông ta học trường đại học chiến tranh chính trị ra. Đám ma này, ông ta phải tới chứ, phải “tâm lý chiến” chứ!”

Xã trưởng Ân nói đùa, có ý mai mỉa:

-“Xã tui mới có trường sơ học còn ông thiếu úy Thịnh cao tới đại học lận, ông tới đây làm chi!”

Nghe xã trưởng mai mỉa, ông phó Nghiêm góp ý:

-“Không thực tế, ông Hải nhỉ? Ở những nơi “hạ tầng cơ sở” xã hội như thế này, người dân đâu cần một ông sĩ quan xuất thân đại học. Người ta cần một anh cán bộ thông tin đến chiếu phim cho họ coi một tuần vài lần, một ông cán bộ thông tin đọc báo cho họ nghe, tin “xe cán chó, chó cán xe” hay “con ma vú dài khám Chí hòa” cũng hay chán. Dân chúng cần giáo viên, người khám bệnh, người chích thuốc, người tổ chức sinh hoạt cho các em thiếu nhi, v.v...”

Tôi góp ý:

-“Điều ông phó nói, ông Hồ Hữu Tường gọi là “Văn minh Chính ủy” đó. Đó là thứ văn minh xã hội có tổ chức.”

-“Điều đó không mới đâu!” Phó Nghiêm góp ý với tôi.

Tôi hỏi:

-“Vậy ông phó nói cái gì mới?”

-“Phan Chu Trinh đã nói trước Hồ Hữu Tường năm mươi năm.”

-“Có phải “khai dân trí” không?” Tôi hỏi.

-“Giữa Quốc Gia và Cộng Sản, khác nhau chỉ ở con đường “khai dân trí” mà thôi, khai trong cái dầm của con ngựa hay con ngựa không dầm. Đúng không?”

Nói xong câu đó, ông phó Nghiêm nhìn tôi cười.

Tôi cười:

-“Tôi phải hoan nghênh ông một phát mới được.”

Cái khăn tang trên đầu con Hòa sút ra, nó vẫn lại. Tôi hỏi:

-“Em chưa là vợ anh Chói, sao em bịt khăn tang?”

-“Nếu không có em, đám ma chỉ một mình má anh Chói bịt khăn mà thôi. Đại úy không thấy lẻ loi quá hay không? Thêm em nữa, má anh Chói cũng thấy bớt... cô đơn.”

-“Hay đấy!” Tôi nói.

-“Còn với em,” Hòa nói tiếp, “bịt khăn hay không, đời cũng vậy thôi đại úy à. Dù có chông hay không, cũng là... lỡ làng. Thời giặc giã mà.”

-“Em với An học chung một lớp?” Tôi hỏi Hòa.

-“Ba đứa!” Trung sĩ Cảnh Sát Ngô Văn An nói. “Tụi em có ba đứa, học với nhau a, b, c...”

-“Hồi đó, vui lắm, trường lớp gì đâu!” Hòa góp ý.

An kể chuyện cũ:

-“Hồi đó, không có trường lớp gì cả. Kể đám mả nhà ông chủ Ry, có cái chuồng trâu bỏ hoang. Bọn em đi học, mỗi đứa mang theo cái đòn để ngồi. Bàn là hai cái đầu gối. Kê lên đó mà tập viết.”

-“Thầy hay cô giáo dạy?” Ông phó Nghiêm hỏi.

-“Để tui kể cho nghe, tui nó không nhớ đâu.” Xã trưởng Àn lên tiếng. “Có một tay “gang hồ cọc cạch” (3) nào đó, lưu lạc vô xứ này, chẳng cần phép tắc gì cả, ảnh kêu tui trẻ hạp ở chuồng bò dạy quốc ngữ cho tui nó. Dạy hay lắm, hơn tháng là tui nó lỏm bộm đọc báo được. Tới thời “Đồng Khởi”, ảnh vô mặt khu với tui nó. Chưa được bao lâu, ảnh lại ra, phê phán bọn ở tròng dữ lắm, rồi bỏ xứ này đi mất tiêu, cho tới bây giờ, không tin tức gì cả.”

-“Thầy đi rồi, bọn em nhớ thầy, đứa nào ở nhà giúp cha mẹ, giữ em thì thôi, tui em đi chơi, ra Xóm biển, xóm Chùa, đi giăng câu, khi xã mở trường thì vô trường, học tiếp, cô giáo tổ chức văn nghệ...” Hòa kể.

-“Em biết hát mà!” Thiếu úy Chiêu nói.

-“Hồi đó em hay hát bài: *Mười mấy năm qua khi hoa vừa hé nhụy thì đời trai vui chinh chiến.*”

-“Hát xui! Mà hát vậy nên thằng Chó đi lính rồi đi luôn...” Xã Àn nói.

Hòa chống chế:

-“Ảnh chết vì nước mà, đâu phải tự con đâu bác.”

-“Hình như tết năm ngoái, khi xã tổ chức văn nghệ ở trường học, cô có hát bài gì đó hay lắm mà.” Tôi nhắc lại chuyện cũ.

-“Em hát bài “Dấu chân kỷ niệm”. Hôm qua, ngồi trên xe, bên cạnh quan tài anh Chó, em hát thầm câu *“Chuyện tình đôi mươi chạn chứa không bao giờ với...”* mà nước mắt cứ trào ra không ngớt. Sao nhạc của mình buồn quá dzậy.”

Thấy không khí buồn bã, tôi lảng sang chuyện khác:

-“Đám ma xong, em về trên?”

-“Dạ!” Hòa đáp.

-“Em ở chung với chị Hiền?”

-“Không! Chỉ đi Mỹ rồi! Chỉ sang cái “bar” của chị cho người khác rồi. Em ở một mình.” Hòa trả lời.

-“Đi Mỹ? Đi thế nào?” Tôi ngạc nhiên.

-“Chị lấy chồng Mỹ. “Xếp” của chị, ảnh về nước, đem chị đi theo.” Hòa giải thích.

Hòa nói tiếp:

-“Chị bị ám sát, thoát chết. Chồng chỉ sợ!”

Tôi nói nhỏ với phó Nghiêm:

-“Kiểu này là tui “Biệt động thành bị mắc bẫy lắm.”

-“Ông nói sao, tôi không hiểu.” Phó Nghiêm hỏi.

-“Để hiểu lắm. Bọn Việt Cộng thường móc nối với dân chủ bar, bán bar làm giao liên, thu nhận tin tức. Gặp bà này, cao tay ấn, chơi hai mang. Tui nó dính. Mưu sát là vì lý do đấy. Chắc tui nó bị gài lại, đau lắm. Người trong ngành tình báo, nghe qua, biết ngay.” Tôi giải thích.

Hình như xã Àn có nghe lén tôi và phó Nghiêm nói với nhau, bèn góp ý:

-“Hai ông không biết, con Hiền này ghê lắm: khôn lanh lắm, cha mẹ nó cũng “dzậy” mà .”

Tôi nói cho cả ba chúng tôi cùng nghe:

-“Thấy chưa? Dân ruộng rẫy của xã tôi đấy. Tình báo Việt Cộng cứ tưởng bở.”

Khi chúng tôi ăn xong thì trời đã chiều. Mùa đông đã vào rồi nhưng trời không mây, xanh ngắt như màu biển. Mặt trời đã nghiêng về phía núi Cô Tô. Có lẽ vì sương và hơi nước, núi hiện ra không rõ như trong mùa hè. Mặt khu Trà Tiên hiện ra thành một hàng xanh xanh, từ hướng Kampuchia ở phía tây, ra hướng Rạch Giá ở phía đông. Tôi

nghĩ tới “bọn chúng” đang ẩn núp trong đó, trong rừng hay trong những cái hầm làm bằng gỗ tram rất kiên cố.

Nhìn lại hướng nha lồng chợ. Quan tài của Chóí để trơ trọi trong đó, người thăm viếng đã hết, không còn ai quanh quẩn. Một lúc sau, con Hòa dìu mẹ thẳng chóí đi ra đó. Hai người đốt nhang cho nó. Có lẽ nhang đã tàn.

Ngày mai, xã Ân với trưởng ấp Đực cùng đám Nhân dân Tự vệ sẽ đem quan tài Chóí ra chôn gần nghĩa trang gia đình ông Chủ Ry, phía cái mương cạn.

Rồi con Hòa se lên lại Saigon, tiếp nối cuộc đời một người con gái quê lưu lạc ở Saigon hoa lệ. Mẹ thẳng Chóí cũng se ra đi trong một vài tháng hay vài năm nữa thôi.

Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Có thể có thêm vài quan tài của vài người lính lại đem về quê, chôn bên cạnh Chóí. Và biết đâu, một trận chiến lại xảy ra ở đây, người chết, nhà cháy, như trận càn đầu tiên của lính Pháp đã xảy ra ở xóm này, cách nay gần ba mươi năm.

Lòng buồn bã, tôi lên xe. Trước khi nổ máy xe, tôi mở máy truyền tin gọi thiếu úy Chiếu:

–“Mai tui không xuống được. Tui gửi lời cảm ơn mọi người, gửi lời chào con Hòa, chúc nó đi bình yên.”

Rồi tôi nổ máy xe, chạy ra đường. Được một lúc, nhìn vào kính chiếu hậu, tôi thấy xe ông phó quận Nguyễn Đức Nghiêm, chạy xa xa, phía sau xe tôi.

Tôi bỗng nhớ một câu hát tôi từng hát “*Đời buồn tênh, như lữ một cung đàn.*” Đâu có riêng gì Châu Kỳ, ai cũng “lữ cũng lữ cung đàn” vậy cả thôi, dù chiến tranh hay hòa bình.”

(1) Hạ bạc: làm nghề đánh cá biển. Tiếng địa phương.

(2) Năm 1945, thời “Nam bộ kháng chiến”, thế hệ thứ nhứt theo Cộng Sản. Thời cụ Ngô, mười năm sau, là thế hệ thứ hai. Tới bây giờ cháu của thế hệ thứ nhất, cũng theo Cộng Sản, tức thế hệ thứ ba.

(3) “Giang hồ cọc cạch” có nghĩa là một tay lang thang lữ thứ nào đó, gốc miền Trung. Trước 1945, người miền Trung vào nam, thường để trong túi áo bà ba, hai viên đá để lấy lửa hút thuốc. Khi cần lửa, người ấy đập hai viên đá vào nhau, lửa tóe ra, bắt vào môi. Khi người ấy đi, cái túi áo đánh đũa, hai viên đá đập vào nhau kêu “cọc cạch”. Do đó, “dân cọc cạch”, có nghĩa là người “dân gốc miền Trung”

[Bài 3] Danh Sơn

*Danh sơn gặp khách hữu tình,
Đèo Ngang ơi hỡi, là mình với ta.*

(Chơi Huế – Tản Đà)

Tôi cầm bản cung, mới đọc tên “phạm nhân”, bèn ngưng lại hỏi thượng sĩ Huỳnh Phước Hưng, đang đứng bên cạnh:

–“Thằng nhỏ này có cái tên hay dữ: Danh Sơn. Rồi tôi đọc đùa, tiếp là câu thơ “*Danh sơn gặp khách hữu tình?*” Ừ? lại “đốt chữ”. Nó không đi học à?”

–“Học gì!” Thượng sĩ Hưng trả lời. Cơm không có ăn. Cha ở trong bưng, mẹ bệnh, trường học không có, học hành sao được?”

Tôi nói như tâm sự với thượng sĩ Hưng:

-“Tui ở thành phố, chẳng biết gì dân tình ở thôn quê cả. Đánh Tây giành độc lập mấy chục năm rồi, tình hình thôn quê cũng vậy, không khác chi thời Pháp thuộc, lại còn chiến tranh nữa.”

Nói xong, tôi nhìn bản cung, đọc tiếp. Rồi ngưng lại hỏi:

-“Nó không có chị em gì cả?”

-“Không!” Con độc nhưt.” Thượng sĩ Hưng trả lời.

-“Nó khai mẹ nó bệnh nặng, nằm một chỗ. Mình bắt nó, ai chăm sóc cho mẹ nó?” Tôi hỏi.

-“Tôi cũng không biết nữa!” Thượng sĩ Hưng trả lời.

Tôi nói liền:

-“Mẹ nó mà có chuyện gì, mình mang tội đó. Vừa có tôi với luật pháp, vừa lương tâm.

-“Chắc phải hỏi lại nó!” Thượng sĩ Hưng đề nghị

Thằng bé Danh Sơn được đưa từ trong khám ra, đứng trước mặt tôi.

Mặt mày nó khá đẹp trai – có lẽ là dân “đầu gà đít vịt” hay cha Miên, mẹ Việt, cao ráo, khỏe mạnh, 13 tuổi.

Tôi hỏi:

-“Mày bị bắt rồi, ở nhà ai chăm sóc cho mẹ?”

-“Không ai cả.” Thằng bé trả lời.

-“Mày không nhờ hàng xóm. Hàng xóm có ai không?” Tôi hỏi tiếp.

-“Không biết.”

-“Chết rồi!” Tôi nói với thượng sĩ Hưng. “Lỡ mẹ nó chết thì tội lỗi đây mình đó ông ơi! Phước đức cho con.”

Xong, tôi gọi máy truyền tin hỏi thiếu úy Chiếu:

-“Cái thằng bé Danh Sơn, bị bắt lên đây, ai chăm sóc mẹ nó ở nhà ông biết không?”

-“Không biết đại úy à!” Thiếu úy Chiếu trả lời.

-“Bữa hôm đó ai đi bắt?” Tôi hỏi.

-“Thiếu úy Kiệt nhờ em đi bắt. Em sai trung sĩ Khi bắt giải thẳng lên bộ Chỉ Huy luôn.”

Tôi nói:

-“Tôi gặp trung sĩ Khi đi, gọi y lên đầu máy.”

Tôi nghe tiếng lè nhè như tiếng người say rượu ở đầu máy truyền tin:

-“Dạ thưa! Dạ thưa...”

Tôi nói ngay, nôn nóng:

-“Dạ thưa quái gì. Hôm kia ông bắt thằng bé Danh Sơn phải không? Ông thấy có gì lạ không?”

-“Dạ! Dạ! Em tới nhà, đứng trước sân, kêu nó ra. Xong, em còng tay dẫn đi luôn.”

Trung sĩ Khi báo cáo.

-“Ông không biết mẹ nó đang bệnh nặng a?” Tôi hỏi.

-“Có vô nhà đâu mà biết. Thiếu úy Chiếu biểu bắt thì em bắt giải đi.”

Tôi biết có hỏi mấy anh “cảnh sát ruộng” này, họ chẳng biết gì đâu. Đã dốt nát, lại không lanh lợi, lè phè, chỉ ưa nhậu... “Cảnh sát ruộng” là tiếng tôi gọi mấy ông cảnh sát ở xã ấp tính tình như thế. Tôi nói:

-“Tôi nói chuyện với thiếu úy Chiếu đi.”

Có tiếng đầu máy:

-“Thiếu úy Chiếu tôi nghe.”

-“Ông” tới ngay nhà thẳng bé Danh Sơn, coi tình trạng mẹ nó như thế nào, về cho tôi hay. Ông làm ngay đi.” Tôi ra lệnh.

-“Vâng! Em đi ngay.” Tiếng thiếu úy Chiêu trả lời.

Tôi quay qua nói với thượng sĩ Hưng:

-“Ông mời thiếu úy Kiệt, Năm Hùng, Bảy Hùng, với anh nữa, mình họp “Phương Hoàng” ngay đi.”

Năm người ngồi ở mấy cái ghế khách trong văn phòng tôi. Đã có ý định tha cho thẳng bé Danh Sơn về, nên tôi mời ông quận trưởng sang họp để xét hồ sơ luôn. Ông quận trưởng bận không sang được, nên cử ông phó quận Nguyễn Đức Nghiêm thay thế. Tôi mời ông ta ngồi kế bên tôi.

Tôi nói:

-“Chuyện thì không có gì quan trọng lắm. Luật pháp không bắt tội mình được. Mấy thằng chả kiểm phiếu, “đổi lập đổi lẹ” đâu có dám về tới xã ấp mà moi móc, nhưng cái này thì âm đức dữ lắm. Bắt con để mẹ không ai chăm sóc mà qua đời thì tội lỗi với lương tâm dữ lắm. Tui sợ chỉ có vậy.”

Thiếu úy Kiệt nói:

-“Chắc không có chuyện gì đâu. Có chòm xóm mà lo gì.”

Thượng sĩ Hưng nói:

-“Tui tính nói với ông hồi nãy, nhưng ông lo về việc mẹ nó lỡ chết bất tử nên không nói được.”

-“Ông già nó Việt Cộng mà. Không lý ông “liên hệ Việt Cộng.” Tôi nói đùa.

Thượng sĩ Hưng cười:

-“Cùng xứ thôi. Ông ta cũng ở “miệt thứ” như tôi.”

-“Cái này tôi nghe hơi lạ. Sao gọi là “miệt thứ,”

Thượng sĩ Năm Hùng giải thích:

-“Vùng Hiếu Lễ (1XXXX) xưa Tây tính làm ruộng ở đó, cho đào kinh dọc theo sông Cái Lớn với biển. Kinh đầu tiên là Xẻo Rô, rồi tới kinh thứ hai, thứ ba cho tới kinh thứ mười một. Vì kinh đặt theo thứ tự nên người ta gọi vùng này là “Miệt thứ”. Miệt cũng như vùng vậy mà.

“Hay hè!” Tôi nói. Nhưng kinh đầu tiên là Xẻo Rô. Còn kinh thứ nhất?” Tôi hỏi.

Năm Hùng giải thích:

-“Ông nhớ trong Nam này không có cái gì là thứ nhất, là cả hết. Phong tục là “ky” đó.”

Tôi cười:

-“Tui hiểu rồi, đất Chúa Nguyễn mà. Tránh tiếng “Ông hoàng Cả”, tránh “Đức Cha Cả” nên bắt đầu từ thứ hai. Từ anh hai, chị hai trở lui mà thôi.”

-“Nhưng lại có ông “Hương Cả”. Thế mới kỳ. Ông phó quận nêu ý kiến.

-“Chưa ai giải thích trường hợp này.” Tôi góp ý.

Thượng sĩ Bảy Hùng nói thêm:

-“Vùng này Việt Cộng dữ lắm!”

-“Anh nào bị đổi đi Hiếu Lễ là sợ xanh mặt. Hình như đi Hiếu Lễ là đi đò qua Miệt Thứ. Đi ngoài sông lớn?” Tôi hỏi.

-“Tàu tuần cũng bị tụi nó bắn B-40. Nói chi tàu đò.” Ông phó quận nói.

-“Tàu đò không bị bắn vì tụi nó thu thuế. Hồ sơ ở F (2xxx) có mà.” Thiếu úy Kiệt cho biết.

Một lúc ông phó Nghiêm nói:

-Bây giờ đi trực thăng gần một giờ là tới nơi. Xưa đi ghe đi tàu, người ta thấy xa lắm. Về miệt thứ là coi như về vùng thâm sơn cùng cốc”.

Tôi hỏi:

-“Ông phó đi chưa mà rành dữ?”

-“Tôi đi rồi, khi con làm ở tỉnh, đi công tác.” Một lúc ông phó Nghiêm nói thêm: “Việt Cộng pháo kích dữ lắm, bất kể đêm ngày!”

-“Ông có sợ không?Tôi hỏi.

-“Sợ gì! Nó như có hợp đồng ông à. Đám hành chánh ở tỉnh biết hết.”

-“Hợp đồng là sao?” Tôi hỏi.

-“Tới giờ là sao?” Tôi hỏi.

-“Hể đúng giờ đó là nó pháo. Mình biết nên vô hầm trước, an toàn.”

-“Tại sao lại đúng giờ?” Tôi hỏi.

-“Ai biết. Vậy mới gọi là hợp đồng. Ban đêm nó ít pháo hơn, mà mình đã vô hầm rồi.” Phó Nghiêm giải thích.

-“Nhưng trực thăng thì khác. Hể nó thấy trực thăng lên xuống là nó pháo. Trực thăng hạ thấp là mình phóng ngay mới tránh kịp “lưỡi hái tử thân.” Nói xong câu đó, ông phó Nghiêm nhìn tôi cười.

Tôi cũng nói đùa:

-“Tui có học bài “nhảy trực thăng” rồi. Gì chớ “tam thập lục kế” thì tui lẹ hơn ai hết.”

Một lúc, tôi hỏi:

-Hồi xưa, lớn lên ở đó, ông có thấy “miệt thứ” xa như ông phó Nghiêm nói hay không?”

Năm Hưng cười:

-“Cứ nghe câu hò này thì biết!” Nói xong, Năm Hưng đọc:

Má ơi đừng gả con xa

Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu,

Sương khuya ướt đẫm giàn bầu,

Em về miệt thứ bỏ sầu cho ai...

Tôi nói: “Hồi xưa vùng đó là rừng. Hỉ . “Chim kêu vượn hú” là rừng chớ gì nữa.”

Một lúc, tôi lại nói:

-“Khi tôi về Giục Tượng, tôi hỏi mấy ông già: “Sao gọi là Giục Tượng?” Họ trả lời vì ngày xưa có nhiều voi. Tượng là voi. Xưa Rạch Giá mà cũn có nhiều voi.”

Tôi hỏi Năm Hưng:

-“Năm Hưng, ông quê dưới đó. Hình như ba ông làm lý trưởng phải không?”

-“Không! Trong nam không có chức lý trưởng. Ba tôi ở trong ban hội tề, giữ chức hương sư.” Năm Hưng giải thích.

-“Hương sư là thầy giáo làng?” Tôi lại hỏi.

-“Không phải. Sư này không phải là thầy giáo mà giữ chức liên lạc giữa làng với quan trên. Cho nên tụi nó mới cho ba tui theo Tây. Tui nó giết ổng.” Năm Hưng giải thích.

-“Anh quen biết với Danh Keo, cha thằng bé như thế nào?” Tôi hỏi.

-“Xưa “miệt thứ” trù phú lắm. Lúa, cá, tràm, đước. Danh Keo cũng đi học như tôi. Nhà khá giả lắm, rồi cũng vì Việt Minh mà “điều tàn”. Năm Hưng giải thích.

-“Ông ta cũng chủ điền.” Tôi hỏi.

-“Không! Ông ta làm nghề cá đồng. Ông có tới mấy chục đồng chà. Tới mùa, dỡ hết mấy chục đồng chà, theo như thời bây giờ, ông năm triệu bạc như không?” Năm Hưng nói.

Một lúc Năm Hưng nói tiếp:

-“Trước “trào Ngô Đình Diệm”, cha tui chết rồi, má tui dắt díu con chạy lên Rạch Giá. Gia đình Danh Keo cũng bỏ chạy vì tụi nó bắt đóng thuế cao, lại còn truy thu, chịu không nổi.”

-“Truy thu là bắt đóng lại từ đâu? Tôi hỏi.

-“Tụi nó tính từ hồi Việt Minh cướp chính quyền, gần cả chục năm, tiền đâu ra!” Năm Hưng nói như than.

-“Ác dữ!” Tôi cũng than.

-“Ở đây, ông biết rồi đó. Tụi kinh tài giàu lắm. Thân thuế có biên nhận sổ sách gì đâu, cho nên cán bộ kinh tài mặc sức tung hoành.” Năm Hưng nói.

-“Đã sợ Việt Minh, chạy lên Rạch Giá, sao còn theo Việt Cộng?” Tôi hỏi.

Năm Hưng nói:

-“Hoàn cảnh cả ông à. Tới tuổi lính, tôi vô Cảnh Sát. Chả xin vô Cảnh Sát như tôi, nhưng đủ chỗ, người ta không nhận. Thăng chả sợ bị bắt lính, đầu dờ về Mỹ Lâm, lại bị truy đuổi, chạy về Vàm Rầy. Lấy gì ăn? Vợ lại bệnh. Vô rừng bắt cua, bắt cá, gắp tụi nó trong mật khu Trà Tiên, không theo rồi cũng phải theo thôi.”

-“Trong bản cung thăng Danh Sơn, tui không thấy nói chuyện này.” Tôi hỏi, như có ý trách cứ Năm Hưng, người phụ trách hỏi cung.

Năm Hưng phân bua:

-“Trong bản cung, tôi nghĩ cái gì nó biết, tui mới hỏi, còn như chuyện của cha nó, nó không biết đâu, tui hỏi làm chi.”

-“Tôi thăng bé làm giao liên Việt Cộng?” Phải không?” Tôi hỏi.

-“Giao liên, giao leo gì! Cha nó ở trong làm cá, con còn tươi, con phơi khô. Nó chèo xuống vô lấy cá về, bán cho người ta, lại mua đồ tiếp tế cho cha nó. Nhờ đó mà có ăn, chạy thầy chạy thuốc cho mẹ nó. Việt Cộng kiểu đó.” Năm Hưng lại nói như than vãn.

-“Chiến tranh kiểu này thì mười năm, hai mươi năm nữa cũng chưa xong.” Thiếu úy Kiệt góp ý.

-“Hồ sơ trận liệt” của ông phần đông là như vậy cả chớ gì?” Tôi quay qua hỏi thiếu úy Kiệt.

-“Tùm lum đại úy. Kỳ rồi tôi bắt ở Vàm Rầy 42 giao liên Việt Cộng. Người này khai người kia, người kia khai người nọ, bắt riết sợ luôn! Trường hợp nào cũng giống như trường hợp nào. Hễ vô trồng giăng câu, đặt lợp, đốn tràm thì phải tiếp tế cho Việt Cộng. Ai ai cũng vì chén cơm cả, mà ai cũng nghèo mạt rệp.” Thiếu úy Kiệt cũng nói như than.

Một lúc, thiếu úy Chiêu gọi lên báo cáo:

-“Mẹ nó chưa chết, nhờ có bà già cạnh nhà qua chăm sóc. Bà già 70 tuổi chăm sóc cho bà bại liệt 40 tuổi. Nghe thôi cũng đủ “thảm sầu” rồi đại úy.”

-“Bây giờ cứ để tình trạng như vậy có được không?” Tôi hỏi.

-“Không được đâu! Mấy bữa nay sức khỏe bà “tệ” lắm. Hôm nay bà bị giật như kinh phong. Không ai biết chuyện gì. Bà “đi” như không?” Thiếu úy Chiêu báo cáo.

-“Giờ ông tính sao?” Tôi hỏi.

-“Tính sao? Cho bà đi bệnh viện, dù bà có chết, dân chúng không oán mình được. Bà chết ở nhà, người ta nói tại Cảnh Sát bắt con bà nên bà mới chết.” Thiếu úy Chiêu nói một hơi.

-“Cho bà đi bệnh viện đi.” Tôi ra lệnh.

-“Bằng cách nào?” Thiếu úy Chiêu hỏi.

-“Thuê chiếc xuống máy, có mui, đưa bà ra bệnh viện Kiên Giang.” Tôi nói.

-“Tiền đâu tui thuê? Thiệt là bắt nhằm cục nợ!” Tiếng của thiếu úy Chiêu.

Từ nãy giờ, ông phó Nghiêm ngồi trong phòng, nghe tôi với thiếu úy chiêu “đối thoại” qua máy truyền tin. Bây giờ, ông đứng lên, sát bên tôi, đưa tay tỏ ý muốn cầm ống nói. Biết ý, tôi đưa cho ông ta.

Ông ta nói vào máy:

-“Thiếu úy Chiêu ơi! Tui là phó Nghiêm đây. Bây giờ như thế này. Thiếu úy liên lạc với xã trưởng Ân, nói tôi yêu cầu ông ấy thuê cái xuống máy đưa bà ấy đi bệnh viện Kiên Giang. Về xong, ông làm tờ trình. Tôi sẽ chuyển tờ trình ra Ty Xã Hội, xin bồi hoàn. Vậy là ổn.”

Ông phó Nghiêm trả máy lại cho tôi. Tôi cảm ơn rồi rút. Xong. Tôi nghe tiếng Năm Hưng nói nhỏ với Năm Hùng: “Ông này gốc thầy giáo, làm ăn không giống người ta.” Giả bộ như không nghe, tôi nói:

-“Mình ký biên bản tha thẳng bé về dưới đó đi, để nó đi theo mẹ nó cho xong.”

Phó Nghiêm nói:

-“Tôi cũng tính xuống đó. Hay mình đi với nhau, “trước mua vui, sau làm việc nghĩa.” Nghe xong câu nói đó, cả đám chúng tôi vui vẻ giải tán./

[Bài 4] Ông dự “bản”

Trời đã chiều rồi mà mặt trời còn cao, chưa đặng tới đỉnh núi Cô Tô, ở về phía tây – bắc ấp Vàm Rầy này. Con Tư Bông mấy lần gọi con Sáu Lánh:

-“Coi chẵn (chuẩn – tiếng địa phương miền Tây) bị không thì trễ đó.

Con Sáu Lánh trả lời:

-“Còn sớm chán mầy! Không trễ đâu.

Con Tư Bông nói thêm:

-“Tối nay Lệ Thi (Thủy – tiếng địa phương), đào chánh, ca hay lắm.

-“Được rồi. Xong việc tao kêu mầy!”

Tối nay thứ Bảy, như thường lệ, đài truyền hình số 9 – đài Saigon – chiếu tuồng cải lương. Gì chớ cải lương là “món ruột” dân Nam Bộ, không riêng gì xứ quê mùa.

Cả xã này, chỉ ở Xóm Biển mới có ti-vi, tại nhà mấy ông chủ ghe. Nhà Tư Sậm sắm máy ti-vi sớm nhất, sau đó là nhà mấy ông chủ ghe cùng xóm.

Vùng này không có điện, nên ti-vi phải xài bình điện và dùng “ăng-tên trời”, là thứ “ăng-tên” có mấy cái cọng nhôm giăng cao trên nóc nhà. “Ăng-tên” càng cao, càng lớn, coi càng rõ. Dân trong xóm, nhà nào không có ti-vi, đến nhà Tư Sậm coi thoải mái. Ti-vi to, nhà to, chỗ ngồi rộng; và Tư Sậm cũng tốt bụng, bà con coi thoải mái, chủ nhà không cần nhìn gì, như vài chủ ghe nhà ở bên cạnh.

Từ phía ngoài cầu Vàm Rầy, nhìn ra hướng biển, là hướng Xóm Biển, thấy cả chục cái “ăng-tên” hiện ra trên trời, người ta cũng đoán được Xóm Biển là xóm không giàu cũng khá giả, nhờ làm nghề “đâm hà-bá”, như câu tục ngữ “*Nhút phá sơn lâm, nhi đâm hà-bá*”.

Coi tuồng cái lương là nguồn vui, thú giải trí của dân quê Nam bộ, chỉ được coi vào tối thứ bảy, vì đài ti-vi chỉ chiếu tuồng cải lương vào tối thứ bảy mà thôi. Hằng ngày, có nhiều thú giải trí khác, không “hấp dẫn” người nhà quê.

Nhận việc xong, tôi thường về công tác ở các xã. Tôi có 9 xã dưới trách nhiệm của tôi. Hôm đầu tiên về xã này, tới giờ cơm, tôi ở lại xã. Thiếu úy Ra với mấy “thầy” trung sĩ cảnh sát dưới quyền ông Ra, nấu cơm đãi tôi ăn trưa. Họ nhổ lông một con vịt xiêm bự, lại thêm canh chua cá lóc, là hai món ruột dân xứ này thường đãi khách. Món ăn thì quanh đi quẩn lại có chừng đó. Còn món nhậu? Kể không hết được. Dân nhậu có rất nhiều “sáng kiến độc đáo” về việc làm “mồi”.

Họ mượn quán cà phê đọc nhút trong xã làm nơi nấu ăn. Tôi nằm đu đưa trên cái võng treo ở góc nhà trước, chỗ có mấy cái bàn cà-phê, chờ cơm trưa. Giờ cơm trưa thường lệ qua cũng đã lâu, bụng đã đói lắm. Tôi cố nhắm mắt ngủ một chút.

Đang mơ màng thì bỗng tôi nghe tiếng trẻ con la cười om sòm, chạy rần rật. Hơi hoảng vì không rõ chuyện chi – không lý do kích Việt Cộng từ trong rừng trà Trà Tiên dám mò ra giữa ban ngày ban mặt hay sao -. Ban đêm khuya khoắt, bọn chúng có ra “làm ăn” cũng còn phải lén lén, lút lút nửa là.

Tôi ngồi dậy trên võng, hỏi cô chủ quán đang đứng sau quầy, bằng cái giọng Huế của tôi ra mà đùa cô ta:

-“Chuyện chi rứa hi?”

Vậy mà cô ta cũng hiểu, vừa nhìn tôi cười, vừa trả lời:

-“Gia Đình bác Tám.”

Chưa kịp hiểu câu trả lời của cô chủ quán thì tôi đã nghe tiếng nhạc quen thuộc mở đầu của chương trình “Gia đình Bác Tám” của đài Saigon phát ra từ cái “radio ập chiến lược” để ở cái kệ sau lưng cô chủ. Tiếp sau là tiếng giới thiệu chương trình của cô “tên Tuyết mà đen”.

“Tên Tuyết mà đen” là câu điệu của Phi Thoàn, chọc quê Tú Trinh. Trong chương trình này, Tú Trinh lấy tên là Tuyết. Ai chẳng biết Tú Trinh có nước da đen, hơi “phai lạt” hơn anh Bảy Chà một chút mà thôi. Ba nhân vật chính của chương trình “Gia đình Bác Tám” là Tú Trinh, Phi Thoàn và Bà Năm Sadec.

Từ khi bị thuyên chuyển làm “Cảnh sát ruộng” ở vùng đồng bằng Nam Bộ, tiếp xúc nhiều với dân chúng, tôi thấy các chương trình “dân vận” của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thường “chăng trúng vào đâu” với người dân quê Việt Nam. Nói một cách đơn giản là những “ông lớn phục vụ nhân dân” chỉ quanh quẩn ở đô thị, có biết mô tê gì về “người nhà quê” đâu.

Sự việc này làm tôi nhớ bài thơ của Đỗ Tấn đăng trên tờ Bách Khoa năm 1959, năm anh cùng tôi dạy ở trường Bồ Đề Quảng Trị.

Chiều hôm đó, chúng tôi ngồi bên bờ sông Thạch Hãn hóng mát, chợt nhớ tới bài thơ vừa đọc – bài thơ đề “*Gửi anh em trong nhóm Sáng Tạo*” – tôi hỏi Đỗ Tấn:

-“*Gửi anh em trong nhóm Sáng Tạo*” là anh muốn chửi mấy thằng chả ngồi ở xa-lông mà nói chuyện “*Hướng về nông thôn*” chứ gì?”

Đỗ Tấn nhìn tôi cười mà không trả lời. Hồi đó, tôi mới vô năm đầu ở đại học Huế, sách vở thì có đọc, nhưng kiến thức thì không có gì. Vì vậy, tôi nói:

-“Anh nói *“Tư tưởng nào cũng từ đất mà ra!”*” Tui thì nghĩ tư tưởng là từ thư viện chớ!” Nói như thế là tôi nhớ bài “Trong thư viện” của Hoàng Đạo, sách giáo khoa trích trong “Con Đường Sáng” của tác giả này. Khi giảng bài này, nhà văn Đinh Ngân, thầy giáo Việt Văn của tôi, nói thêm rằng bài này Hoàng Đạo lấy ý từ một bài văn của Rousseau hay Diderot gì đó, tôi không nhớ.

Đỗ Tấn cũng không trả lời tôi. Ít nói là tính tình anh ta. Anh là nhà thơ, không phải là “nhà lý luận văn học” như Quang Đạo. Mấy ông này đều ở trong nhóm “Mùa Lúa Mới” của Nha Thông Tin Trung Việt. Còn tôi là “mầm non văn nghệ” của nhóm.

Tuy nhiên, bài thơ của Đỗ Tấn ám ảnh tôi nhiều về sau này, ngay khi tôi đang thụ huấn ở Trường Bộ Binh Thủ Đức, các huấn luyện viên dạy về “tứ khoái nhất mạn”, hay “Lấy nông thôn bao vây thành thị”, chiến thuật trong “chiến tranh giải phóng” của Mao Trạch Đông.

Bấy giờ là thời gian sau Hiệp Định Paris 73 rồi, lấy kinh nghiệm “đánh giặc ở miệt vườn”, tôi nghĩ tới một điều: Dù có bao nhiêu súng đạn đi nữa, cuối cùng rồi việc “Tướng chạy ra Đài Loan” là điều sẽ đến cho người miền Nam, mà người miền Nam thì không có đất chạy, không có đảo Đài Loan như Tưởng; còn như Phú Quốc thì gần đất liền quá!

Để rõ hơn cái “thế thua” của chúng ta, độc giả hãy đọc vài câu trong bài thơ của Đỗ Tấn như sau:

Tôi đứng giữa đồng nâu!

Giữa những người cuộc bầm cày sâu

Nghe vang vang từ mạch đất

Tư tưởng nào cũng từ đất mà ra...”

Nhìn chung, Đỗ Tấn muốn nói tới vai trò của nông thôn trong xã hội nông nghiệp Việt Nam. Đồng quê là nơi sản sinh ra những anh hùng, nhân tài, nhân lực để xây dựng đất nước và chống ngoại xâm.

Câu thơ này làm tôi nhớ lời trong bài hát “Thu Khói Lửa” của Nguyễn Hữ Ba:

Bên giòng sông lắng

Bóng tre xanh quanh đồng lúa vàng

Có đoàn nông phu hùng tráng

Buông cày theo tiếng loa vang

Nghe nhạc Phạm Duy, người ta cũng thấy vai trò của người dân quê trong cuộc cách mạng chống Pháp giành độc lập năm 1945 – 46. Tuy nhiên, tôi cũng có lần tranh cãi với Đỗ Tấn cũng như bè bạn về “*buông cày theo tiếng loa vang*”. Người nông phu “buông cày theo tiếng loa”; vậy thì ai là người cầm loa kêu gọi. Chính là giai cấp tiểu tư sản. Chính tiểu tư sản là giai cấp lãnh đạo các cuộc cách mạng, còn nông dân thì “biết gì?”

Dù vậy, tôi vẫn đồng ý lời phê phán của Đỗ Tấn:

“Các anh trồng những dòng hoa đại lộ.

Những dòng hoa cổ lỗ,

Những dòng hoa đau khổ quá đi thôi!

Trong cuộc đấu tranh quốc cộng, cộng sản chiếm từng ấp, lấn tới từng xã, từng huyện, từng tỉnh. Liệu người ta ngồi được bao lâu ở thủ đô để “*trồng những dòng hoa đại lộ.*” Cũng với ý ấy, trong bài thơ về Huế, Đỗ Tấn cũng đã viết:

“Ta sợ một ngày Cộng Sản,

Về đây xé nát tâm tư

Chặn ngăn những dòng lệ nhỏ

Đời như chết tự bao giờ."

Hồi ấy, 1959, Quang Đạo chê rằng Đỗ Tấn quá lo xa. Nhưng chưa đầy mười năm sau là tết Mậu Thân, Việt Cộng giết năm ngàn người dân Huế. Đến năm 1975, không riêng gì Huế mà toàn miền Nam "*Đời như chết tự bao giờ."*

Trong suy tư đó, khi phục vụ ở thôn quê, thấy dân quê bị chính phủ Việt Nam Cộng Hòa "bỏ quên" trong cuộc chiến tranh chống Cộng, tôi bị ám ảnh không ít về việc "chạy ra đảo" của Tưởng Giới Thạch mà nghĩ tới số phận mình.

Tối hôm đó, con Sáu Lánh, 16 tuổi, với con Tư Bông, cũng 16 tuổi, đi coi cải lương về khuya, bị thằng con trai Tư Sậm, 21 tuổi, phỉnh con Tư Bông về nhà gặp vì mẹ con Tư Bông bệnh nặng, rồi dụ con Sáu Lánh vô trường học, và hiếp dâm con nhỏ đó ở trong lớp, trên cái ghế băng học trò.

Thiếu úy Ra gọi cả hai đứa nguyên bị tới cuộc Cảnh Sát điều tra, báo cáo nội vụ cho tôi. Tôi hỏi:

- "Thằng cha Tư Sậm muốn chạy tiền phải không?"

- "Sao đại úy biết?" Thiếu úy Ra hỏi.

Tôi nghĩ thầm: "Hỏi thiệt ngu? Cả xã ai không biết thiếu úy Ra có bàn tay nham nhúa. Tư Sậm thì giàu. Nó có tới ba bốn chiếc "ghe xẹp" (1), một tay thằng con trai điều khiển, sắp đặt việc đánh cá hằng đêm. Nhờ con trai mà Tư Sậm giàu. Bây giờ, nếu thằng con trai vô tù, Tư Sậm "coi như cùi".

Tôi nhấn mạnh ba tiếng "coi như cùi" với thiếu úy Kiệt, rồi nhìn ông ta cười.

Xong, tôi nói vào máy với thiếu úy Ra:

- "Ông "dẫn trình biện lý" đi. Dính vô là không êm đầu. Đám "đổi lập" nó làm tùm lum ra là tôi cho ông đi Hiếu Lễ để tôi phủ tay."

Tôi quay lại nói với thiếu úy Kiệt:

- "Ông theo dõi thằng Ra giùm tôi. Tay này tham ăn, hay làm ẩu. Tôi sợ mình dính chum như không. Dọa nó vô, để nó sợ."

Thiếu úy Ra sợ thiệt. Lấy lời khai xong, anh ta còng tay con trai Tư Sậm, "dẫn trình ông biện lý".

Hai hôm sau, đang làm việc, khoảng ba giờ chiều, bỗng nhớ câu chuyện cũ, do giáo sư "kể chơi" sau giờ học, tôi bỗng thấy ngại. Nhà Tư Sậm giàu, nó dám bỏ cả trăm ngàn ra để chạy luật sư cứu con trai. Vậy thì "tội" cho con Sáu Lánh. Con gái nhà quê, bị luật sư "gài" dễ như không. Nghĩ vậy, tôi cho gọi thiếu úy Kiệt, nói:

- "Ông đi với tôi xuống Vàm Rày. Tôi sẽ kể chuyện này cho ông nghe."

Chúng tôi lên xe sau ba giờ chiều. Tôi cầm lái. Thiếu úy Kiệt ngồi bên cạnh. Ghế sau là hai "tà lọt", súng ống sẵn sàng. Trời đã chiều, lờ về tối, tôi ngại "tụi nó" phục kích.

Tôi nói với thiếu úy Kiệt:

- "Tôi kể chuyện này ông nghe. Mấy thằng cha luật sư là "mánh" lắm. Tụi nó gỡ cho con trai Tư Sậm dễ dàng."

- "Gỡ như thế nào?" Thiếu úy Kiệt hỏi.

- "Tôi nhớ tôi có câu chuyện, một con nhỏ bị chủ hiếp dâm. Thằng luật sư hỏi:

- "Cô có chịu khi ông chủ hiếp cô không?"

Con nhỏ trả lời:

- "Không!"

Luật sư hỏi tiếp:

- "Ông chủ đè cô vô vách tường hay đè xuống giường?"

-“Dạ thưa, ông chủ đề em vô vách. Em không chịu nằm xuống giường.”

Luật sư hỏi:

-“Cô thì lùn, ông chủ thì cao. Vậy khi ông chủ đề vô vách, ông chủ khum mình xuống, còn cô thì rướn cao lên có phải không?”

Cô gái trả lời:

-“Dạ phải.”

Luật sư quay qua nói với chánh án:

-“Thưa quý tòa. Cô gái khai cô rướn người lên, để dương vật mới có thể lọt vô âm đạo cô ta được. Như thế có nghĩa là ý cô ta muốn cho dương vật được lọt vô, là cô ta đồng ý. Vậy, không thể kết án thân chủ tội hiếp dâm được.”

-“Tòa tha bổng?” Thiếu úy Kiệt hỏi.

-“Dĩ nhiên. Ông coi “mánh” không. Con nhỏ chẳng được bồi thường xu teng nào.” Tôi giải thích.

-“Nhưng con Sáu Lánh, cũng như thằng con trai Tư Sậm đều vị thành niên.” Thiếu úy Kiệt cãi.

-“Tôi cho thằng con trai Tư Sậm đi “khám răng”. Nó trên tuổi vị thành niên, chạy đặng trời.”

-“Việc của dự thẩm, mình xen vô sao được?” Thiếu úy Kiệt lại phản bác tôi.

-“Gay cấn là chỗ đó. Nếu dự thẩm có cho tờ giấy khai sinh của con trai Tư Sậm là giấy thiệt, không phải giấy giả thì mình cũng thua.” Nói xong, tôi thở ra một hơi dài, mặc dù đang lái xe.

Một lúc, tôi nói tiếp:

-“Mình là cái thá gì mà đòi hơn biện lý? Nhưng về lương tâm, mình thấy tức. Người dân quê thuộc tầng lớp bị trị, bị bọn thống trị bóc lột là chuyện đương nhiên. Cỡ như phó Nghiêm, công chức hạng A, cũng còn nói câu “*Luật pháp là do giai cấp thống trị bày ra để bảo vệ quyền lợi giai cấp.*” Đòi mà ông, xưa nay vẫn thế. Muốn sung sướng thì phải rán mà lọt vô cho được giai cấp thống trị.

-“Mình là Cảnh Sát mà?” Thiếu úy Kiệt lại cãi tôi.

-“Cảnh sát không phải là giai cấp thống trị, dù mình có quyền. Mình chỉ là “phương tiện bạo lực” của bọn thống trị. Vua chúa mà còn đỡ hơn đời bấy giờ bởi vì vua thì lấy “đức trị”, như ông Diệm chủ trương vậy. Đời không còn vương đạo, chỉ có bá đạo ông ơi!” Tôi than với thiếu úy Kiệt.

Tôi kể chuyện tiếp:

-“Ông người Nam, ông không thấy sự thay bậc đổi ngôi của giai cấp thống trị. Tây xâm lăng, vua chỉ còn là bù nhìn. Triều đại nhà Nguyễn sụp đổ kéo theo một tầng lớp thống trị. Ai biết “lựa gió phất cờ” thì tồn tại với chế độ mới, ai không “phất cờ” được thì chìm ngấm với thời gian... Dòng Phan Đình Phùng, dòng Nguyễn Công Trứ... nay đâu còn ai. Còn như dòng thẳng chánh án tòa này nè, dòng giám đốc nhà máy xi măng này nè, tụi nó cùng học một lớp Đê Nhất với tôi cả đấy, – dòng họ nó mấy đời làm quan, từ triều Nguyễn xa xưa, biết theo thời mà tồn tại, bảo tồn được danh vọng, từ đời này sang đời khác, vẫn cứ đề đầu cưỡi cổ thiên hạ. Cái này, Huế rõ lắm. Ông thấy không, ông Ngô Đình Diệm, biết từ quan nên mới làm tổng thống. “*Khôn chết, dại chết, biết sống*”, Khổng Tử nói vậy mà.

-“Hình như dòng dõi đại úy cũng có người làm quan?”

-“Ban đầu thì tôi không biết. Ông thân tôi qua đời khi tôi mới mười tuổi, không nghe nói gì cả. Và ông cũng bỏ xứ mà đi khi ông còn trẻ, má tôi không biết gì về gia đình chồng. Nhưng má tôi có kể một câu chuyện, nghe linh thiêng mà cũng buồn cười. Ông

có thấy tôi có cái sẹo cuối lông mày không? Má tôi kể một hôm má tôi nằm mơ thấy một ông mặc áo điều đỏ, quần trắng, thắt lưng trắng, đeo kiếm, ăn mặc như thế là tướng võ. Ông hiện ra, nói: "Mày có một thằng con giống tao." Khi ấy tôi mới năm tuổi, bị một cái mụn lớn, phải mổ, sau thành sẹo. Nghe chuyện, ba tôi nói với má tôi: Ông có một ông chú, làm quan võ, theo ông Hoàng Kế Viêm, đem quân đánh Pháp ở Bắc Hà, chết bỏ xác đâu ngoài ấy. Anh ông ấy là em ông nội tôi, làm ngự y đời Thành Thái. Khi ông Thành Thái bị Tây phế ngôi rồi bị đày, ông nội tôi về quê làm thầy thuốc Bắc cho đến khi qua đời. Ba tôi khi ấy cũng mới mười tuổi. Thế lực dòng họ không còn, cha tôi lại sinh vào đầu thế kỷ, chữ Nho càng ngày càng tàn, chữ Tây ông không rành, đời ông cũng không nên cơm cháo gì. Anh em tôi gánh chịu cái nồi cháo heo ấy...

- "Tôi nghe nói thằng cha dự thẩm này gốc cũng chỉ là biên tập viên." Thiếu úy Kiệt nói.

- "Gốc nó bự lắm. Bố nó là chánh án tòa thượng thẩm đấy. Vô biên tập viên là vì nó mới có tú tài, khỏi đi Thủ Đức. Đâu cử nhân luật rồi nó thi vô ngạch thẩm phán."

- "Y học không giỏi?" Thiếu úy Kiệt hỏi.

- "Giỏi thì vô y, vô Phú Thọ, vô đại học sư phạm. Mấy thằng quanh quẩn ở "*Con đường Duy Tân, cây dài bóng mát*" là chờ "Vườn Tao Ngộ" cả đấy. Thằng này nhờ cái dù bự của ông bố nên khỏi đi lính."

- "Đời bắt công ghê!" Thiếu úy Kiệt than, nói tiếp: "Đại úy với tôi về tuốt chỗ kinh cùng này."

- "Ông đừng hỏi tui sao "thiên tả". Thiên tả là khuynh hướng những người bất mãn, ưa chống lại cái trật tự xã hội đương có. Tôi không thiên cộng đâu!" Tôi nói.

- "Tôi biết, tôi biết ông mà đại úy." Thiếu úy Kiệt cãi chánh, sợ mất lòng tôi.

Vì dặn thiếu úy Ra trước, nên khi tôi và ông Kiệt về tới xã, con Sáu Lánh đã được gọi tới.

Tôi biểu ông Kiệt và ông Ra ngồi tránh ra, phía sau con Sáu Lánh, sợ nó mắc cỡ. Nó ngồi đối diện với tôi. Tôi hỏi, dịu dàng, có vẻ như đùa:

- "Muốn tôi gọi bằng em hay bằng cháu đây?"

- "Em lớn rồi, gọi bằng em, gọi bằng cháu coi nhỏ quá." Con Sáu Lánh trả lời, cũng tự nhiên.

- "Nói thật tui nghe. Có phải em bị con trai Tư Sậm hiếp dâm không?"

- "Sao đại úy lại hỏi thế? Bộ em ưa nó à?" Sáu Lánh hỏi lại tôi.

- "Không phải! Tôi muốn em trả lời cho chắc chắn. Em không yêu nó, phải không? Mai một ra tòa, em phải trả lời chắc như bấp vậy. "Tui không yêu, không ưa gì nó hết." Nếu em nói em có một chút cảm tình với nó, dù chỉ một chút thôi, là em thua, em thua ngay. Nhớ không?" Tôi biết tôi nói như thế là hơi liều đấy, người ta gọi là "mớm cung".

- "Dạ! Em không có cảm tình gì với nó cả." Sáu Lánh trả lời.

- "Tốt! Vậy tại sao em vô trường học với nó." Tôi hỏi.

- "Em có vô đâu!" Sáu Lánh nói.

- "Em vô trường học, rồi em vô cả trong lớp học với nó mà. Sao em nói vậy. Không vô trong đó thì nó làm gì được em ở giữa đường?" Tôi hỏi.

- "Số là như dzậy. Tan cái lương là khuya lắm. Em với Tư Bông về với nhau. Tới phía sau chùa làng, chỗ đó vắng lắm; người ta cùng đi coi, vô nhà hết rồi, chỉ còn em với

Tư Bông. Nó đứng giữa đường, nói mẹ Tư Bông bệnh nặng lắm, về lẹ lên. Em tính chạy về với Tư Bông. Nó nói: "Ba mày có gói cái gói cho mày, chờ tao chút."

"Em ở lại chờ?" Tôi hỏi.

"Ba em ở trông, thường liên lạc với em. Ông hay bệnh kêu em mua thuốc đem dzô. Vì vậy mà em ở lại, coi có chuyện chi."

"Sao em đi theo nó vô trường học?" Tôi hỏi.

"Nó nói "Sợ Cảnh Sát, tao giấu trong trường. Mày vô với tao." Em đi theo." Sáu Lánh khai.

"Rồi sao nữa?" Tôi hỏi.

"Vô tới đó, nó đi vô lớp học, gọi em "Mày phụ với tao." Em đi vô." Sáu Lánh khai tiếp.

"Nói giờ trò khi nào?" Tôi hỏi.

"Khi em mới vô lớp." Sáu Lánh nói.

"Lớp không có cửa?" Tôi lại hỏi.

"Cửa nẻo gì đâu! Hôm đánh nhau, cửa bung hết chưa sửa."

"Nó làm gì?" Tôi hỏi.

"Nó đè em vô vách tường. Em mới ú ớ. Nó dzông vô miệng em một trái banh nhựa, cứng họng, bẻ quặt tay em ra sau, vật em một cái, tính té, rồi nó đè em xuống cái băng ghế."

Một lúc, Sáu Lánh khai tiếp:

"Em nằm trên băng ghế. Nó chồm trên người em, bẻ quặt tay em xuống phía dưới ghế, muốn lợi tay luôn. Một tay nó vòng xuống dưới ghế, giữ chặt hai tay em."

"Nó mạnh lắm à?" Tôi hỏi.

"Nó kéo lưới từ hồi mười hai mười ba tuổi gì lặn mà đại úy! Không mạnh sao được!" Sáu Lánh than.

"Hai chân đâu, không đạp cho nó một cái." Tôi hỏi.

"Nó nằm trên bụng em, nên hai chun em thòng xuống đất, em cố cật chun lên thì cấn hai cái bàn. Chun bên nào cũng cấn cái bàn bên đó."

"Em mặc quần giầy thun?" Tôi hỏi.

"Không! em mặc quần lưng rút." Sáu Lánh khai.

"Một tay thì nó làm gì được?" Tôi lại hỏi.

"Nó nắm cái đáy quần, xé ngược lên một cái rét. Vải cũ, dễ rách lắm." Sáu Lánh nói.

"Còn quần lót?" Tôi hỏi.

Con Sáu Lánh đỏ mặt, không nói.

Biết ý, tôi hỏi trước cho nó khỏi ngượng: "Em không mặc quần lót?"

Nó gật đầu. Tôi hỏi: "Sao vậy?"

"Em chỉ có một cái, hồi chiều giặt phơi, chưa khô!"

Bấy giờ, tôi hiểu ra. Con gái nhà quê, nghèo, tiết kiệm, khi nào cần chúng mới mặc quần lót.

Tôi ngồi trầm ngâm, không hỏi. Nhận xét trên làm cho tôi hơi xúc động. Các con gái tôi, đứa nào cũng được mẹ mua cho cả chục cái quần lót khi mới ba bốn tuổi, lúc chưa đi học. Còn con gái nhà quê, lớn tồng ngồng ngồng rồi...

Thấy tôi ngồi im, con Sáu Lánh cũng không nói gì. Có lẽ nó không biết tôi xúc động vì câu chuyện của nó.

Một lúc lâu, tôi hỏi nhỏ:

"Em có đau chỗ kín lắm không?"

-“Đau lắm, đại úy à!” Khi nó trả lời, tôi thấy hai dòng nước mắt chảy dài trên má nó.

-“Em có thuốc thang gì không?” Tôi hỏi, tiếng cũng còn nhỏ.

Sáu Lánh trả lời, tiếng nói cũng nhỏ:

-“Thầy Minh khám cho em, vừa cho thuốc uống, thầy nói sợ nhiễm trùng, vừa cho thuốc xức.

Tôi biết ông Minh, bạn cùng xứ với tôi, coi sóc bệnh viện ở quận.

Tôi thường không đem tiền theo nhiều, nên quay qua hỏi thiếu úy Kiệt: “Ông có tiền, đưa tôi mượn một ngàn.” Ông Kiệt chưa kịp đưa thì ông Ra đã rút tiền, đưa cho tôi.

Tôi cầm một ngàn đưa cho con Sáu Lánh, nói:

-“Tôi cho em một ngàn để xài. Nhớ khi ra ngoài đó, ông tòa hay luật sư có hỏi, cứ như thế mà khai. Ông Tư Sậm sẽ thuê luật sư cãi để chạy tội cho con ông. Luật sư họ khôn lắm, họ gài mánh để mình thua. Có hai điều tôi dặn: Không có cảm tình gì với con trai Tư Sậm hết cả, nhớ chưa? Với lại, hoàn toàn chống lại hành động của thằng đó, nhưng nó mạnh lắm, em chống không lại. Nhớ chưa? Thôi cho em về.”

Con Sáu Lánh nói “Dạ nhớ!” Cám ơn tôi rồi chào chúng tôi, ra về.

Tôi nói với thiếu úy Kiệt và thiếu úy Ra:

-“Nó chống không lại con trai Tư Sậm là phải. Thằng kia là dân hạ bạc, mạnh như con trâu cui. Con nhỏ thì ốm nhom. Chắc thiếu ăn.”

Thiếu úy Ra nói:

-“Nó mồ côi mẹ từ hồi ba bốn tuổi gì đó, ở với cha. Mấy năm nay cha nó “thoát ly”, nó ở một mình trong cái nhà nhỏ như cái chòi.

Một lúc, thiếu úy Kiệt hỏi:

-“Nghe nói nó bị ra máu dữ lắm phải không?”

Thiếu úy Ra cười cười:

-“Ông không biết à! Con nhà nòi. Cả xã này, ai không biết.”

-“Nòi sao?” Tôi hỏi.

-“Nòi “cốc ma-ru” chớ sao! Tụi nó kể hồi nhỏ, đánh bi, mặc quần xà lòn, con cu nó “chấm muối mè”. Cha con nó đều vậy. Mấy con mẹ góa chồng, khoái Tư Sậm, bị vợ Tư Sậm cầm dao đòi chém hoài chớ gì!”

Nửa năm sau, thiếu úy Ra bị thuyên chuyển, thiếu úy Phan Trí Huệ đến thay chưa được một tháng thì tử trận. Tôi điều thiếu úy Chiếu về nhận việc ở Vàm Rầy.

Một hôm, dự thẩm gọi tôi “trình diện gấp”. Tôi vội vàng bỏ công việc ra Rạch Giá, “trình diện” ông ta. Ông hỏi: “Tại sao trưởng cuộc Cảnh Sát xã Đức Phương không đem nộp giấy khai sinh của con trai Tư Sậm?”

Đây là công việc của cuộc Cảnh Sát xã Đức Phương, từ thời ông thiếu úy Ra, tôi chỉ được thông báo. Bộ Chỉ Huy của tôi đâu có thụ lý vụ án này. Sao lại hỏi tôi? Tôi không tranh cãi với dự thẩm, chỉ hứa sẽ về nhắc nhở trưởng cuộc Cảnh Sát xã này.

Bực mình, về tới xã, tôi gọi thiếu úy Chiếu hỏi:

-“Sao ông không gửi giấy khai sinh con trai Tư Sậm cho thằng chả?”

Thiếu úy Chiếu nói:

-“Giấy đâu mà đưa. Giấy đó là giấy gian. Thằng đó đã 21 tuổi dùng khai sinh nhỏ tuổi, mới 17. Xã trưởng Ân chỉ làm gian một lần thôi. Làm lần nữa, chả sợ.”

-“Dự thẩm cần giấy khai sinh này để làm gì?” Tôi hỏi.

-“Có giấy khai sinh, dự thẩm căn cứ vào đó, tha cho thằng này vì nó còn tuổi vị thành niên.” Thiếu úy Chiếu giải thích.

-“Tư Sậm “chạy” cho dự thắm “đớp” rồi chớ gì?” Tôi lại hỏi.

-“Còn hỏi nữa. Thằng cha dự thắm này chịu ăn lắm.” Thiếu úy Chiêu trả lời. Một lúc, thiếu úy Chiêu nói thêm:

-“Em có nghe thiếu tá Đức kể. Mấy con nhỏ bán số đề mà chả cũng ăn tiền tụi nó.” Tôi kể thêm:

-“Hồi tôi ở Kiên Tân, trung tá Huê đến thanh tra, cũng kể cho tôi nghe một chuyện như thế. Khi ông làm trưởng ty ở Bình Dương, thằng biện lý ra lệnh cho Cảnh Sát tìm bắt mất con nhỏ bán số đề cho nó. Nó ăn tiền mấy con bán số đề rồi tha. Bẩn thiệt.”

-“Thằng này cũng vậy. Ở Rạch Giá, người ta gọi nó là dự “bẩn” chớ dự thắm gì.” Thiếu úy Chiêu nói.

Một lúc, tôi nói:

-“Tôi hiểu ra rồi! Thằng này nó đòi giấy khai sinh là vì sợ mất ăn. Nếu còn mấy tháng nữa thằng bé đủ 18 tuổi, theo như trong giấy khai sinh, thì dự thắm phải giải qua cho tiểu khu đi lính, đâu có thả ra được. Can tội “tán trợ bất phục tùng” sao? Một thối sai nha cả.”

Hôm sau, tôi lại phải xuống Vàm Rầy, cho gọi Tư Sậm ra, nói:

-“Ông chạy dự thắm thế nào, tôi không cần biết. Ông cũng nên nhớ rằng, dự thắm có quyền dự thắm, chúng tôi có quyền của của chúng tôi. Dự thắm không ngồi ở cửa mà canh nhà cho ông được. Còn cái giấy khai sinh con ông, ông liệu sao với xã An thì liệu, tui sẽ làm tờ trình cho dự thắm biết, chúng tôi không tìm được giấy đó. Ông ta làm sao thì làm. Thằng con ông mà được tha, về đây, tui thộp cổ cho đi khám răng. Bác sĩ xác nhận nó trên mười tám tuổi là tôi cho nó đi lính ngay. Hiểu chưa?”

Tư Sậm cúi gập mình xuống, nói lí nhí:

-“Dạ thưa! Tôi không dám, tôi không dám.

Ít lâu sau, thằng con trai Tư Sậm được tha, nhưng y đã dọn nhà ra Hòn Nghệ. Ở ngoài đó, có núi cao, khó bắt bọn trốn lính lắm.

Cũng thời gian đó, con Sáu Lánh giận đời thoát ly vô bụng cùng cha nó. Khi Việt Cộng tấn công vô xã lần thứ hai, con Sáu Lánh với cha nó, Bảy Lơi, cùng về xã. Bảy Lơi tìm tới nhà Tư Sậm thì Tư Sậm đã dời nhà đi rồi. Bảy Lơi tức mình châm lửa đốt nhà Tư Sậm trước khi rút lui theo đám “tình đội” địa phương.

Có lẽ không có cuộc chiến tranh nào đây hận thù và kỳ cục như cuộc chiến này. Không có lỗi ở ai hết hay ai cũng đều có lỗi cả?

hoànglonghải.

(1)- Ghe xẹp: Loại ghe đánh ca gần bờ ở vịnh Rạch Giá.

[Bài 6] Tha hương ngộ cố tri

-“Ông coi cái này cho kỹ mà lo cho “đồng hương trợ trợ” của ông.”

Ông thiếu tá quận trưởng Sầm Long vừa nói vừa chọc què tôi, tay thì đưa cho tôi văn thư từ tỉnh gửi xuống, nói về việc chuẩn bị nơi định cư cho đồng bào di dân Quảng Trị, què hương tôi.

Quận Long nói tiếp:

-“Tôi dân tác chiến, ông với ông phó quận hai người bàn bạc với nhau, trình lên cho tỉnh.”

Đọc văn thư xong, tôi hiểu đại khái, chính phủ, nói rõ ra là phó thủ tướng Phan Quang Đán, phụ trách chương trình “khẩn hoang lập ấp” ra lệnh cho chính quyền địa phương chuẩn bị

một khu vực rộng để đưa khoảng năm ngàn đồng bào tỵ nạn Quảng Trị vào định cư ở tỉnh Kiên Giang. Tỉnh dự trù đưa về cho quận của tôi phụ trách.

Việc này tôi biết từ lâu, cũng phức tạp.

Đầu tiên là việc “thiết lập hàng rào điện tử Mc Namara”.

Khoảng năm 1965, khi Mỹ thiết lập “hàng rào điện tử Mc Namara” dọc theo bờ Nam sông Bến Hải – còn gọi là sông Hiền Lương – thì vùng này bị “bạch hóa” (danh từ hồi đó). Có nghĩa là dân các xã vùng này bị đuổi đi sạch, nói văn hoa là cho “tái định cư” ở nơi khác, chưa biết ở nơi đâu.

Vì việc riêng, tôi đi Saigon và xin gặp giáo sư Vũ Quốc Thúc, bấy giờ ông đang phụ trách “chương trình Stanley – Thúc” là chương trình “phát triển kinh tế hậu chiến”. Ông cũng đang chuẩn bị ra tranh cử Thượng Nghị Viện, thụ ủy liên danh “Sư Tử Cầm Bút” mà tôi sẽ làm đại diện cho liên danh “của ông Thầy” tại Huế và Thừa Thiên. Qua quan hệ đó, tôi biết thêm, “nhóm Nam Kỳ quốc” không đồng ý cho đồng bào Quảng Trị, vùng bị “bạch hóa” định cư ở “đồng bằng miền Tây Nam Bộ”. Khi giáo sư Vũ Quốc Thúc nêu ý kiến đất miền Nam còn rộng, thì “họ” bảo, đất còn rộng cũng để dành cho con cháu người miền Nam, không thể cho người miền Trung vào lập nghiệp được.

Không muốn “sinh chuyện”, nên số đồng bào trên, thay vì định cư ở vùng đồng bằng phía Nam thì họ được định cư ở Cam Lộ, Bình Giả... Chỉ ở miền Đông, không xuống tới miền Tây.

Có lẽ bây giờ tình hình đã thay đổi, hay đây là quyết định của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, không “ai” dám phản đối, nên mới có việc tôi phải chuẩn bị đón đồng bào “Quảng Trị tui” ở quận Kiên Lương này.

Gặp ông phó quận Nguyễn Đức Nghiêm xong, nhiều đêm, trước khi ngủ, tôi suy nghĩ không ít về việc định cư này. Đây là đồng bào cố hương mà, dưng dưng sao được. Sau đó, tôi tới văn phòng ông phó Nghiêm, và bàn bạc với nhau, trước khi vẽ ra một họa đồ, cùng với bản tường trình, trình cho tỉnh trưởng Kiên Giang.

Tôi nói với ông phó Nghiêm:

–“Chắc ngoài tỉnh họ giao khoán cho mình. Mình vạch chương trình, kế hoạch ngon lành thì họ OK thôi. Không ai lưu tâm nhiều đến việc này đâu.”

Ông phó Nghiêm đồng ý với tôi.

Tôi nói với ông phó Nghiêm:

–“Từng làm việc ở Kiên Tân, là Cái Sắn, tôi có vài nhận xét.”

Phó Nghiêm nói:

–“Đại úy nói đi.”

–“Có ba tiêu chuẩn căn bản. Thứ nhất là về kinh tế. Dân ngoài tôi phần nhiều là nông dân. Vậy cho họ định cư ở đây, trước hết là phải có đất cho họ làm ruộng.”

–“Đồng ý.” Phó Nghiêm nói.

–“Thứ hai, sinh hoạt văn hóa: Phải dựng trường học, nhà thờ, chùa. Đó những cái tối thiểu.”

–“Đồng ý”. Phó Nghiêm nhìn tôi cười cười.

–“Thứ ba là kinh tế: Chợ búa, giao thông, cả hai đường bộ và đường thủy.”

–“Ngon lành.” Phó Nghiêm lại nhìn tôi cười. Rồi lại hỏi tôi:

–“Ba cái đó đồng ý. Nhưng còn một cái nữa.”

–“Cái này ông phó nói, tui hiểu rồi. Nhưng cái này là của tui. Ông phó muốn nói về an ninh phải không?”

–“Y chang!” Ông ta lại cười.

Tôi nói:

–“Tất cả các dinh điền, khu trù mật, khu định cư thời ông Diệm, đều có tính cách “chiến lược quân sự” hết. Làm việc ở Cái Sắn, và... đi nhiều, tôi nhận thấy tính cách này rõ lắm. Có

điều lạ, trong “chương trình Stanley – Thúc” không thấy bàn tới điều này. Trong một lần nói chuyện ở đại học Huế, giáo sư Thúc có nói tới “*chiến tranh phục vụ hòa bình*”. Ông đưa ra ví dụ như cải tiến một phi trường quân sự thời chiến thành phi trường dân sự mà không bàn tới “*hòa bình phục vụ chiến tranh*.”

–“Là sao?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

–“Cái này hay lắm ông phó. Tui lấy ví dụ ở Kiên Giang này thôi. Từ thị xã Rạch Sỏi đi Ngã Ba Lộ Tẻ (1), thời chiến tranh Việt – Pháp, trên một quãng đường dài gần một trăm cây số, ngoại trừ khu vực xã Mông Thọ có lính Quốc Gia đóng đồn – Ông phó biết không, khi ông đại tướng Khiêm còn mang loon trung úy, ông đóng đồn ở Mông Thọ đó -. Từ chỗ này cho tới Vĩnh Kim, Việt Minh qua lại tự do, – từ Kampuchia đi U Minh hay ngược lại. Khu xã Vĩnh Kim bọn chúng không dám léo hoánh vì đụng dân Hòa Hảo. Cụ Diệm lập dinh điền Cái Sắn, Việt Cộng đâu còn qua lại nghênh ngang như xưa. Chỉ còn lại cho chúng cái nút thắt ở Cây Số 15, ngay ấp Hòa Bình mà thôi. Nút thắt họng, bị phe ta phục kích hoài.”

–“Tôi biết Cây Số 15. Bây giờ đại úy nói chỗ đó là cái nút thắt, tôi mới để ý đấy.” Phó Nghiêm thừa nhận ý kiến của tôi.

–“Tất cả các khu dinh điền, trù mật khác đều như thế cả. Thời đánh Tây, Tây bị phục kích ở Định Quán nhiều trận xiểng liểng. Bây giờ còn đâu! Léo hoánh tới là đụng ngay dân di cư, quân đội chưa tới, Việt Cộng đã phải tháo chạy hết hơi rồi. Saigon cũng có nữa.”

–“Saigon có dinh điền đâu?” Phó Nghiêm phản bác ý kiến tôi.”

–“Ông anh rể tôi – dân Saigon chính cống – ổng kể, thời chiến tranh trước, Việt Minh về tận một sân banh nhỏ ở Phú Nhuận, ám sát một cầu thủ đang đá banh rồi rút lui theo ngã Xóm Mới – Từ An Phú Đông chúng đột nhập Saigon theo ngã Xóm Mới – Trận Mậu Thân cũng theo ngã đó mà đánh vô Gò Vấp, rồi bị diệt chết tùm lum. Dân di cư Xóm Mới có nhiệm vụ giữ an ninh cho Saigon mà họ có biết đâu.”

–“Hay nhỉ!” Phó Nghiêm nói.

–“Còn nhiều nữa... Ông Diệm giỏi về hành chánh, làm quan cai trị. Nhưng “tầm nhìn chiến lược quân sự” này, có lẽ là của ông Nhu.”

–“Theo đại úy, ở đây thì sao?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

–“Khoan đã. Để tôi nói hết. Về di dân, tôi thấy chương trình xây dựng dinh điền Cái Sắn giống với “Minh Đạo” của ông Hồ Hữu Tường. Nhưng so với “Trại Ruộng” của Phật Thầy Tây An, hai ông này đi sau một trăm năm. Ông “vừa Phật vừa Thầy” này đem dân đi lập “Trại Ruộng”. Khi Tây chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Bộ. các “Trại Ruộng” của Phật Thầy Tây An là những căn cứ chống Tây kịch liệt lắm. Vì vậy, Tây đốt hết, phá tan hết. Hiện giờ, chỉ còn “Trại Ruộng Láng Linh” mà thôi. Đừng coi thường người xưa.”

–“Giống nhau hả?” Phó Nghiêm hỏi.

–“Trại Ruộng” cũng giống như Dinh Điền, khi Pháp xâm lăng, “Trại Ruộng” là “làng chiến đấu” đấy. Tây vô đó là “hao mạng” không ít.

–“Làng chiến đấu” theo cách Việt Minh.”

–“Không! “Làng chiến đấu” của Việt Minh là đã có làng rồi, chỉ còn gom dân thành lực lượng võ trang. Còn “Trại Ruộng” là bắt đầu từ A- B- C...”

–“Cái này tôi chưa từng nghe ai nói.” Phó Nghiêm thú nhận.

–“Ở Cái Sắn, tôi từng được mấy ông “Cụ Dân Xã Đảng” mời tới chơi. Mấy ông này chống Tây thời kỳ “Nam Bộ Kháng Chiến”, sau chống luôn Việt Minh sau khi chúng nó giết Đức Thầy ở kinh Đốc Vàng.”

–“Ông biết gì về việc giết nhau giữa Việt Minh và Hòa Hảo không?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

–“Ở Cái Sắn, tôi từng nghe dân kể lại. Ông quận Phúc này nè (Quận Long thay ghế quận Phúc), ông cũng từng kể cho tôi nghe.”

–“Thiếu tá Phúc không nói gì với tôi cả.” Phó Nghiêm nói.

-“Lang thang vô kinh, nhiều khi tôi hỏi đùa họ: “Sao? Còn đòi “lấp sông Bến Hải, Bắc tiến” nữa không?”

-“Thôi ông ơi! Đừng nói nữa. Chuyện cũ rồi.” Họ cười trả lời.

-“Giàu rồi. “Bắc tiến” gì nữa?” Tôi nói.

Một lúc, tôi hỏi ông phó Nghiêm:

-“Lúc mới thành lập dinh điền, ông phó có biết dân tình như thế nào không?”

-“Sao?” Phó Nghiêm hỏi.

-“Dân dinh điền đứng chân trong chân ngoài. Vợ con ở Saigon buôn bán. Chồng với con trai lớn về dinh điền nhận đất, nhận ruộng. Chính là nhận đồ và tiền cứu trợ. Còn ruộng thì bỏ hoang.”

-“Sao bỏ hoang?” Phó Nghiêm hỏi.

-“Làm gì nổi. Làm biếng thì có. Mỗi ngày “địa điểm trường dinh điền” lừa dân ra đồng. Ra tới nơi, họ chui vào lùm bụi gì đó tránh nắng và... đánh bài. Nếu có đốt đồng thì họ hăng hái lắm. Đốt đồng trên gió; dưới gió thì giăng lưới ra: Rùa, thỏ, ếch, nhái, rắn, chồn chạy lữa, chạy về hướng dưới gió là chui vô lưới hết. Dân nhậu nhậu thả giàn mà cũng không hết. Đem bán lấy tiền.”

-“Đại úy biết nhiều nhỉ?” Ông phó Nghiêm đưa ra nhận xét về tôi.

Tôi nói:

-“Chưa hết. Mùa nước nổi, nước lên lên lênh láng. Mỗi nhà chỉ còn cái giường, nước càng cao thì giường kê cao lên. Chính phủ phát trâu Murat để cày ruộng, họ đập cho trâu què chân, để xin mỡ thịt. Dân Bắc kỳ khoái ăn thịt trâu hơn bò.” Vậy mà bây giờ, nhà cửa, vườn tược, đường sá, trường học khang trang như vậy đấy. -“Họ chăm nhỉ?” Phó Nghiêm nói.

-“Nhờ mấy ông cha. Mấy ông cha trụ lại đó, dân theo cha cũng trụ lại đó. Vai trò mấy ông cha quan trọng lắm. Cái này, trong Minh Đạo, Hồ Hữu Tường chủ trương là vai trò các tu sĩ Phật giáo.”

-“Trong tương lai, mình có lẽ cũng nên theo con đường đó.” Phó Nghiêm nói. “Không có vai trò các tu sĩ, chắc khó thành công.”

-“Theo tôi nghĩ, toàn vùng định cư, không phải chỉ có một thầy, một cha đâu. Chương trình vạch ra, có lẽ phải liên hệ với các giáo hội để các tu sĩ thêm đông.” Một lúc sau, phó Nghiêm nói tiếp.

-“Khi dân đi định cư, chắc chỉ có cha, thầy đi theo. Không biết họ có thể theo tín đồ mà về đây. Chỗ “nắng bụi mưa bùn” này ai mà ham. Họ đi Saigon cho có đủ “tiện nghi sinh sống.” Tôi góp ý.

-“Dù sao, vai trò chính quyền cũng là chính.” Ông phó Nghiêm góp ý.

-“Ông nói vai trò chính quyền làm tôi nghĩ tới một câu chuyện cũ. Hồi còn học ở trường Khải Định – Quốc Học sau này, ông bạn tôi ở trong số học sinh đại diện cho trường, vô Saigon “Chúc mừng sinh nhật Ngô Tổng Thống” ngày 3 tháng một, trong bữa tiệc đãi cho học sinh, tổng thống nói: “Dân ở dinh điền làm biếng mà mấy thằng “địa điểm trường dinh điền” không có biện pháp chi. Tôi thì tôi “*lấy hèo phết vô đít*”, bắt họ phải đi phát hoang, làm ruộng.” Ông bạn tôi nói thêm “*Đúng là giọng nói của quan tri huyện*”.

Ông phó Nghiêm chỉ cười.

-“Tôi còn một chuyện nữa, chắc ông muốn biết. Ông phó biết ai phụ trách “Tổng ủy trưởng dinh điền” của ông Ngô Đình Diệm không?”

-“Ai?” Phó Nghiêm hỏi.

-“Bác sĩ thú y Phạm Văn Huyền.” Tôi nói.

-“Ông Huyền nào, bố bà Ngô Bá Thành?”

-“Chớ ai vô đây! Vậy mà sau này ông Huyến chống Việt Nam Cộng Hòa, bị tướng Thi đẩy qua cầu Bến Hải, cùng với nhà báo Cao Minh Chiếm, Tôn Thất Dương Kỳ, dạy lịch sử ở trường Khải Định.” Tôi nói rõ hơn.

-“Buồn cười nhỉ? Tự do quá thành hỗn loạn.” Phó Nghiêm góp ý.

Mấy hôm sau tôi và phó Nghiêm đi với nhau xuống Vàm Rầy, để “quan sát thực địa”.

Hai chúng tôi đi dọc theo tỉnh lộ, từ cầu Vàm Rầy tới ngã ba Kinh Xáng Hà Tiên – Kinh số 1, dân chúng thường gọi là kinh Xà-Tón.

Tới ngã ba nói trên, ông phó Nghiêm đứng lại, tôi đứng bên cạnh ông ta. Phó Nghiêm chỉ vào kinh Xà-Tón nói:

-“Kinh này lên tới Châu Đốc, dẫn nước từ sông Bassac về đây. Nó bị chặn ngang chỗ “Đường Dây 1 C”. Nước chỉ chảy mạnh khi tới “mùa nước nổi” mà thôi. Từ tết trở về sau, nước yếu lắm. Máy bơm, phải cho vét lại, nước về đây mạnh hơn, ruộng rửa phèn dễ hơn. Nước dân dùng cũng ít phèn đi.”

-“Chỗ ngang “Đường Dây 1 C” của tụi nó là căng đấy, ông phó.” Tôi nói.

-“Tôi biết, đại úy nhớ vụ “Nhà máy xi măng Hà Tiên” hồi đó muốn đào kinh mà bị tụi nó phá không?” Phó Nghiêm hỏi tôi.

-“Hồi đó tính đào con kinh dẫn nước từ Châu Đốc về cho nhà máy. Mới cấm cò thôi mà tụi nó đã bắt cóc và giết mấy công nhân rồi. Tình hình quân sự bây giờ căng hơn. Tụi nó cố giữ đường giây chuyển quân của tụi nó mà.” Tôi nói.

-“Căng nhỉ?” Phó Nghiêm than.

Một lúc, ông phó Nghiêm nói tiếp:

-“Khu này, trong địa bộ ghi là “rừng cấm”. Tây mới đào kinh ngang dọc, nhưng kinh nhỏ quá, phải cho đào sâu và rộng hơn.”

-“Tôi cũng thấy bản đồ ghi là “rừng cấm”. Rừng rú gì ở đây đâu! Tôi không hiểu.” Tôi nói.

-“Tây nó muốn giành đất làm ruộng chớ có gì đâu. Rừng cấm là cái tên do Tây đặt ra để cấm dân.” Ông phó Nghiêm giải thích.

-“Giống như vùng Kinh Hăng.” Tôi hỏi.

-“Kinh Hăng là hăng làm ruộng của Tây. Khai thác xong vùng Cờ Đỏ ở Chợ Mới, chúng khai thác vùng Nam-Thái-Sơn. Còn chỗ này xưa là vùng Tây dự trù khai thác tới, nhưng phải ngưng vì Tây đầu hàng Đức năm 1940.”

-“Vùng xã An Hòa ở núi Trầu cũng vậy, phải không?” Tôi hỏi.

-“Pháp “đem con bỏ chợ”, chạy dài.” Phó Nghiêm vừa nói vừa cười mỉm. “Tụi nó hết khai thác trồng cao su ở Miền Đông thì tới đồng ruộng miền Tây.”

Chúng tôi đi bộ tới một đoạn nữa thì gặp “Nông trường chuối” của ông đại tá tỉnh trưởng. Tôi hỏi ông phó Nghiêm “Nông trường này tính sao?”

-“Tính gì nữa. Trồng chừng đó chuối, trong hồ sơ khai là xài hết hai mươi triệu. Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp đối vốn hai mươi triệu nữa là bốn mươi triệu. Nay đòi “bồi thường chiến tranh” bao nhiêu triệu nữa. Tham quá trời. Đầy túi rồi, căng phồng, ngó tới “nông trường” làm chi nữa!” Phó Nghiêm giải thích.

-“Nhưng trên nguyên tắc, “nông trường chuối” vẫn là đất của ông ta.” Tôi nói.

-“Không có thời hạn. Ông ta bỏ sớm thì giấy phép chấm dứt sớm.” Phó Nghiêm giải thích.

-“Giấy phép là do ông ta ký hay quận ký?” Tôi hỏi.

-“Tỉnh trưởng ký!” Phó Nghiêm trả lời.

-“Cũng là “vô ra thẳng cha khi nãy”, ông ta ký đi rồi ký lại mấy hồi.”

-“Cha bay chức rồi, đại úy! Không còn phiền phức cho địa phương mình nữa đâu!” Ông phó quận trấn an tôi.

Một lúc sau, khi tới ngang “nông trường chuối” của ông đại tá tỉnh trưởng, tôi hỏi:

-“Nông trường này bốn phía đào kinh, mỗi bề cũng vài trăm mét. Dùng nó để làm gì bây giờ?”

-“Trụ sở xã và các bộ phận chính quyền đặt trong đó là an toàn.” Phó Nghiêm giải thích.

-“Tôi không nghĩ như thế. Chính quyền là của dân chúng, phải ở trong dân chúng. Tối lại, các bộ phận kéo nhau vô trong đó ngủ, để cho dân ở ngoài này, mặc sức Việt Cộng tới khùng bố, đe dọa, tuyên truyền, vậy là thua đó.” Tôi trình bày.

-“Hôm trước, đại úy có nói với tôi về bài “the street without joy”, có phải là ý này không?” Ông phó Nghiêm hỏi tôi.

-“Đúng đấy, Bernard Fall viết trong ấy, buổi chiều, sau khi Việt Minh bị đuổi chạy hết rồi, đám cán bộ xã ấp Quốc Gia tập họp dân chúng, nói ba hoa chích chòe gì đó, dân buộc phải nghe. Nhưng tác giả biết, trước khi trời tối, bọn cán bộ này sẽ chui vô đồn, ngủ với lính, để dân chúng ở lại ngoài đồn. Bọn cán bộ Việt Minh ở trong rừng lại ra, hay ở hầm bí mật chui lên, lại tuyên truyền, khùng bố, đe dọa... Mọi việc y như trước khi có cuộc hành quân. Chẳng được cái gì cả, thực dân Pháp lại mất công toi.”

-“Bây giờ cũng vậy!” ông phó quận than.

-“Chính quyền cùng dân chúng hợp sức chống Cộng. Chúng nó không thiết lập được hạ tầng cơ sở, an ninh mới có được.”

-“Đại úy có diệt được đám hạ tầng cơ sở nào không?” Ông phó Nghiêm hỏi tôi.

-“Giận mà tức nữa. Dân thì ở với mình ngoài kinh sáng này, nguồn sống của dân là đốn tràm, giăng câu, đặt lợp, làm cá ở tròng, tụi Cộng nó nắm giữ. Dân chúng phải theo lệnh chúng mới có ăn. Thành ra, giống như con dao, nó nắm đằng cán, mình nắm đằng lưỡi. Chiến tranh này bao giờ mới xong.”

Mấy hôm sau, ngồi ăn cơm với vợ, tôi nói với cô ấy:

-“Ít lâu nữa, em có việc làm.”

-“Việc chi?” Nhà tôi hỏi.

Tôi nói: “Dân Quảng Trị sẽ được định cư ở Vàm Rầy. Chắc em phải phụ những việc xã hội với quận.”

-“Vậy, như anh nói “Tha hương ngộ cố tri” phải không?”

-“Đúng y chang! Em có vui không?”

-“Gặp đồng hương vui lắm.” Cô ấy trả lời./

[Bài 7] “Sắc bắt ba đào...”

Thiếu úy Ra là người khá bộp chộp.

Hôm tôi xuống Vàm Rầy, mới sáng sớm, thấy “phông màn” còn giăng lung tung ở nhà lồng chợ, bèn hỏi ông ta: “Có gánh cái lương nào về hát á?”

Không trả lời câu tôi hỏi, thiếu úy Ra nói:

-“Cô đào đẹp lắm, còn trẻ măng, giọng không thua chi Lê Thủy”.

Một lúc, tôi hiểu thêm về “truyền thống hát bội miền Tây Nam Bộ”. Điều mà tôi tưởng là “chết” rồi, tức là “Hát bội giữa rừng” trong “Hương Rừng Cà Mau” của Sơn Nam đã theo Sơn Nam “đi” rồi, thì nó vẫn còn đấy, chỉ khác một điều là không cần phải quay đặng chung quanh mấy cái xuồng của khán giả để tránh cá sấu như ngày xưa mà thôi. Súng đạn mấy chục năm rồi, cá sấu nào mà còn!

Gánh hát bội di chuyển đến đây bằng ghe, thay vì bằng xe hơi như các gánh cải lương lớn ở Saigon. Chiếc ghe bầu chở đủ: "phông", màn, đào, kép. Phía sau ghe là nơi sinh hoạt của gia đình ông bầu gánh. Kép và đào phụ chia nhau phần trước.

Gánh hát không đủ sức để ghé hát ở các thành phố lớn như Cần Thơ, Rạch Giá, Long Xuyên. Nó chỉ có thể ghé lại ở các thị trấn hay các xã lỵ nhỏ, khán giả đã ít mà lại nghèo, hát vài ba đêm rồi nổ máy Kohler đi tới một xã khác, sống qua ngày. Gánh "sống giang" mà! (1)

Tôi không rõ những người theo các gánh hát này vì sinh kế hay vì cái "nghiệp". Không đi sâu vào đời sống của họ, khó biết được. Nếu vì cái "nghiệp" mà làm đào kép thì đó cũng là một cái "lạ" trong nhiều cái "lạ" của cuộc đời ô trọc này. "*Máu truyền thống*" của ông tổ Đào Duy Từ khó bỏ đi được!

Tôi ngồi uống cà-phê ngay gian đầu tiên dãy nhà bên hông nhà lồng chợ, quên bằng lời tán thán của thiếu úy Ra về cô đào vừa trẻ vừa đẹp mà thiếu úy Ra ca tụng không hết lời sáng nay. Một lát sau, tôi thấy ông bầu, một người đàn ông đứng tuổi vừa ốm vừa đen từ chiếc ghe hát bội đi lên cùng một cô gái còn trẻ lắm, đáng tuổi con ông ta. Để tránh cho họ uống cà-phê được tự nhiên – tôi đoán chừng họ vừa thức dậy và cùng nhau đi uống cà-phê – tôi giả quay mặt nhìn ra đường, làm như không thấy họ.

Thiếu úy Ra nói nhỏ bên tôi:

- "Đại úy, cô đào chánh đấy."

Tôi hỏi (theo ý của thiếu úy Ra nói hồi nãy, vẫn không nhìn lui):

- "Đẹp lắm hả?"

Thiếu úy Ra im lặng, không nói gì.

Tò mò, tôi từ từ quay mặt nhìn lui.

Đó là một "con nhỏ" – còn trẻ như thiếu úy Ra nói – nhưng da đen ngăm ngăm, tóc tai bù xù – có phải mới ngủ dậy chưa kịp chải hay sao – mặc cái bà-ba màu xanh lục đã phai, quần đen nhăn nhúm. Cô ta ngồi gác một chân lên ghế. Khi ấy, có một cô gái khác, bỗng tới cho cô ta một em bé đang khóc. Cô ta đưa tay đỡ em bé, rồi kéo vạt áo trước lên cho con bú.

Hình ảnh trông thiệt... nản.

Tôi cười, nói nhỏ với thiếu úy Ra:

- "Trông như con "mọi Miên"; giữa chợ mà còn vạch vú cho con bú nữa chứ!"

Thiếu úy ra vẫn cứ cãi chính:

- "Tôi hôm qua nó đẹp lắm mà, ai cũng khen, mặt nó trắng bóc."

Tôi nói đùa:

- "Ông bắt thẳng cha bầu gánh, truy tố nó tội "*dụ dỗ gái vị thành niên*" là vừa."

Nói như thế là vì theo kinh nghiệm, mấy đứa con gái nhà quê thiệt thà, ham vui, ham làm đào, ham ca hát, dễ bị mấy anh kép, mấy ông bầu gánh dụ dỗ bỏ nhà đi theo là việc thường xảy ra.

Tôi bỏ đi.

Vậy mà cả xã xôn xao vì việc con Lý bỏ nhà đi theo gánh cải lương từ Saigon về hát ở Rạch Giá.

Mấy hôm trước, vì công việc, tôi ra Rạch Giá. Buổi chiều, tôi với cả "bọn" làm việc ở Bộ Chỉ Huy Tỉnh, rủ nhau ăn nhậu ở nhà hàng Thanh Thúy. Đây là "khổ nạn" của tôi. Tôi đang làm "xếp pô-lít" trên khu vực đường buôn lậu từ Hà Tiên đi Rạch Giá,

Saigon, nên "anh" nào cũng nghĩ cái ghế tôi ngồi là ngon ăn, khi nào về Rạch Giá cả "bọn" bắt tôi đãi một chiều.

Sau vụ bắt hơn hai ký lô bạch phiến, tôi có tiền thưởng và một "chiến công bội tinh", nhưng cấp trên mới đề nghị chứ tiền đã có đâu, vậy mà cả "bọn" làm như tôi cất tiền đầy túi trước lẫn túi sau không bằng. Có người còn vạch bóp tôi, moi cho hết tiền chẵn, tiền lẻ trong đó mà lấy, khiến nhiều khi tôi phải dấu tiền trong bít tất mới có đủ tiền trả cho nhà hàng.

Hôm đó, ăn nhậu xong, mấy chả còn yêu cầu đi coi cải lương – Gánh hát gì đó, tôi không để ý tên gì, có kếp chánh là Thành Được.

Hôm sau, tôi về; được mấy bữa thì nghe tin con Lý bỏ nhà theo gánh hát rồi. Dân trong xã thắc mắc, không rõ con Lý mê hát, mê làm đào cải lương hay mê anh kếp nào.

Mê gì thì nó cũng đã đi rồi!

Người ta nói con Lý đẹp không thua gì Thẩm Thúy Hằng. Và người ta cũng tự hào về việc xử của họ có đứa con gái đẹp như thế.

Nghĩ cũng phải. Cha nó là một ông Tây lai, ổng có mẹ Việt. Mẹ nó là một cô "đầu gà đít vịt", tức là Miên lai Tàu, cũng nức danh một thời trước khi về làm vợ ông Tây lai đẹp trai.

Từ những cái đẹp về cha mẹ như thế, cấu tạo nên một con Lý không thể xấu xí được. Có thể nó thông minh nữa đấy. Hình như tôi có đọc một cuốn sách hay bài báo nào đó, nói rằng những người có "dòng máu quốc tế" thường là những người thông minh, không cần phải trai hay gái.

Tôi từng gặp con Lý một hai lần trước khi nó bỏ nhà đi. Cũng như mọi người, thấy con Lý đẹp, và tôi cũng đã gheo nó vài câu cho vui, như mọi người thấy gái đẹp vậy thôi. Nhớ hôm tôi uống cà-phê với thiếu úy Ra ở quán cà-phê chúng tôi thường ngồi thì con Lý đi ra quán mua cái gì đó. Thấy nó, thiếu úy Ra gọi: "Lý".

Nó đi tới, hỏi, rất lễ phép:

- "Thiếu úy kêu em."

Thiếu úy Ra nói:

- "Em ngồi uống cà-phê. Ông đại úy mới về làm việc ở đây." Nói xong, thiếu úy Ra đưa tay chỉ tôi.

Tôi nói:

- "Em có gì vội không, ngồi uống cà-phê rồi về."

Cô ta ngồi xuống ghế bên cạnh thiếu úy Ra, nhưng từ chối, không chịu uống gì cả, mặc dù thiếu úy Ra hỏi đi, mời lại mấy lần.

Bấy giờ tôi nhìn kỹ cô ta hơn, và... ngạc nhiên. Tại sao ở nhà quê lại có người đẹp như thế này nhỉ? Đẹp quá chừng, có thể ngang với... vợ tôi. Vợ tôi cũng sinh trưởng ở nhà quê, nhưng làng cô ấy kể cận tình lý, nên không khác dân thành phố chút nào. Còn như con Lý này, sinh ra lớn lên ở một xã mà từ đây ra tới thị xã Rạch Giá cũng phải mất nửa ngày đường.

Tôi bỗng nhớ tới nhà văn Đình Ngân, giáo sư Việt Văn của tôi khi tôi học lớp đệ lục với ông. Có lần ông nói với bọn học sinh chúng tôi: "*Nên lấy vợ nhà quê, thiệt thà hơn dân thành phố.*" Và ông ta cưới một cô ở quê ông làm vợ thật. Cưới xong, ông phải dạy cho vợ đánh vần quốc ngữ a, b, c... như "*cô Tú huyện Thanh Vân*", trong bài hát "Cô Tú" của Nguyễn Long Châu vậy.

Tôi đã có vợ, con. Tôi không nghĩ lung tung, nhưng vì con Lý đẹp thật nên hôm đó tôi nói đùa, bằng cái giọng Huế của tôi:

-“Tháng năm rồi, qua mùa hạ rồi, mà hoa còn nở đẹp quá hả?”

-“Hoa nào đâu!” thiếu úy Ra thật thà hỏi.

Tôi cười:

-“Hoa Lý đó!”

Hai người ấy cùng cười. Tôi nói:

-“Hoa Lý đẹp thiệt! Lý à!”

Cô ta cười:

-“Đại úy đừng khen, em mắc cỡ.”

Tôi lại đùa:

-“Mắc cỡ nhưng mà ưa khen.”

Rồi tôi hát nho nhỏ, bằng giọng Nam: *"Ban ngày thì mắc cỡ, tối ở quê "dìa."*

Hai người kia nghe hát, đều cười vui.

Từ hồi đi lính, bỏ cái vỏ thầy giáo, mặc áo “trây-di”, tôi thường có cách gheo gái như vậy. Cô nào ghét tôi mới là chuyện lạ.

Thiếu úy Ra nói:

-“Ông thầy có cách chọc gái hay thiệt. Cô ta nhìn ông hoài kìa.”

Tôi lại đùa bằng cái giọng Huế:

-“Nhìn mô?”

Rồi tôi vui vui giảng giải:

-“Có nhiều cách chọc gái. Một là theo cách “ba trợn”, nghĩa là chọc cho nó ghét mình, nguýt háy mình, nhưng mà “dính” đấy. *"Ghét của nào trời trao của ấy"* mà. Cách thứ hai là *"Anh chẳng nói..."* là mình liếc chùng đối tượng mà không nói gì nhiều. Lâu lâu thả vài câu nhẹ nhàng mà hay ho, chí lí. Cách đó, người Huế gọi là *"Thả giọng trầm nhiều nỗi mê man"*, mê man là yêu say đắm đấy...”

Xong, tôi ngồi im, nhấp một ngụm cà-phê.

Một lúc, tưởng như đang chờ mà thấy tôi không nói gì, con Lý nôn nóng hỏi:

-“Còn cách thứ ba đại úy?”

-“Cách thứ ba là do trời sinh; là người con trai phải có tài gì đó: hát hay, ca cải lương ngọt...”

-“Còn một cách nữa?” Con Lý lại nôn nóng hỏi.

-“Ấy là cách thứ tư; nhưng người ta không luyện tập được. Đó là tính vui, tính khôi hài. Mình nói ra một câu ai nấy đều cười... Làm cho người ta vui cũng là một cách “cua” gái.”

Con Lý nói:

-“Cả bốn cách đó, đối với em đều không có hiệu quả.”

-“Tôi quên nói với cô một điều: danh vọng, lon lá, tiền bạc. Đó không phải là tình yêu. Tình yêu không so đo, không tính hơn thiệt. *"Cho rất nhiều song chẳng nhận bao nhiêu!"* mà tình yêu con mẹ gì.”

Cả ba chúng tôi đều ngồi im, sau tiếng chười thề của tôi.

Một lúc, con Lý nói:

-“Mai một mà đại úy mở trường dạy “cua”, chắc tụi thanh niên theo học đông lắm.”

-“Cô nói đúng đấy, mai một hòa bình, bỏ đời lính, tôi đâu có sợ thất nghiệp. Tôi về mở trường dạy... “cua” gái!”

Chúng tôi lại cười.

Mấy hôm sau, khi tôi đang ở Vàm Rầy thì gặp con Lý mang hai giỏ hàng cá lóc khô. Nó tính đem ra chợ Rạch Giá bán cho được giá, vừa ra tới đường một lúc thì có chiếc xe hàng từ hướng Hà Tiên chạy tới. Tôi nói với con Lý: "Đi theo tôi."

Tôi ra đứng bên cạnh chiếc xe vừa ngừng lại, ngang cửa sổ tài xế, nói với ông ta: -"Cho tôi gửi cô này đi Rạch Giá."

Tôi không biết ông tài xế nghĩ gì, nhưng ông vội vàng biểu anh "lơ xe" xách hai gói hàng lên xe cho cô ta, đồng thời, ông chọn một chỗ ngồi tốt bên cạnh ông. Khi con Lý lên xe, ông vội vã nói: "Cô ngồi đây." Con Lý đã đẹp, lại thấy tôi đích thân gửi cô ta cho tài xế, hành khách nhìn nó có vẻ tò mò.

Sau đó, gặp tôi, con Lý cảm ơn: "Bữa đó em đã khỏi trả tiền xe, mà còn được chú tài xế sai "lơ xe" xách hàng cho. Đã thiệt. Em mà đã vậy, huống gì "bà Trưởng", sướng quá héng."

Dân chúng địa phương thường gọi tôi là "ông Trưởng", vợ tôi là "bà Trưởng".

Con Lý bỏ nhà đi được hơn nửa năm thì nó lại về. Bây giờ thì nó "huy hoàng" lắm.

Nó về bằng xe taxi, cùng với một vali quần áo cho ba mẹ nó. Hôm sau, ba mẹ thay áo quần mới đẹp đẽ, giày vớ hàng hoàng, lại có chiếc xe lăn cho ba nó – ông bị cụt chân phải trong chiến tranh, thời ông theo "Nam bộ Kháng chiến". Nó dìu mẹ nó, tài xế taxi thì đẩy xe lăn cho cha nó. Nó dời gia đình đi Saigon, bỏ lại xứ Vàm Rầy quê mùa, nghèo khổ, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu cả trường học, trạm y tế, nơi mà nó sinh ra ở đây, trải qua một thời thơ ấu, một thời niên thiếu với nhiều nỗi đắng cay. Người ta ai cũng mừng cho nó, cho cha mẹ nó.

Có điều tiếc, đẹp như thế, muốn thoát ra khỏi cảnh cơ cực ở xứ sở bùn lầy nước đọng này, nó phải làm vợ bé một ông Tàu già giàu có ở Chợ Lớn.

Nó cùng cha mẹ đi thăm từng nhà, từ nhà này qua nhà khác, chúc phúc cho nhau...

Khi nó lên xe, nhiều người ra tận xe tiễn gia đình nó đi. Xe rú ga chạy, để lại phía sau một đám bụi mù...

Hôm sau, khi về Vàm Rầy, nghe tin nó đi rồi, tôi cũng... bâng khuâng.

Tôi vẫn thường xuống Vàm Rầy vì công việc. Trong phạm vi trách nhiệm của tôi có 9 xã, xã Vàm Rầy, tức Đức Phương là xã tương đối phức tạp nhất, dĩ nhiên là về an ninh, so với các xã khác như Tín Đạo, xã của "Ba đời Cộng Sản" như tôi nói đùa nhưng đúng với thực tế, xã An Hòa của núi Trầu, xã Dương Hòa, tên nôm na là Ba Hòn, là con đường xâm nhập của Việt Cộng từ Phú Quốc vào, hay xã Bình Trị, nơi có núi Hòn Chông, là căn cứ chống Pháp của Nguyễn Trung Trực hồi thế kỷ 19... Có dịp tôi sẽ nói rõ thêm về sau.

Mấy đứa con gái trong xóm Vàm Rầy lần hồi bỏ xứ đi hết. Con Hòa lên Saigon, có thể theo chân chị nó mà đi Mỹ, con sáu Lánh bỏ vào bưng theo Việt Cộng để trả mối hận bị con tư Sậm hiếp dâm mà không kêu ca vào đâu được. Con Lý, đẹp nhất xứ, cũng đã lên Saigon, lấy một chú Ba Tàu già nào đó, giàu sụ, để thoát khỏi cuộc đời nghèo khó ở xứ này.

Tôi thường cùng thiếu úy Kiệt, thiếu úy Chiểu, xã trưởng Ngô Văn Ân và trưởng ấp Đức theo dõi các "đối tượng" giao liên, để biết tin tức Việt Cộng ở trong bưng và "giải hóa hạ tầng cơ sở Cộng Sản" – danh từ Phương Hoàng – Tụi cán bộ kinh tài thu thuế các xe máy cày, những người làm ruộng, đánh cá ở trong rừng sâu. Quan trọng nhất vẫn là việc quân Cộng Sản di chuyển trên đường giây 1C. "Bộ đội" Cộng Sản từ phía Bắc vào Kampuchia, rồi theo con đường này qua mật khu Trà Tiên để về Chương Thiện. Mặc dù Hiệp định Paris đã ký kết, nhưng quân Cộng Sản di chuyển trên con

đường giao liên này ngày càng đông, càng nhiều, chứng tỏ Cộng Sản không từ bỏ mưu đồ đánh chiếm toàn cõi Miền Nam Việt Nam.

Mặc dù tướng Nam, tư lệnh Quân khu IV, ra lệnh phải gặt gao ngăn chặn Việt Cộng "vượt tuyến" ở Cây Số 15, khiến nhiều khi quân Việt Cộng phải khựng lại trong rừng tràm; nhưng rồi chúng vẫn cứ tiến quân, cố sống cố chết vượt qua cái núi thất họng ở cây số 15. Trong rừng tràm, chúng xuất hiện, rồi di chuyển mất dạng. Chúng tôi vẫn theo dõi chúng, báo cho phía quân sự để họ có biện pháp giải trừ bằng những đơn vị lớn.

Khoảng gần một năm sau, con Lý lại về Vàm Rầy: Ba nó vừa qua đời ở Saigon. Theo lời dặn của ba nó, nó thiêu cốt "ông già", đem về gởi ở chùa làng. Đợi khi mẹ qua đời nốt, cũng thiêu xác rồi đem tro cốt của cha mẹ, chôn ở nghĩa địa của làng, nơi phần mộ của thằng Chói mà con Hòa đã đem về chôn ở đấy.

Vậy là nghĩa trang càng ngày càng dày... Mai đây còn ai nữa không?

Nó nhăn với thiếu úy Chiếu rằng nó muốn gặp tôi.

Tôi nói với thiếu úy Chiếu, ngày mai tôi đi họp ở tỉnh. Tôi sẽ gặp nó khi đi ngang Vàm Rầy.

Con Lý ngồi chờ tôi trong quán cà-phê kế nhà lồng chợ, thấy xe tôi từ xa tới, nó chạy ra. Tôi lái xe, thấy nó, dừng xe lại. Nó hỏi:

"Đại ca" đi Rạch-Giá?"

Tôi cười:

"Dân Saigon có khác, cô phong cho tôi chức "đại ca" hồi nào dzậy?"

"Có khi em thấy người ta gọi đại úy là "đại bàng" nên em nói chơi! Được không?" Nó vừa nói vừa cười.

"Gì cũng được. Tôi vẫn là tôi. Khi nào đi hành quân, qua máy truyền tin, binh sĩ mới gọi tôi là "đại bàng" để ngụy danh." Tôi giải thích.

"Việt Cộng không dễ lừa đâu!" Cô ta lại nói.

Tôi hỏi:

"Bữa ni gặp tôi có chuyện chi không?"

Con Lý trả lời, rất tự nhiên:

"Em muốn đi Rạch Giá với đại úy."

Tôi không trả lời, tính toán. Một lúc tôi nói:

"Tôi đón cô ở đây không tiện đâu. Cô đi bộ qua bên kia cầu, chút xíu nữa, tôi qua đó, cùng đi."

Nghe tôi nói xong, con Lý vội vàng cầm xách tay đi qua cầu. Nhìn nó, tôi có vài suy nghĩ: Áo dài màu hoàng yến, quần trắng ống rộng, giày cao gót, che dù, cũng màu vàng. Những nét quê mùa của cô gái nghèo cách nay hơn một năm đã biến mất trên con người cô ta. Tôi cũng thấy băng khuâng, nên vui cho cô ta thoát đời nghèo khổ, hay buồn vì những gì thay đổi trên con người cô? Còn tâm hồn thì sao? Đó mới là điều quan trọng. Và tôi thấy xót xa cho những đứa con gái ở chốn quê mùa... Bao giờ thì "ánh sáng văn minh" mới chiếu rọi tới xóm quê mùa này, như điều mơ ước của Hoàng Đạo trong "Con Đường Sáng", cuốn truyện viết ra gần năm mươi năm nay. Năm mươi năm qua rồi, nước Việt Nam cũng vẫn vậy hay nghèo khổ hơn? Tôi lại nhớ tới một đoạn văn trong "Xóm Giếng ngày xưa" của Tô Hoài mà nhà văn Đình Ngân dạy tôi khi tôi học lớp đệ lục với ông, ở Quảng Trị: *"Ngoài kia, qua một lớp vườn hoang là cánh đồng bao la. Buổi chiều, trẻ con thả diều; người lớn thong thả dạo mát. Cuộc đời êm đềm không một chút đổi thay như trong tranh vẽ."*

Tôi không ưa cái gì “không một chút đổi thay”. Nhân loại văn minh, đang đi tới. Người Việt Nam cũng phải đi tới. Cũng phải có điện, có xe cộ, có máy cày, có tiện nghi, có áo quần đẹp... không thì đất nước chúng ta sẽ trở lui với thời kỳ... đồ đá.

Tôi vẫn cầm lái xe của tôi. Con Lý ngồi ghế bên cạnh. Cũng trên ghế đó, trung sĩ Thành ngồi ké phía ngoài, tay vẫn nắm cây súng M-18. Trong suốt đoạn đường dài khoảng năm mươi cây số này, Việt Cộng có thể xuất hiện bất thần, nhất là ở những đoạn vắng, hai bên chỉ có lùm bụi um tùm.

Nghĩ tới cuộc chiến tranh này, tôi vừa thấy buồn cười vừa thấy vô lý. Tuy “họ” ở trong rừng sâu – như tôi từng nói với ông phó quận – *“bọn nó luôn luôn tìm cách giết mình; mình cũng chực, chờ diệt cho được tụi nó”*. Để làm gì? Để “nhân danh” cái gì? Để bảo vệ cái gì? Để bảo vệ nhân dân, nhưng rõ ràng ở đây, ở cái xóm Vàm Rầy này, dân chúng chỉ là nạn nhân: “nạn nhân chiến tranh”, “nạn nhân chiến cuộc”, “nạn nhân Cộng Sản”, nạn nhân của cả hai bên mà người dân không kêu cứu vào đâu được. Ai, bên nào, còn chút lòng thương người, thương đồng loại thì người dân được nhờ. Còn không thì họ đành cắn răng chịu đựng. Có một điều rất rõ, lòng thương người chỉ có ở những người có học, có văn hóa, có truyền thống dân tộc; còn những người được dạy lòng hận thù: hận thù giai cấp, hận thù giàu nghèo, hận thù vì hận thù thì ở họ không có chút lòng thương người. Người dân quê chỉ cúi đầu gánh chịu sự đàn áp, đày đọa, giết chóc, bóc lột...

Tôi và con Lý vui vẻ chuyện trò. Nghĩ tới chuyện nó lấy ông chồng Ba Tàu già, tôi hỏi đùa:

–“Nói thiệt nghe! Tui có những mấy ông thiếu úy trẻ tuổi đẹp trai, nhằm bộ không có ông nào lọt vào mắt xanh của em hay sao mà em lên Saigon “dzốt” một chú Ba Tàu?”

Con Lý cười:

–“Sao lại không? Đại úy thử điểm mặt từng ông đi rồi em nói cho nghe.”

Tôi nói:

“Chín ông thì sáu ông có vợ con rồi, còn ba ông chưa vợ, em nghĩ sao?”

–“Ông nào?” Con Lý hỏi.

–“Thiếu úy Nhâm, xã Bình Trị.” Tôi nói tới ông thứ nhất.

Con Lý cười:

–“Ông này chơi bời lắm. Con gái sợ mấy ông này. Ham chơi, bỏ vợ con.” Con Lý bình phẩm.

–“Không phải vậy đâu. Ông này tu xuất, tu tới thầy ba thầy tư gì đó mới xuất khỏi nhà dòng, đi lính. Bắt quá ông gỡ gạc chút ít, cho bù với mấy năm “túng bấn” trong nhà tu thôi à. Xong rồi, ông lại hiền từ. Ông ấy ngoan lắm, tui rầy hoài, chỉ cười.” Tôi giải thích.

Rồi tôi hỏi tiếp:

–“Thiếu úy Sơn, xã An Hòa? Ông này đẹp trai nhất!”

–“Cao ráo, sáng sủa, miệng hay cười dễ thương, nhưng mà...” Con Lý nhận xét.

Tôi cướp lời:

–“Nhưng mà sao?”

–“Ông này không có trái tim, không có chiều sâu, khi nào cũng khơi khơi...” Con Lý phê bình thiếu úy Sơn.

–“Em nói đúng đấy. Vì nó khơi khơi mà trung sĩ Lê Bình Thạnh bỏ mạng. Đau lắm. Không phải là Sở Khanh, nhưng nó coi đời *“như con bướm lượn vành mà chơi”*.” Hôm

ra mắt đảng Dân Chủ ở Rạch Giá, cả chục con gái đi theo nó ra ngoài đó, tui cự cho một trận... Còn thiếu úy Huệ." Tôi hỏi.

- "Thiếu úy Huệ là số một, hơi lùn nhưng tướng ngon lành, trầm tĩnh, điềm đạm, ôn hòa, thương người..." con Lý nói.

- "Tui cứ nghĩ tương lai nó sáng lạn lắm, ai ngờ chết trẻ." Tôi tỏ ý thương tiếc.

- "Đại úy biết không! Em khóc mấy đêm vì cái chết của thiếu úy Huệ đó. Sau này, em quyết định bỏ xứ mà đi là vì cái chết của anh ấy!" Con Lý nói.

- "Em yêu anh ta nhiều dzậy?" Tôi hỏi.

- "Đã có gì đâu. Con gái ở xứ quê mùa như em, dù đẹp dù xấu, gặp một người như thiếu úy Huệ là lý tưởng. Em biết gia đình con Liêu Tú Oanh ở Kiên Lương cũng muốn chọn anh ấy cho con gái, nhưng em tin em giành được. Hôm đem xác ông tử trong Cuộc ra, đưa lên xe, em nghĩ thế là hết. Ở cái xứ Vzàm Rầy này, không bao giờ xuất hiện một người thứ hai như anh Huệ. Xong rồi, em quyết định đi. Tuổi trẻ như thế là xong; bây giờ nghĩ tới cha mẹ thôi, không nghĩ tới mình nữa. Đó là lý do em lấy chồng Tàu giàu có. Đem cái sắc đẹp của mình mà đổi một đời ấm no cho cha mẹ."

Tôi làm thinh, nhìn thẳng con đường trước mặt, lặng lẽ cho xe chạy, nghĩ tới lời nói của cô gái, thấy buồn!

Một lúc sau, con Lý nói:

- "Đại úy biết ba em nói gì không?"

- "Nói gì? Nói về tui?" Tôi hỏi.

- "Nói chung, không riêng gì đại úy." Con Lý nói.

- "Ba em nói sao?" Tôi hỏi.

- "Ba em nói mấy ông này chống Việt Cộng mà không tìm hiểu gì về Việt Cộng hết?"

- "Chết rồi." Tôi nói. "Sao ba em lại nói thế?"

- "Ba em nói là ba em biết hết mấy người ở trong bưng, biết rất rõ, mà chẳng ai hỏi ông một tiếng."

Tôi trầm ngâm. Trong "Hồ sơ trận liệt" tôi có đủ tên tuổi chức vụ, hoạt động của từng cán bộ Việt Cộng trong bưng. Sao ông ta lại nói thế.

Một lúc, tôi hỏi:

- "Ba em biết gì về Ba Vốn, tự Lèo không?"

- "Sao không! Em cũng biết huống gì ba em. Ông này xưa đi lính Bảo An, bị thương, về làm kinh tài xã cho Quốc Gia. Cờ bạc thâm tiền xã, trốn vô bưng, theo tròng." Con Lý nói.

- "Tôi cũng biết như vậy. Chắc ba em biết rõ hơn?" Tôi hỏi.

- "Ba em là cấp chỉ huy cũ của họ mà, biết cá tính, thói quen từng người. Ba em nói phải biết như vậy mới chống họ được. Theo thói quen họ mà tìm họ." Con Lý nói.

- "Phải đó em." Ba em nói đúng.

- "Ba em nói không biết mùa thì làm sao mà đánh giặc." Con Lý nói.

- "Biết mùa là sao?" Tôi hỏi.

- "Là "giặc mùa" đó. "Mùa cày" là mấy chả đi thu thuế máy cày. "Mùa lúa", mấy chả thu thuế nông nghiệp. Biết họ đi thu thuế thì theo họ đó mà đánh. Chắc ăn trăm phần trăm."

Tôi nhớ hôm tôi gặp "phối trí viên" ở bộ Chỉ Huy Tỉnh. Nói chuyện với y, tôi thấy rõ ràng người Mỹ không rành về Việt Cộng như mình. Người Việt hiểu người Việt hơn. Nhưng Mỹ làm việc khoa học hơn. Họ thiết lập "phóng đồ" về hoạt động một "đối tượng" nào đó, vẽ lên "phóng đồ" sự xuất hiện liên tục của "đối tượng". Nhờ đó, có

thể đoán biết ý đồ của "đối tượng" để lập kế hoạch phục kích. Tôi học cách làm đó mà phát hiện hoạt động của Tư Ngọc, cán bộ kinh tài xã, Trần Chí Tài, phó bí thư kiêm kinh tài huyện Hà Tiên. Từ những tin tức đó, các lực lượng đặc biệt địa phương "giải hóa" được hai đối tượng này.

Tôi cũng nhớ hôm trung tá Đ. H. Dung, thuộc "Ủy ban Phụng Hoàng" Quân Khu đến thanh tra tôi. Ông gọi tôi đón ông ở Tri Tôn, ranh giới địa đầu của quận tôi. Khi ông mới dừng xe, tôi đứng sát xe đưa tay chào ông. Cứ ngồi trên xe Jeep, ông hỏi: "Chỉ tiêu giải hóa hạ tầng cơ sở" của anh quý này là ai?" Nhờ làm việc theo cách khoa học của người Mỹ, tôi nhớ hết tên và hoạt động của từng cán bộ Việt Cộng địa phương. Kể xong tên từng đối tượng và hoạt động của chúng, tôi "kéo" ông ta vào phòng hành quân, chỉ trên bản đồ những vị trí đối tượng xuất hiện và trình bày kế hoạch giải hóa. Vừa nói xong, mới hơn nửa tiếng, ông vỗ vai tôi, cười bắt tay tôi rồi khen, trước khi lên xe ra về: "Được lắm! Được lắm. Biết hết như vậy là tốt lắm. Chúc anh có kết quả."

Bây giờ, trước câu nói của con Lý, tôi lại chưng hửng. Tôi nói:

"Ba em rành họ dữ vậy."

"Anh không biết ba em với "Chú Út" theo Việt Minh từ thời "Nam Bộ Kháng Chiến" à?" Con Lý nói.

"Tui không biết thiệt đấy! Biết thì hôm tìm mộ "Chú Út", tui đi tìm ba em rồi." Tôi thành thật nói.

"Hồi đó, ba em với Chú Út theo kháng chiến. Chú Út tử trận, ít lâu sau ba em bị thương, mất một chân, ba em bỏ kháng chiến. Không bỏ thì họ cũng loại thôi anh à. Ba em nói vậy."

"Sao vậy?" Tôi hỏi.

"Tây lai, mà lại có học, con chủ điền. Ai người ta cho theo."

Tôi lại im lặng.

"Ba em còn mơ kháng chiến lắm. Về ở ngoài kinh này, có vợ, nhưng lòng ông thì hướng về những ngày đánh Tây nên ông buồn lắm. Tàn tật, tài sản mất hết, ông sống nhờ mẹ em, qua ngày. Em thương ông lắm." Con Lý tâm sự chuyện nhà.

"Hồi trẻ ông có đi học?" Tôi hỏi.

"Ông học ở Saigon với Chú Út. Chiến tranh xảy ra, hai ông rủ nhau về quê, tham gia kháng chiến." Con Lý nói.

Một lúc, nó hỏi:

"Anh có nghĩ là em thuộc thơ không?"

"Thơ gì?" Tôi hỏi.

Không trả lời tôi, con Lý đọc:

*"Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in"*

Tôi nói to, ngạc nhiên: "Chinh Phụ Ngâm". Ai dạy em?"

"Ba em chớ ai! Ông kể hồi ở Saigon, ông học với ông Kỳ, em không biết họ ông thầy này. Ông kể ông thầy dạy hay lắm. Vào lớp, ông đọc một hơi hết câu thơ này tiếp câu thơ khác. Khi nào có câu khó, ông thầy mới dừng lại giảng. Học trò mê lắm." Con Lý kể chuyện ba nó.

"Em có mê không?" Tôi hỏi.

"Sao không? Mùa hè, ông treo võng nằm đầu hè. Buổi chiều, ông đong đưa cái võng, đọc thơ, nhiều bài hay lắm."

Quả thật tôi có định kiến với cái xứ quê mùa, đâu có thể có những người như thế này. Trong "Tình báo Nhân dân", vai trò những người này là quan trọng lắm mà tôi không biết. Những người phe Quốc Gia không khai thác, không sử dụng.

Ra tới Rạch Giá, khi tôi dừng xe lại trước Bộ Chỉ Huy Tỉnh, con Lý nghiêng về phía tôi, nói nhỏ vào tai:

"Mai em mới đi Saigon, tối nay, đại úy ở lại với em."

Giao tay lái cho tài xế Thành, tôi nói:

"Anh đưa cô Lý tới khách sạn Tân Hòa, lấy một phòng cho cô ấy. Bốn giờ, tối đây đón tôi." Xong, tôi đi vào trong.

Chiều hôm đó, tôi trốn mấy người bạn, về đưa con Lý đi ăn tiệm. Xong, về lại khách sạn.

Tôi và con Lý nằm với nhau trên giường. Lấy tay chống đầu cho cao lên, tôi nhìn vào mặt con Lý, nói:

"Em đẹp thiệt. Không ngờ ở Vàm Rầy có cô con gái đẹp như vậy!"

"Thật không?" Con Lý hỏi lại.

"Cả xã ai không nghĩ vậy. Bộ anh xạo sao?" Tôi cố cãi.

"Anh là ghê lắm. Anh nói ai cũng nghe. Sợ anh luôn." Con Lý nhận xét về tôi.

"Tính anh hay đùa. Thường thì anh ưa nói cho người ta vui thôi. Thành ra, nhiều người ưa. Phải không?" Tôi nói.

"Đó là cái nguy hiểm cho anh. Anh biết không?" Con Lý nói.

"Anh không hiểu!" Tôi trả lời.

"Người ta" ở trong bưng, người ta sợ người nào được cảm tình của dân. Nguy hiểm cho họ. Cỡ như thiếu úy Ra, không ai ưa, thành ra họ không sợ. Ba em nhận xét như vậy đấy!" Con Lý giải thích.

Tôi nằm im. Không vui! Đây cũng là một mặt nào đó trong "tình báo nhân dân" của cuộc chiến tranh vô lý này. Người miền Nam thì "chiến đấu bảo vệ tự do". Cũng là một cách nói, lại là một sự thật. Trong khi điều người dân quê mong muốn là được yên ổn làm ăn. Họ biết gì về tự do hay không tự do, miễn sao chính quyền đừng làm khó để họ trong việc sinh sống hàng ngày, và bom đạn đừng xảy ra trong xứ sở của họ. Cái họ muốn là no ấm. Và ngay cả những người dân ở địa phương này trốn vào trong bưng cũng chẳng có lý tưởng gì cả. Họ cũng muốn được bình yên làm ăn. Rồi vì một duyên cớ nào đó, họ phải trốn vào trong kia.

Nghĩ tới đó, tôi hỏi con Lý:

"Mấy lâu nay em có nghe tin gì sáo Lánh không?"

"Cũng nghe mấy người đi "làm đồng" kể lại thôi. Vào trồng thì họ gặp nó. Nó cũng hiền mà anh." Con Lý trả lời.

"Anh vẫn oán thẳng cha dự thẩm. Thẳng chả ham tiền mà vô tình đẩy người ta theo Việt Cộng. Anh thường nghĩ, nếu không có vụ con tư Sậm làm bậy nó mà nó bị oan ức, chắc nó không vô trồng đâu. Phải không?" Tôi nói.

"Thôi chuyện qua rồi anh, chuyện xứ em, nhức đầu lắm. Nói chuyện khác đi." Con Lý đề nghị.

Tôi đưa mắt nhìn nó. Nó mặc cái áo ngủ mỏng, thân hình lồ lộ. Tôi đưa một bàn tay thoa lên bụng nó, hát đùa:

– "Bây giờ, mấy tháng rồi hỡi em..."

-“Em không có con với ông ba Tàu đâu. Em mà có con trai giống ông chắc em nản lắm. Giống anh thì được.”

-“Giống anh?” Tôi cười. “Giống anh là chết anh đó.” Tôi cười nói.

-“Em đẻ thì em nuôi. Không bắt vợ anh đâu. Đừng lo. Nhưng mà anh biết không...” Con Lý bỏ lửng câu nói.

-“Biết cái gì?” Tôi hỏi.

-“Người ta yêu nhau mà lấy được nhau thì hạnh phúc phải không?” Con Lý hỏi.

-“Cũng có thể, như anh với cô ấy chẳng hạn.” Tôi trả lời.

-“Vợ anh?”

-“Chớ ai vô đây. Anh với cô ấy yêu nhau ba năm mới làm đám cưới. Sống với nhau mười mấy năm nay. Hồi còn đi dạy, lương thầy giáo không dư giả gì, vợ chồng cũng êm ấm. Khi anh đi lính, khi đơn vị này, khi đổi nơi khác. Nơi nào cô ấy cũng đem con đi theo, vừa lo cho chồng, vừa lo cho con. Chưa bao giờ anh thấy cái gì không vừa lòng.”

-“Ba năm mới cưới? Sao lâu dzậy?” Con Lý hỏi.

-“Nhà nghèo mà em. Ba anh đi kháng chiến, rồi chết trên chiến khu. Anh lớn lên, mồ cô cha, học hành xong, phải lo các em ăn học. Xong rồi, mới cưới vợ. Người Trung mà em.” Tôi trình bày hoàn cảnh tôi.

-“Người Nam không dzậy đâu anh.” Con Lý nhận xét.

-“Đời sống trong Nam khác em à!” Tôi nói.

Một lúc, tôi nói tiếp:

-“Trong đời sống vợ chồng, người Nam họ cũng trọng cái nghĩa hơn tiền tài.”

-“Em không hiểu!” Con Lý nói.

Tôi đọc câu ca dao Nam Bộ:

"Một mai thiệp có xa chàng,

Đôi bông thiệp trả, con chẳng thiệp xin."

Người ta cần đưa con.” Tôi nói tiếp.

-“Em cũng vậy. Nếu có con với anh, anh đừng hòng bắt con em.”

Một chốc, tôi nói:

-“Em cũng lẳng mạn dữ!”

-“Em ưa cái lương! Bộ anh nghĩ cái lương không lẳng mạn à?” Con Lý nói.

-“Về phong cách, cái lương giống hát bội, nhưng tuồng tích, nhất là tuồng mới, mấy ông soạn giả bây giờ vừa có cái lẳng mạn của văn chương hiện đại, vừa có cái đạo lý của tuồng tích hát bội cũ, nhưng “xuống xề” thì anh mê lắm.” Nói xong, tôi cười.

Bỗng con Lý hỏi tôi:

-“Anh biết trong các bài hát bây giờ, bài nào lẳng mạn nhứt không?”

-“Chịu.” Tôi trả lời.

-“Em thích bài “Mùa thu cho em” lắm.” Rồi con Lý hát nhỏ:

"Em có nghe mùa thu cho ai nước nở..."

-“Tiếp đi, bác tài!” Tôi nói đùa.

"Nặng úa, dết mi em..."

Khi nó hát tới câu *"Nhặt môi, môi em thơm nồng..."* thì tôi hôn nó. Nó hôn lại và không hát nữa. Tôi ngừng hôn, nói đùa: “Chết cha quên rồi!”

Con Lý hỏi:

-“Quên cái gì?”

-“Ham hôn nhau, quên hát là quên luôn... ông Ngô Thụy Miên.”

-“Anh thì thôi.” Nói xong, nó ôm chặt tôi.

Khi đang ở trên bụng nó, tôi hỏi:

-“Khi ông ba Tàu muốn ngủ với em, ông nói sao?”

-“Sao?” Con Lý hỏi, ngạc nhiên.

-“Ông nói câu tiếng Việt còn ngộ: “Cho ngộ “(l)ụ” một cái. Phải không?”

-“Khi nào anh cũng giỡn. Em xô xuống giường bây giờ.”

Nói thế, nhưng con Lý lại ôm chặt tôi./

hoànglonghải

(1)-“Sống giang” là hát xong một đêm, sáng đông”!

[Bài 8] Mẹ già

Em về thương lấy mẹ già,

Đừng mong ngóng chị nữa mà uống công.

Chị giờ sống cũng như không

Coi như chị đã sang sông đằm đò.

(Lỡ bước sang ngang Nguyễn Bính)

Một hôm, từ Rạch Giá về, khi qua “Đồn giữa”, đồn nằm giữa kinh Lành Quỳnh và kinh Vàm Rầy, tôi qua mặt một đoàn xe máy cày khoảng hơn mười chiếc, đang nối đuôi nhau chạy cùng hướng với tôi. Tôi nói với thiếu úy Kiệt, ngồi bên cạnh:

-“Cha chả, tới mùa rồi, thiên hạ làm ăn dữ.”

Vùng ruộng của ông Chủ Ry, bỏ hoang từ thời chiến tranh Việt – Pháp tới giờ, được dân chúng cấy cày trồng lúa trở lại.

Các “chủ ruộng”, thật ra chủ ruộng là ông Chủ Ry, bây giờ ai muốn vô chỗ ruộng cũ của ông cày cấy thì cứ tự do, có ai cấm cản, khiếu nại gì đâu. Người làm ruộng chỉ cần xin ông thiếu tá quận trưởng Sầm Long hay ông phó quận trưởng Nguyễn Đức Nghiêm, một cái giấy phép tạm, dựa trên bản đồ quân sự 25 phần ngàn, từ “tọa độ” này, tới tọa độ kia, đủ bốn tọa độ cho khu ruộng canh tác. Vậy là được, chẳng ai kiểm soát gì cả. Các ông “chủ ruộng” chia nhau mà làm, đừng “sinh chuyện” thì thôi. Giấy phép chỉ cho phép canh tác, không phải là chủ quyền hay bằng khoán, giá trị một năm.

Các ông “chủ ruộng” khi xin giấy phép có “trà nước” gì cho ông trưởng hoặc ông phó quận thì tôi không biết. Việc của họ, “xoi mói” mất lòng. Và lại, có “chi” chút nào đó, cũng không đáng bao nhiêu đâu, bởi vì nếu cái “chi” đó “có giá” thì dân chúng cũng đồn đãi quá lắm. Đẳng này, tôi không nghe dư luận gì cả.

Giấy tờ về phía “phe ta” quả thật không đáng gì. “Phía trong bưng”, không cấp giấy tờ gì cả, nhưng “chép đẹp” lắm. “Lưỡi gươm cách mạng” vừa bén vừa ngọt, “đi một đường” là ba chục ngàn trên mỗi xe máy cày; không có biên lai biên nhận gì hết. Xe nào đóng trễ, phải cộng thêm tiền phạt. Chậm nữa thì “cách mạng” gỡ con heo đầu. Khi nào “đóng đủ”, heo đầu mới được “cách mạng” trả lui. Gì chớ làm tiền dân thì ba đời vô sản thông minh không kém ai!”

Độc giả tính thử coi. Mỗi chiếc xe máy cày đóng ba chục ngàn. Khoảng trên ba chục chiếc xe máy cày ì-xèo suốt ngày đêm trong ấy, cán bộ+ kinh tài của “cách mạng” thu bao nhiêu tiền. Hơn một triệu bạc đấy. Cán bộ đem về nộp lại cho “cách mạng” bao

nhieu, "dẫn túi" bao nhiêu? Hèn chi, cán bộ ở trong bưng bao nhiêu người không biết, nhưng trong hồ sơ trận liệt của tôi, số cán bộ kinh tài cũng không ít đâu. Nhiều cán bộ kinh tài rất "nhiệt tình công tác" cũng không có chi lạ, và cũng có người bị phe ta "giải hóa".

Năm trước khi tôi hỏi chuyện thượng sĩ Sâm, trưởng cuộc cảnh sát xã Tân Hội, thuộc quận Kiên Tân, dưới quyền tôi, về việc máy cày hoạt động ở đồng Huệ Đức, dân chúng thường gọi là "đồng cho ngáp", sát với xã Tân Hội, thượng sĩ Sâm báo cáo có khoảng hơn năm chục cái máy cày cày ở đồng này.

Thượng sĩ Sâm nói khi ông ta về xã này, ông có một mối lợi lớn: Bán dầu cho máy cày. Xe máy cày hoạt động 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần và suốt mùa cày, kéo dài ba, bốn tháng. Cứ một chiếc cày chạy 24 giờ, ngốn hết một "phuy" dầu cặn. Thượng sĩ Sâm thuật lại. (Thuật nghe chơi chứ không phải khai):

- "Tui năn nỉ họ mua giúp dầu cho tui. Giá mỗi lít dầu là 12 đồng. Tui mua bên Tân Hiệp 10 đồng, kiếm được hai đồng, chưa trừ di chuyển bằng "trệt" và công lao người làm mướn."

Tôi cười, nói:

- "Coi chừng uống dầu nhiều quá tức bụng đó."

- "Cũng tạm sống được, ông à!"

Thượng sĩ Sâm mắc nhiều lỗi đấy. Thì giờ đâu mà ông đi mua bán dầu. Vậy là ông ta "ăn cắp" giờ làm việc. Vì cái thế "trưởng cuộc" nên chủ máy cày phải mua dầu của ông: Vậy là tham gia "cạnh tranh thương trường". Chắc chi mấy người làm công cho ông Sâm không phải là người trốn "quân dzit, quân gà", ấy là can tội "tán trợ bất phục tòng" đấy.

Vậy mà bữa đó, tôi chẳng la rầy gì thượng sĩ Sâm cả. Không phải ông ta có "đấm mồm" tôi rồi, mà vì dầu ông Sâm mua là dầu của "Cha Lộc" – linh mục Nguyễn Bá Lộc, chánh xứ Kinh 1, một nhân vật nổi tiếng ở Cái Sắn – và bà cô ruột "bà thủ tướng đại tướng". Dầu này lại tuồng từ "Bộ Chỉ Huy IV Tiếp Vận ra. *"Rút giầy động rừng"*; giầy này là giầy nylon, chắc lắm, rút mạnh mấy cũng không đứt. Rừng này là rừng già, gốc cây bự lắm. Chúa rừng là "Le roi and trois seigneurs" (1). Ngậm mồm lại cho yên!

Bây giờ, ở Vàm Rầy, chẳng có ông trưởng cuộc nào "phát huy sáng kiến" của thượng sĩ Sâm cả. Mấy ông sĩ quan này còn trẻ, ham làm việc và cũng ham chơi, chẳng ông nào có óc "thương trường". Vì vậy, mấy chục cái máy cày hoạt động ở trong, tự mua dầu mà chạy, chẳng ai dòm ngó tới. Dầu này, Việt Cộng ở trong cũng không dùng tới: Chúng nó đi bộ, có nơi, có khi dùng xuồng ba lá chớ không dùng máy móc có dầu cặn. Chính quyền an ninh ngoài này, khỏi phải theo dõi.

Tuy nhiên, những người đóng thuế cho Việt Cộng thì sao?

Theo nguyên tắc, trước hay sau khi – thường là sau khi – đóng thuế cho Việt Cộng, "nạn nhân" phải khai báo cho chính quyền Quốc Gia, xã trưởng, phó xã trưởng an ninh hay trưởng cuộc Cảnh Sát. Vậy là xong. Tuy nhiên, để xã giao, người đóng thuế cho Việt Cộng – chủ xe máy cày, mời những người nói trên một bữa nhậu. Đây cũng là trường hợp hậu "Lục Súc tranh công": Heo kể công:

*"Khiêng heo ra để lại giữa dòng,
Mọi việc xấu đều xong trơn trảy."*

Không cần phải heo, một con vịt xiêm, "sương sương" vài két bia "la-dze". Dân Nam Bộ mà! Không quen với "không khí nhậu nhẹt" của dân miền Tây, tôi thường "trốn" các bữa nhậu này.

Mùa hè năm 1973, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa có các chương trình thủy nông ở Kiên Giang: Trường ty Thủy Nông Nguyễn Đăng Sa bận rộn với các công trình đào kinh, vét kinh ở phía nam dinh điền Cái Sắn. Một cái xáng đang vét kinh xáng Hà Tiên, đoạn gần thị xã thì nửa đêm bị Việt Cộng xuống đặt mình phá banh cái xáng. Công trình bị bỏ dở. Ở Vàm Rầy có chương trình đào "giếng đóng". Trong đồng, đoạn gần ngã ba kinh xáng Hà Tiên – và kinh 1, có mấy toán người đang đóng mấy cái giếng. Tò mò việc này, tôi tìm gặp ông chủ thầu đào kinh.

Khi tôi ngồi nói chuyện với ông chủ thầu, có cả ông phó quận trưởng Nguyễn Đức Nghiêm.

Giải thích công việc của mình, ông chủ thầu nói:

- "Nước ngọt là nguồn sống của dân chúng. Chính phủ cho đào giếng nước ở đây là có chủ trương như vậy."

- "Đóng bao nhiêu giếng ở đây?" Phó Nghiêm hỏi.

Nhà thầu trả lời:

- "Tôi ký 5 cái. Nếu không có gì trở ngại, tôi sẽ ký hợp đồng đóng thêm."

- "Chừng đó đủ làm ruộng không?" Tôi hỏi.

- "Làm sao đủ." Nhà thầu trả lời. "Nước giếng được cái là không có phèn, sản lượng lúa cao hơn. Dùng nước kinh rửa phèn, phải mất nhiều năm."

- "Chính phủ học theo Mỹ đấy. Bên Mỹ người ta không đào kinh rạch tùm lum như mình đây. "Đại nông canh tác" mà kinh rạch ngang dọc là trở ngại cho máy kéo." Phó Nghiêm nói.

- "Vậy thì việc hôm trước, tui với ông phó nói chuyện vét kinh Xà Tón cho dân "Quảng Trị tui" coi như xong, khỏi làm." Tôi nhắc lại chuyện cũ.

- "Chính phủ có cách giải quyết thôi. Họ có chuyên viên mà." Phó Nghiêm giải thích.

Nhà thầu nói:

- "Kinh nghiệm của tôi, việc đào kinh dẫn nước ngọt tạo ra nhiều vùng dân cư với kinh tế lớn lắm. Các ông biết không, khi Tây đào kinh Cờ Đỏ, họ tạo ra được một nông trường trồng lúa rộng tới ba chục ngàn mẫu đấy. Lúa chở lên Saigon bằng các ghe chành, bến Bình Đông thêm nhiều chủ "chành". Mấy năm nay chiến tranh, ruộng bên đó bỏ hoang hết."

- "Đó là kinh Thạnh Tây, bên này là kinh Thạnh Đông là nguồn nước ngọt của vùng Cái Sắn. Kinh Núi Sập là nguồn nước ngọt của đồng Huệ Đức." Phó Nghiêm nói.

Tôi hỏi:

- "Theo ông phó thấy, kinh Vĩnh Tế có vai trò gì không?"

- "Lớn lắm chứ! Nó là ranh giới giữa Việt Nam với Miên, không cho người Miên nổi loạn sang quấy phá người Việt ta. Nó làm cho nông nghiệp hai bên, ta cũng như Miên đều phát triển, giao thông từ Châu Đốc ra biển ngắn hơn, tiện hơn." Ông phó Nghiêm giải thích.

- "Cũng bị cạn ở đoạn "Giang Thành dạ cổ" (2) rồi. Dân buôn lậu không chở hàng ngang qua đó được." Tôi nói câu ấy là vì trung sĩ Ấu, Quân cảnh Tư pháp Hà Tiên và người bạn của Ấu, một "đệ tử" của ông Nguyễn Khoa Khương, trưởng ty Quan thuế Hà Tiên cho tôi biết như thế.

- "Có đào giếng, có dân Quảng Trị vô định cư. Tương lai Vàm Rầy chắc là phát triển lắm." Tôi nói thêm.

Một lúc, tôi hỏi:

- "Ông phó coi, Vàm Rầy này, có phải là nơi "địa linh nhân kiệt không?"

- "Đại úy nghĩ sao mà nói thế?" Ông phó quận hỏi tôi.

-“Ông phó nghĩ thử coi, trước chiến tranh, Tây cho đào kinh Xà Tón, dẫn nước từ sông Hậu về. Ông Chủ Ry, ông Thầy Ban làm ruộng được, hơn chục ngàn mẫu. Và Rầy này phát triển lên không phải là nhờ đó sao!” Tôi giải thích.

-“Còn nhân kiệt?” Ông phó Nghiêm hỏi tôi.

-“Chị Tư Nết này. Bà lấy chồng khi ông ấy mới mang loon “quan hai”. Bây giờ ông là đại tướng. Đàn bà như thế ngoài Huế tui gọi là “làm quan cho chồng”. Với lại, trong phong trào “Cây đèn dầu” (3), bà là cánh tay mặt, tay trái của bà Nhu đó.” Tôi nói thêm.

-“Cũng chỉ mới một người – cho là như vậy đi.” Phó Nghiêm miễn cưỡng chấp nhận ý kiến tôi.

-“Mai đây, dân “Quảng trị tui” định cư ở đây, có bao nhiêu nhân kiệt.” Tôi cười, nói chừng.

-“Đại úy tin tưởng đồng bào quê hương mình dữ vậy sao?” Phó Nghiêm lại hỏi.

-“Không phải!” Tôi nói. “Đồng bào nào cũng người Việt cả thôi. Hể “*nhược thị minh thời*” thì “*Nhân tài tú phát*”. (4). Kinh nghiệm của tui ở Cái Sắn như vậy. Đang làm việc trong văn phòng, bỗng nghe tiếng trực thăng xạch xạch trên trời. Tưởng ông lớn nào tới, tôi chạy ra đón. Té ra tui trong kính, đi lính, lái trực thăng, công tác đầu đó, về ngang nhà, đáp xuống thăm cha mẹ. Hồi xưa, Cái Sắn bùn lầy nước đọng. Vậy mà mấy chục năm canh tác, khá giả, con cái được đi học, bị động viên, vô lính, làm ông lớn, ngon lành cả. Dân dinh điền đâu còn như xưa nữa.” Tôi lại giải thích.

-“Có cái tui chưa rõ!” Tôi nói tiếp.

-“Cái gì?” Ông phó Nghiêm hỏi.

-“Xứ mình, tự bắc chí Nam, có nhiều “mẹ bồng con”, là “nàng Tô thị”. Tại sao ngay xứ này, không có “Tô thị” mà có “Hòn phụ tử?” Tôi hỏi.

Ông nhà thầu cười:

-“Cái này tôi học ở Văn Khoa, có người hỏi ông Lê Văn Siêu rồi.”

-“Giáo sư Lê Văn Siêu?” Tôi hỏi.

-“Ông chú ai. Ngày xưa, lưu dân vô Nam, đất thì rộng mà sinh lầy, sậy để, lau lách um tùm. Muốn phát hoang, người ta dùng phảng. Phảng là dụng cụ phát hoang đặc biệt của người miền Tây Nam bộ. Đọc Sơn Nam thì biết ngay. Cái phảng nặng lắm, phát hoang nhanh lắm. Chỉ có đàn ông sức lực mới dùng được. Nhìn chung, việc phát hoang là của người đàn ông, của con trai. Đàn bà phải ở nhà. Do đó, vai trò người đàn ông trong việc định cư, canh tác quan trọng hơn. Từ đó mới có “Hòn phụ tử” thay vì “Mẹ bồng con.”

-“Hay thế!” Tôi tán thán.

Một lúc, tôi nói thêm:

-“Tui khám phá ra cái này, mấy ông nghĩ sao? Miền Tây này nè! Nói chung là “sương lam chướng khí”. Buổi chiều, đi làm rầy về, cơm nước xong, người đàn ông làm một chung rượu để lấy sức, tránh tật bệnh. Đầu tiên là một chung, lần hồi tới một chai, tới nữa là “nhậu chết bỏ”. Cái tật nhậu của dân Nam Bộ là từ đó mà ra chớ gì.”

Nói xong, tôi cười to, mấy người kia cũng cười theo.

Một lúc, phó Nghiêm cười:

-“Ông làm như ông là nhà xã hội học.”

Tôi cũng cười:

-“Đúng sai không biết, nhưng cái gì cũng có nguồn gốc. Cái tục “nhậu chết bỏ” cũng có cái gốc của nó chớ.”

Đang vui vẻ thì bỗng chiếc xe đồ Saigon – Hà Tiên về ngang Cuộc Cảnh Sát thì dừng lại. Anh lơ xe vội vả chạy vào trong Cuộc rồi chạy ra.

Một lúc, trung sĩ Cảnh Sát "Tám Honda", từ trong Cuộc đi vội ra, hướng về phía chúng tôi. Thiếu úy Chiếu hỏi:

- "Cái gì dzậy?"

- "Có thư Saigon gấp." Tám Honda nói. Xong, anh ta đưa một phong bì cho thiếu úy Chiếu.

Đọc ngoài bì thư xong, thiếu úy Chiếu nói:

- "Thư này của nhà thầu."

Ông nhà thầu nhận thư, mở ra. Hình như lá thư có mấy chữ, ngắn. Đọc xong, ông ta hốt hải:

- "Chết cha, má tôi đau nặng lắm. Tôi phải về gấp. Làm sao bây giờ."

- "Mai ông đón xe Hà Tiên – Saigon về được chớ gì!" Ông Nghiêm nói.

- "Xe Hà Tiên lên tới trễ lắm, nhiều khi kẹt xe ở "bắc" nữa. Căng lắm. Làm sao tôi về với mẹ tôi bây giờ. Có chuyện gì chắc tôi không sống nổi." Ông nhà thầu than, mắt đỏ hoe, gần muốn khóc.

- "Ông thương mẹ lắm, phải không?" Tôi hỏi.

- "Mẹ là số một trên đời. Người Việt Nam mà!" Giọng ông ta như nghẹn ở cổ.

Tôi ngồi trầm ngâm một lúc. Cuối cùng, tôi nói:

- "Tôi có cách giúp ông. Trưa mai là ông tới Saigon rồi."

- "Đại úy giúp tôi đi. Tôi muốn về sớm." Ông nhà thầu nói.

- "Như thế này nè!" Tôi nói. "Bữa nay thứ Ba. Hai, Tư, Sáu là có máy bay Saigon – Kiên Lương của nhà máy xi măng Hà – Tiên. Máy bay chỉ có 6 chỗ thôi. Tôi xin một chỗ. Xin là được ngay. Dễ lắm; tôi thường lấy vé Nhà Máy cho nhà tôi về Saigon chơi! Mai ông cứ ra phi trường. Tới đó "Nhà Máy" có hỏi thì ông mới nói tên. Nhớ một điều." Tôi ngưng nói.

- "Điều gì đại úy?" Ông nhà thầu hỏi.

- "Giám đốc Phước của Nhà Máy thường xã giao với phía Quân Đội vì bên đó họ giữ an ninh cho. Khi về, ông xách theo chai brandy, ngon thì Henessy cổ đen. Kẹt tiền thì chai Napoleon cũng được, đem biếu cho ông giám đốc. Đây chỉ là xã giao qua lại với nhau thôi. Mai một, nhà tôi đãi tiệc, có khi chả cũng xách rượu qua uống với nhau thôi!" Tôi giải thích.

- "Cám ơn đại úy. Tôi thiệt may mắn." Ông nhà thầu cám ơn.

Tôi quay qua nói với thiếu úy Chiếu:

- "Ông vô Cuộc, gọi truyền tin, nói với tài xế Thành, qua "Nhà Máy", gặp ông Chánh Sở Điều Hành, xin cho tôi một chỗ mai đi Saigon. Nói là "xin một chỗ", đừng nói tên ai cả. Biếu nó chờ, khi nào Nhà Máy trả lời OK rồi mới về."

Thiếu úy Chiếu vội vả đi vô Cuộc, làm theo lời tôi.

Quay qua ông nhà thầu, tôi nói:

- "Yên tâm rồi nghe. Chờ một chút rồi mình "tan hàng, cố gắng." (5)

Ông phó Nghiêm hỏi ông nhà thầu:

- "Ông có học Văn Khoa?"

- "Ra trường mấy năm, tôi được đưa về toán cán sự xây cầu Bình Triệu. Có thì giờ tôi học Văn Khoa cho vui, sau khi tự học đậu tú tài. Tôi không theo chương trình của Khoa mà thích gì học nấy. Nhiều chứng chỉ hay lắm, nhiều giáo sư dạy cũng hay lắm." Ông nhà thầu nói.

-“Tôi thích mấy môn về văn minh nhân loại: Lưỡng hà, cổ Hy – La, Ấn hay Trung Hoa.” Ông phó quận nói.

-“Mấy môn đó tôi có học hết. Càng học, tôi càng có ý tưởng “phản tôn giáo.” Ông nhà thầy nói.

-“Cái gì mà “phản tôn giáo”? Tôi hỏi.

-“Chẳng hạn như việc tôi thương mẹ tôi nè! Tôi thương mẹ lắm, từ thực tế cuộc sống, chứ không theo kinh điển.” Ông nhà thầy nói thêm.

-“Tôn giáo có mẹ. Mẹ nào?” Tôi lại hỏi.

-“Mẹ Maria của đạo Thiên Chúa, Quan Âm của đạo Phật. Ông biết không. Tâm lý con người ai cũng thương mẹ. Thành ra tôn giáo phải có mẹ để tín hữu dễ đến với tôn giáo. Nó cao hơn âm nhạc trong tôn giáo một bậc. Kinh kệ phải được ngâm nga, kèm theo những bài hát. Đó cũng là vấn đề lôi cuốn trong tôn giáo vậy.” Ông nhà thầy nói.

-“Thật không ngờ ông có những ý tưởng sâu sắc và triệt để khi phân tích tôn giáo như vậy. Nhận xét của ông làm mất cái tính thiêng liêng, huyền bí của tôn giáo, chắc mấy ông tu hành không ưa!” Tôi góp ý.

Ông phó quận cười:

-“Nói huỵch toẹt tới ruột gan người ta thì người ta ưa làm sao được.”

-“Như khi tôi làm việc ở Cái Sắn mà nói như vậy, không biết 27 ông cha ở đó, dẫn tôi ra mấy khúc.” Tôi vừa nói vừa cười.

-“Theo truyền thống, người Việt Nam không thờ Phật trong nhà. Phật chỉ thờ ở chùa. Trong nhà chỉ thờ ông bà tổ tiên. Ông bà cũng linh thiêng, cũng có quyền năng siêu hình để giúp đỡ, cứu độ con cháu vậy.” Ông nhà thầy nhận xét.

-“Điều ấy là theo Nho phải không?” Tôi hỏi.

-“Không phải Nho. Nếu Nho, Lão thì người mình đã thờ Khổng tử, Lão Đam.” Một lúc ông nhà thầy nói tiếp. “Khổng tử chỉ thờ ở Văn Thánh, văn miếu. Lão Đam chỉ thờ ở miếu mạo. Còn như rước tượng Chúa vô nhà thì còn thờ ai nữa đâu!” Ông nhà thầy giải thích.

-“Những điều này ông học ở Văn khoa?” Tôi hỏi.

-“Văn khoa cũng có dạy. Giáo sư Lê Văn Siêu có nói trong “Văn minh Việt Nam”, Kim Định cũng nói trong nhiều tác phẩm. “Việt Nam Văn Hóa Sử Cương” của Đào Duy Anh cũng có nói. Đọc hết những tác phẩm đó, tổng hợp lại, chính là cái ý tưởng tôi vừa nói ở trên. Riêng tôi, tôi tìm thấy một điều nữa.” Ông nhà thầy nói.

-“Ông hay đấy. Tôi dạy văn chương, chăm vào thơ văn mà bỏ quên văn hóa, những điều như trong “Việt Nam Văn Hóa Sử Cương”. Đi lính rồi, có thì giờ, muốn đọc lại thì sách mua không ra. Không lý chính quyền trong Nam này lại “kỵ” xuất bản sách các ông ở ngoài Bắc?”

Một lúc, ông phó quận hỏi ông nhà thầy:

-“Điều mà anh tìm thấy là cái gì?”

-“Có hai điều, ông phó. Thứ nhất, sự hy sinh của mẹ mình cho mình là lớn nhất. Đi khắp thế gian không ai sánh bằng mẹ. “*Bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn*”, “*Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*

Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương”, “*Mồ cô cha ăn cơm với cá, mồ cô mẹ lót là mà nằm*”. Nói sao cho hết... Tôi thương mẹ tôi nhất, thương hơn thương mẹ Maria hay mẹ Quan Âm.” Ông nhà thầy giải thích.

-“Nhưng mẹ Maria, mẹ Quan Âm là mẹ của nhân loại.” Tôi cãi.

-“Ai theo đạo nào thì sùng bái đạo ấy như vậy. Tôn giáo nào sùng bái mẹ của tôn giáo đó. Sự sùng bái đó không thực tế. Nhiều khi, nó còn là cái “mốt” nữa. “Bông hồng cài

áo" là một cái "mốt" của ông Nhất Hạnh; nhưng nó hay đấy, hay ở cái chỗ cài bông hồng để nhớ ơn mẹ mình chứ không phải ơn mẹ Quan Âm." Ông nhà thầy giải thích.

- "Bông hồng cài áo" là của Nhật, không phải của đạo Phật." Tôi cãi chính.

Ông phó quận hỏi:

- "Ông mới nói điều thứ nhất, còn điều thứ hai?"

- "Điều thứ hai là văn hóa. Mẹ Maria là từ "Văn hóa Trung Đông", mẹ Quan Âm là từ "Văn hóa Trung Hoa". Mỗi văn hóa có những nét căn bản khác nhau. "Văn hóa Hồi giáo" cũng từ Trung Đông nhưng đạo Hồi không thờ mẹ thì sao? Bởi vì mẹ tôi là nhất nên tôi không thể thờ mẹ Maria hay thờ mẹ Quan Âm. Đặt vị trí họ sau mẹ mình thì kỳ. Nhưng mẹ tôi là người hy sinh cho tôi nhiều nhất nên tôi không thể đặt các mẹ ấy ngang hàng với mẹ tôi được." Ông nhà thầy nói rõ hơn.

- "Ông cực đoan đấy!" Tôi nói.

- "Tôi không phủ nhận điều đại úy nói. Nhưng tôi không thể thờ ai mà không thờ mẹ tôi." Ông nhà thầy cố cãi.

- "Nhưng mẹ Maria hay mẹ Quan Âm từng cứu khổ cứu nạn chúng ta?" Tôi nói.

- "Khi mình thoát khỏi một tai nạn, mình gọi là mẹ cứu, mẹ thương mình. Khi mình không thoát được tai nạn thì mẹ không thương, không "cứu khổ cứu nạn" hay sao? Thành ra, đó chỉ là niềm tin mà thôi. Nếu mình tin thì nó có, không tin thì nó không có. Đó cũng là một quán tính nữa." Ông nhà thầy nói.

- "Nhưng có khi người ta thoát được một tai nạn trong gang tấc, không lẽ không có ai cứu mình hay sao?" Tôi lại cố cãi.

- "Không! Chỉ là hazard. Đời có nhiều hazard. Người Công giáo thì cho là phép màu. Người tin Phật thì cho là "duyên". Không tin mẹ nào cả thì đó là hazard. Vậy thôi." Ông nhà thầy khẳng định.

- "Tôi gặp một trường hợp như thế này. Hơn ba năm trước, tôi đi hành quân ở cù lao Phú Thạnh Đông. Cù lao này, một bên là sông cửa Tiểu, một bên là sông cửa Đại. Việt Cộng từ bên Thượng Đức, Kiến Hòa thường lén lút qua hoạt động. Tôi ra tới ấp Pháo Đài thì bị Việt Cộng tấn công. Tôi đứng núp sát thân một cây dừa. Một viên đạn, có lẽ bắn sè, trúng thân dừa. Viên đạn đi sát lằm. Vỏ dừa văng ra, từng miếng nhỏ, văng lên mặt tôi, lằm chằm nhiều vết thương như bị kim châm. Vậy ai cứu tôi?" Tôi hỏi.

- "Đại úy tin ai thì người đó cứu đại úy. Tin Phật thì Phật Bà cứu. Tin Chúa thì mẹ Maria cứu." Ông nhà thầy nói.

- "Nếu tôi không tin Chúa, không tin Phật thì ai cứu?" Tôi gặng hỏi.

- "Nếu ông tin ông bà, tổ tiên thì ông bà cứu." Ông nhà thầy nói.

- "Nếu tôi không tin ai cả. Cả ông bà." Tôi hỏi gặng lần nữa.

- "Thì đó là hazard. Hazard có cái hên, có cái xui. Hazard xui thì viên đạn vô ngay mặt ông. Hazard hên thì viên đạn trúng cây dừa. Tuy nhiên, tôi là người tin phúc đức ông bà, như tổ tiên chúng ta ngày xưa vậy. Tôi theo truyền thống dân tộc." Ông nhà thầy vừa cười vừa nói.

Tôi nói với cả hai người:

- "Hai ông có biết ai là nạn nhân của viên đạn đó không?"

Ông phó quận hỏi:

- "Ai?"

Tôi cười:

- "Thời gian ấy tôi có con bồ, là học sinh, 17 tuổi. Nó thường đến phòng tôi. Thấy nó còn nhỏ, sợ bị tù, tôi tránh chuyện ấy. Đến khi thấy mình "chút xiu" nữa là "chầu ông bà". Tôi rửa thềm: "viên đạn chéch "chút xiu" thì sao?" "Ký kiến hữu nhân hồi" thì

uống đời quá. Sau đó, nó đến thăm, tôi nghĩ liệu "tù còn hơn chết" vì cái "chút xíu" đó. Tôi bèn "dứt điểm" cô "em gái hậu phương" 17 tuổi. Con nhỏ trở thành nạn nhân của viên đạn, trong khi tên Việt Cộng bắn sẻ là bắn tôi chứ đâu có bắn nó. Phải không?"

Cả hai người cùng cười.

Một lát sau, ông nhà thầu hỏi tôi:

"Tôi ra hiện trường dọn dò công nhân vài việc. Có thể cả tuần lễ tôi mới về lại đây. Tính nhờ hai ông chuyển này: Lỡ khi công nhân cần báo cáo gì, có cách gì họ liên lạc với tôi cho nhanh được không?"

Tôi cười:

"Để ẹc! Cần gì, viết ngắn gọn trong tờ giấy, đưa cho tôi. Tôi nhờ Nhà Máy gọi về Saigon. Ở Saigon họ gọi cho ông. Nhưng ở Saigon, anh phải có điện thoại mới được."

"Vâng!" Ông nhà thầu nói. "Ở Saigon, nhà tôi có điện thoại. Nhờ hồi làm cầu Bình Triệu, bộ Công Chánh can thiệp mới có được đó."

Tôi dặn:

"Nhớ dặn công nhân ghi số điện thoại của ông vào giấy."

Xong, ông nhà thầu đứng dậy, chào chúng tôi rồi đi về phía các công nhân đóng giếng.

Khi ông ta đi rồi, tôi cười, nói với ông phó Nghiêm:

"Thằng chả này không khùng thì cũng điên "xăng đít" lên "đơ-xăng-vanh". Ngày mai lỡ máy bay có bị Việt Cộng bắn như đại úy Vinh chết cháy, thì không biết mẹ Maria hay mẹ Quan Âm thiêu ông ta đây!"(5)

Phó Nghiêm cự nự tôi:

"Bậy! Có chết cũng là vì Việt Cộng, ai lại gán tội cho hai bà mẹ!"

"Biết đâu! Hồi xưa ai theo đạo thì bị vua chém đầu thì sao! Tới hồi dẹp xong "Bình Tây Sát Tả", ai chịu rửa tội thì tha, ai không chịu thì cũng bị chặt đầu vậy. Tôn giáo mà. Ông Mo-ha-mát tay cầm cuốn kinh Koran, tay cầm thanh kiếm thì cũng vậy thôi. "Niềm tin tôn giáo" là nặng nề lắm. Chuyện chi mà làm không được. Thành ra, tôi là người theo đạo lòng vòng cho khỏe."

"Gì cũng có mà gì cũng không có!" Phải không?" Ông phó quận cười cười hỏi tôi.

"Học trò Huế mà ông! Lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, mấy năm "hòa bình" bọn tôi, trai cũng như gái, rủ nhau đi hết các chùa phía Tây Nam Huế, nhưng không lạy Phật ở chùa nào hết. Tới trưa, khi đói bụng thì về chùa Sư Nữ "ăn cơm chùa". Noel thì đi hết nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, nhà thờ Phú Cam, nhà thờ Gia Hội, nhà thờ Nhà Nước, nhà thờ Tây Linh... Khuya về lục cơm nguội nếu không có ai kêu ăn reveillon. Khi đó thì không cần tới "Chúa Cứu Thế" đâu. "Chúa Cứu đói" thì cần lắm!" Nói xong, tôi cười.

"Vui nhỉ?" Ông phó quận nói.

"Cái thú du ngoạn này có từ hồi còn Tây. Ông đọc "Nửa bồ xương khô" của Vũ Anh Khanh thì thấy ngay." Tôi nói thêm.

"Tôi cũng ưa đạo lòng vòng! Tại sao ông biết không?" Phó Nghiêm hỏi tôi.

"Thế hệ bọn mình có quan điểm tôn giáo giống nhau. Ông phó thử nói coi có giống tui không?" Tôi đề nghị.

"Bờn tôn giáo mà chúng ta thấy, là tôn giáo của các "đại đệ tử", đâu có phải từ nguồn gốc tôn giáo của giáo chủ. Phải không?" Ông phó Nghiêm giải thích.

"Tôn giáo của "Giáo hội La-Mã" đâu phải là tôn giáo của chúa Giê-Su. Đạo Phật Mật tông, Thiên tông, Tịnh Độ tông, "tông" nào chính là của thái tử Tất Đạt Đa? Sai lạc là

một chuyện, bất công lại là một chuyện nữa. Vô chùa, người ta cũng thấy bất công, bất bình đẳng vậy:

Chị là con gái nhà giàu,

Ăn mặc tốt đẹp vào châu tòa sen.

Em là con gái nhà hèn,

Ăn mặc rách rưới mon men ngoài hè!

Khi sự việc đã thành ca dao thì không thể cho là cá biệt, mà lại là phổ thông. Những người tu hành nói thì hay, nhưng thực tế, vẫn phân biệt giàu nghèo. Do đó, tôn giáo không giải quyết được những vấn nạn của nhân loại. Đạo lòng vòng, đừng vô trong chùa hay trong nhà thờ là đúng. Phải không?" Tôi và ông phó đều cười.

- "Trong "Dương Từ / Hà Mậu, đại úy không thấy cụ đồ Chiêu ông phê phán cả Phật, cả đạo Thiên chúa sao?" Ông phó Nghiêm góp ý.

- "Ông đồ Nho đó chủ trương dân tộc trên hết mà." Tôi nói.

- "Cũng đúng thôi." Phó Nghiêm lại góp ý.

- "Tôi kể chuyện này ông phó nghe cho vui." Tôi nói tiếp. "Tôi có cô bạn gái từ hồi còn đi học. Mỗi năm vài lần gửi thư thăm nhau. Biết tôi là dân "Quảng trị tui", cô ta nói phải chi có dịp đi hành hương La Vang một lần cho thỏa ước ao. Sau 1972, tui nói hết hy vọng rồi, khu vực đó bây giờ không được an ninh. Cô ta tiếc hùi hụi. Trong khi đó tui lại thấy buồn cười. Tôi "đi chơi" La Vang hồi còn nhỏ. Tối hồi tui với nhà tui bắt bồ nhau, chúng tôi "đi chơi" La Vang quá thường, kể tới hàng chục lần. Chán La Vang, chúng tôi còn đi sâu hơn nữa, vô nhà thờ Phước Môn – nhà thờ này của ông Phước Môn Quận Công Nguyễn Hữu Bài, xa hơn bốn năm cây số, gần trong dãy Trường Sơn. Vô xa hơn nữa, chúng tôi xem "đôi thông hai mộ" – Đây là một rừng thông có hai ngôi mộ: mộ ông Bài và vợ ông. Chỗ này vắng, không sợ ai thấy, ôm nhau chặt, hôn nhau đã lắm! Rồi chúng tôi đi vòng lên hướng bắc, tới làng Như Lệ, bên bờ sông Thạch Hãn. Từ đó, chúng tôi theo "đường Bảo Đại" – đường ông Bảo Đại đi săn – về lại thành phố. Hồi đó, đầu thập niên 1960, tôi chỉ có cái xe vé-lô. Đèo bờ ngòi phía sau, nhiều khi xe lên dốc không nổi, tôi phải đạp phụ. Tôi vừa đạp vừa nói đùa: "Mẹ Lavang ơi! Cứu con. Lên dốc mệt quá." Nhà tôi ngòi sau, đâm vào lưng tôi thùm thụp mà cười, nói: "Tâm bậy! Mẹ phạt cho bây giờ." Mẹ mà phạt? Buồn cười không? Mẹ đâu phải là "pô-lít"..."

(1)-Câu này tôi nghe từ một người bạn làm ở "Phủ đầu rồng", ám chỉ tướng Nghi, và ba ông đại tá đứng đầu ba ngành: Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội và Tiếp Vận.

(2)-Giang Thành dạ cổ (**chữ Hán**: 江城夜鼓, có nghĩa *tiếng trống đêm Giang Thành*), là tên hai bài **thơ** của **Mạc Thiên Tứ**; một bằng **chữ Hán** được xếp trong tập *Hà Tiên thập vịnh* (khắc in năm 1737), và một bằng **chữ Nôm** được xếp trong tập *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* (chưa được khắc in). Cả hai bài đều nói đến tiếng trống canh ban đêm ở đồn Giang Thành thuộc trấn **Hà Tiên** xưa; nay thuộc **huyện Giang Thành**, tỉnh **Kiên Giang, Việt Nam**.

Sông Giang Thành bắt nguồn từ Vương quốc **Campuchia**, xưa người **Khmer** gọi sông này là Prék Ten, vì bên cạnh nó có một thôn ấp cổ tên là *Tà Ten*. Sông chảy vào **Việt Nam** theo hướng Bắc Nam, dài khoảng 23 **km**, rồi đổ vào vũng **Đông Hồ** ở thị xã **Hà Tiên**, trước khi ra **vịnh Thái Lan**.

Sông Giang Thành nối liền với **kênh Vĩnh Tế**, tạo thành tuyến đường thủy quan trọng từ thị xã **Châu Đốc** đến thị xã Hà Tiên. Nó cũng góp phần đưa nước ngọt từ **sông Hậu** về tỉnh Kiên Giang phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Chỗ sông Giang Thành và

kênh Vĩnh Tế gặp nhau gọi là ngã ba Giang Thành; và đây chính là một thắng cảnh của trấn Hà Tiên xưa, mà [Mạc Thiên Tứ](#) đã chọn làm đầu đề.

Thời Mạc Thiên Tứ cai quản trấn Hà Tiên, ông đã cho xây dựng ở Giang Thành một lũy đất dài 17 [km](#), rộng khoảng 1 [m](#); chạy dài từ bờ sông đến chân núi [Châu Nham](#), và cho đặt vài đồn canh phòng nhằm ngăn chặn sự xâm lấn của quân [Chân Lạp](#) dưới thời vua Nặc Bồn...

Giới thiệu thơ:

Nguyên tác:

江城夜鼓

天風迴繞凍雲高

,

鎖鑰長江將氣豪

。

一片樓船寒水月

,

三更鼓角定波濤

。

客仍竟夜鎖金甲

,

人正干城擁錦袍

。

武略深承英主眷

,

日南境宇賴安牢

。

[Phiên âm Hán-Việt:](#)

[Giang Thành da cổ](#)

-

Thiên phong hồi nhiễu đông vân cao,
Toả thược trường giang tương khí hào.

Nhất phiến lâu thuyền hàn thủy nguyệt,

Tam canh cổ giác định ba đào.

Khách nhung cánh dạ tỏa kim giáp,

Nhân chính can thành ủng cảm bào.

Vũ lược thâm thừa anh chủ quyền,

Nhật Nam cảnh vũ lại an lao.

[Đông Hồ](#) dịch thơ:

[Tiếng trống đêm Giang Thành.](#)

-

Gió cuốn trời cao mây lạnh tung,

Sông dài vẫy tỏa khí anh hùng.

Lâu thuyền dải bóng trắng sương lạnh,

Trống mõ cầm canh sóng nước trong.

Kim giáp đã nhờ đêm chặt chẽ,

Cảm bào cho được chốn thung dung.

Lược thao đem dập tình minh chúa,

Nước Việt biên thù vững núi sông.

Bài chữ Nôm:

Bài này nằm trong tập *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh*, gồm một khúc vịnh dài 36 câu, và kết thúc bằng một bài thơ [Đường luật](#) như sau:

*Trống quân Giang thú nổi oai phong,
Nghiêm gióng đòi canh ỏi núi sông.
Đánh phá mặt gian người biết tiếng,
Vang truyền lệnh sấm chúng nghiêng lòng.
Phao tuôn đã thấy yên bao vạc,
Nhiệm nhật chi cho lọt mảy lông.
Thỏ lụn sớm hầu trưa bóng ác,
Tiếng xe sấm sạt mới nên công.*

Lời bình:

Kênh Hà Giang ở huyện Giang Thành ngày nay

Bài *Giang Thành dạ cổ* này sóng đôi với bài "[Tiêu Tư thần chung](#)", thi sĩ Đông Hồ giải thích thâm ý của tác giả như sau: *Ngoài việc để "tiếng chuông" chùa Tiêu đối lại với "tiếng trống" ở đồn Giang Thành; Mạc Thiên Tứ còn muốn nói lên rằng: một cảnh biểu thị cho đạo đức là chùa chiền, một cảnh biểu thị cho ý thức quân sự là đồn lũy.*

Toàn thể hai bài đều tả tiếng trống canh ban đêm ở một đồn thú bên sông. Nhờ tiếng trống này mà đối phương không dám xâm lấn cõi bờ, giúp cho nước nhà được yên ổn, an vui.

Bình riêng cho bài Hán thi, Đông Hồ viết: *Nửa bài trên tả tiếng vang động của trống mõ, khí thế hùng mạnh của quân lính; nửa bài dưới kể công lao của những người tướng sĩ, đem thân ra chống đỡ cho biên thùy được yên ổn, triều đình được vững vàng. Qua đây, tác giả còn có ý muốn kể công của mình đối với chúa Nguyễn ở Đàng Trong...*

(trích lại trong Wikipedia ViệtNam)

(3)-“Cây đèn dầu” dấu hiệu tranh cử của “Phong trào phụ nữ liên đới” của bà Ngô Đình Nhu.

(4)-Câu sấm nói về vùng Thanh Nghệ Tĩnh: *“Hồng Lĩnh sơn cao, song ngư hải khoáng, nhược thì minh thời, nhân tài tú phát”*. Núi Hồng Lĩnh cao (núi này ở phía biên giới Lào Việt). Ngoài cửa sông Lam có hai hòn đảo trông giống như hai con cá ngoài biển rộng. Gặp lúc minh thời (thái bình thịnh trị), phát sinh nhiều nhân tài.

(5)-“Tan hàng/ Cố gắng” là châm ngôn của “Tân binh Nhảy dù” ở trại Vương Mộng Hồng trong khu vực Liên Đoàn A của “Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung”.

(5)- Đại úy phi công Vinh, người cùng khóa với tướng Kỳ, hàng tuần thường bay chiếc Cessna Hà –Tiên / Saigon và ngược lại, cách đây hơn một tháng, bị hỏa tiễn Việt Cộng bắn rớt ở Kiến Phong, trên đường bay nói trên. Phi công và 5 hành khách – công nhân của nhà máy – đều bị chết cháy cả.

Hoàng Hải Long (Tuệ Chương)

Nguồn: [Kinh Xáng Hà Tiên \[Bài 8\] Mẹ già * Sai Môn Thi Đan](#)

(Bài 5 – Không có trong Sai Môn Thi Đan)

[Bài 9] “Hương về Nông thôn” – Phần 2: Tôi đứng giữa đồng nâu

Về tới Vàm Rầy, tôi thấy Ba Hà đang ngồi uống cà-phê với con Hòa. Tôi nghĩ thầm “không lý cha này cũng lãng nhãng vậy sao?” Dừng xe xong, tôi vào ngồi cạnh Ba Hà sau khi chào hỏi ông ta. Thấy tôi nhìn ông ta rồi nhìn con Hòa, Ba Hà nói như để đánh tan sự nghi ngờ của tôi:

-“Hôm qua con nhỏ này về tới Rạch Giá, nghe tôi đi Dzà Rầy, nó xin quá giang.”

Con Hòa cũng lanh trí, nói thêm:

-“Chú Ba với ba em ngày xưa là bạn. Hai ông nhậu với nhau hoài.”

Lời nói của hai người làm tôi nhớ tới việc tôi với con Lý ở với nhau tại khách sạn Tân Hòa mấy bữa trước. Tôi ở lại với con Lý được mà với con Hòa tôi không có ý đồ gì cả. Ba Hà chắc cũng vậy, đừng nghĩ bậy cho ông ta – tôi nhủ thầm -. Đó là cái gì người ta còn lại một chút tình đồng đội với nhau, để khỏi tự mình thấy xấu hổ với mình.

Tuy nhiên, với gia đình con Hòa, hay nói đúng hơn là với ba nó, một người vô làm “rờ-sọc” thời Tây còn đô hộ, khi ông ta còn trẻ, và cả nhạc phụ ông ta, Huỳnh Công Tấn, một người từng theo Tây, phản Trương Định, góp phần vào việc tấn công Nguyễn Trung Trực, khi ông Trực đem quân về đóng ở núi Hòn Chông, thuộc quận Kiên Lương. Chị em Hòa là cháu ngoại ông Huỳnh Công Biện, con trai Huỳnh Công Tấn.

Khi tôi phục vụ ở Gò Công, tôi thuê nhà ông Biện. Biết ông Biện là con trai ông Huỳnh Công Tấn, tôi có vài suy nghĩ.

Nhà ông Biện không giàu. Ông cũng làm “rờ-sọc” cho Tây ở Gò Công. Cha thì phản quốc, theo Tây; con thì làm mật thám cho Tây, người ta thường gọi mỉa là làm “chó săn” cho Tây, để được cái gì?

Câu chuyện này làm tôi nhớ câu nói của “Ông Năm Chuột” của Phan Khôi trong truyện ngắn cùng tên đăng trong cuốn “Trăm hoa đua nở trên đất Bắc” của Hoàng Văn Chí: “Cha thì chết vì Tây mà con thì ra làm việc với Tây.” Câu nói của Năm Chuột làm cho Phan Khôi “chột dạ”. Phan Khôi là cháu ngoại cụ Hoàng Diệu, người thất cổ chết ở Văn Miếu khi Tây đánh chiếm thành Hà Nội; về sau, con cụ Hoàng Diệu ra làm tri huyện khi Tây đã cai trị nước ta. “Miệng thế gian” là vậy đấy! Ai cấm ai được?!

Người cháu nội – con ông Biện – là Huỳnh Công Bạch, trung úy đại đội trưởng một đại đội Địa Phương Quân của tiểu khu Gò Công, tăng cường cho tiểu khu Kiến Hòa, tử trận cách đây mấy tháng. Ông Biện, ông Bạch, ông nào cũng là con trai độc nhất. Ông Bạch có vợ, có đứa con gái. Dòng họ Huỳnh này coi như thế là “tuyệt tự”, nếu theo cách người xưa “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Tôi không biết con Hòa có biết nó có một người bà con, con gái ông Bạch để nhìn nhau hay không!

Một thời ông Huỳnh Công Tấn hét ra lửa ở miền Nam này, sợ Tây nên dân chúng cũng sợ ông Tấn. “Sợ cọp nên sợ cút cọp” Tục ngữ nói như thế. Nhưng nhìn lại một dòng họ kết thúc như thế, cũng buồn lắm, phải không?

&

Tôi hỏi Ba Hà:

-“Anh về chơi hay có công chuyện gì không?”

-“Tôi về gặp anh đây. Việc định cư đồng bào xứ anh xúc tiến chớ?” Ba Hà hỏi.

-“Vâng! Xong rồi. Chờ lệnh ở tỉnh.” Tôi trả lời.

-“Không chắc đâu. Trước hết tôi muốn nhắc anh một việc như ngày xưa: Thời ông Ngô Đình Diệm, xã trưởng không do dân bầu, mà do tỉnh chỉ định. Mấy ông xã này dựa thế lực ông lớn, coi dân có ra gì đâu! Tỉnh, trung ương cung cấp gì thì mấy ông xã ăn chặn, ăn bớt. Mặt khác, thấy dân ai có chút máu mặt thì vòi vĩnh. Họ có phải là người cùng xứ để giữ một chút thể diện hoặc tình bà con, chòm xóm với nhau! Trong tương lai,

khi dân định cư tới đây, “tôn”, xi-măng, gạo, muối... làm sao những chuyện cắt xén, ăn cắp, ăn chặn... như thế không xảy ra.” Ba Hà nói.

-“Nếu còn tôi ở đây,” Tôi trả lời, “tôi xách đầu tụi nó ra tòa. Tui mới “dẫn trình biện lý” xã trưởng Tạ Phước Thiện về việc tham nhũng ở xã Bình An, anh biết không?”

-“Biết chứ! Vậy tôi mới về đây tìm anh.” Ba Hà nói thêm.

Ba Hà nói tiếp:

-“Chuyện cấp đất cho dân, do anh hoạch định?”

-“Không! Tôi chỉ phụ với phó Nghiêm. Ông lo về mọi sinh hoạt, tôi đặc trách về trật tự, an ninh.” Tôi nói.

Ba Hà nói: “Tôi muốn nhắc anh một điều quan trọng, đừng làm như “ấp chiến lược”.

Tôi cãi:

-“Tôi nghĩ “ấp chiến lược” hay lắm chứ, ngoài nông nghiệp, chương trình của ông Ngô Đình Nhu còn chủ trương giáo dục, y tế...”

Ba Hà cướp ngang lời tôi:

-“Tôi không nói lý thuyết. Lý thuyết thì hay lắm. Cứ ngồi ở Saigon mà suy nghĩ, nhiều khi nghĩ bậy cũng cho là hay. Tôi muốn nói về căn bản.”

Tôi hỏi:

-“Về căn bản là cái gì?”

Ba Hà giải thích:

-“Trước hết, nơi người dân định cư là phải có nước ngọt. Anh thấy không, dọc theo kinh xáng này, nhà dân ở giữa kinh xáng và lộ, mặt nhà ngó ra kinh, lưng quay ra lộ. Bên kia kinh, nhà cũng quay mặt ra kinh. Kinh nằm dài ra, thành ra khu dân cư có cái hình chủ nhật, dọc theo kinh. “ẤP chiến lược” của ông Nhu gom dân lại ở trong một cái hình vuông hay hình tròn. Vậy là hỏng, gây khó khăn cho sinh hoạt của dân chúng. Muốn có nước ngọt phải đi xa cả mấy trăm thước, ra khỏi cổng “ấp chiến lược” lấy nước về, lại phải sắm lu mái chứa nước; khác với trước, đi mấy bước, quăng cái gàu xuống kinh kéo nước lên, dễ dàng biết bao nhiêu! Lại còn bao nhiêu cái khổ khác, ấn định giờ giấc mở cổng vào ra ấp, soát xét đồ đạc đem theo, làm như dân là tù...”

-“Tôi nhớ hồi đó người ta có nói cọc sắt kềm gai làm hàng rào “ấp chiến lược”, ngăn ngừa Việt Cộng, hữu hiệu lắm. Tôi góp ý.

-“Hữu hiệu con mẹ gì. Hàng rào đó rào ai? Rào người dân? Dzậy là thua rõ ràng. Cái hàng rào trong lòng người dân là cái hàng rào tốt nhất, hay nhất, hữu hiệu nhất, bền

vững nhất. Các “quan” ở trung ương ngu thấy mẹ, chỉ nghe báo cáo không. “*Làm thì láo, báo cáo thì hay.*” Họ coi người dân như người tù, như nô lệ.” giọng Ba Hà gay gắt, bất mãn.

Tôi cười:

-“Khi tôi làm việc ở dinh điền Cái Sắn, tôi biết được một điều hay lắm. Người ta dùng cọc sắt kềm gai để đúc cột nhà. Vì lớp sơn ở cọc sắt tốt quá, nên xi-măng không “ăn” được. Về sau, người ta phải đốt cho lớp sơn đó cháy đi, xi-măng mới “ăn”. Cha Uyên ở Kinh 6 “Rọc Bà Ke” nổi tiếng buôn cọc sắt kềm gai để dân làm nhà, thay vì để rào “ấp chiến lược”.

Ba Hà cũng cười:

-“Dân dinh Điền Cái Sắn thì cần gì rào “ấp chiến lược”, Việt Cộng nào mò về tới đó, chưa kịp làm gì, dân người ta nắm đầu mất rồi. Quyền lợi sinh tử của dân mà.”

-“Tôi biết xe be lấy gỗ của đức Cha, của bà Nhu vô trong rừng sâu cũng đóng thuế cho Việt Cộng cả đấy. Ai bắt bớ gì đâu! Đó cũng là “quyền lợi sinh tử” của họ thôi.” Tôi giải thích.

-“Anh nói quyền lợi sinh tử là tôi không tin. Có quyền trong tay, họ có nhiều quyền lợi khác nữa, chớ gỗ thì sinh tử gì đâu, chỉ là tham mà thôi!” Bà Hà góp ý. “Chỉ có dân này là nghèo”. Ba Hà nói thêm.

-“Thời cụ Ngô, tôi có nghe một vài chương trình cho nông thôn: “Nông Tín Cuộc”, “Cộng đồng Đồng tiến”, “Cải tiến Dân sinh”... Mấy năm nay không nghe nói có chương trình gì lớn cho dân. Dân ở đây làm ruộng nhưng không có khả năng, không có tiền, sống bằng giăng câu, đặt lợp, tát cá trong bưng, đốn tràm trong rừng. Có dễ dàng gì đâu! Việt Cộng cấm cản, bắt chẹt đủ cách. “*Đốn tràm khô đâm mồ chiến sĩ, đốn tràm xanh rước Mỹ về nhà.*” Anh biết cả rồi đó!”

-“Tôi chẳng muốn gì. Tôi chôn nhau cắt rốn ở đây, lớn lên ở đây, sướng khổ ở đây. Nội tôi về đây, cha tôi ở đây, tôi sinh đẻ ở đây, chỉ muốn về sống với bà con, làm xã trưởng mà lo cho bà con. Đời vậy là thỏa mãn lắm.”

-“Nghe nói cụ nội anh về đây sau khi trốn khỏi Hòn Chông?” (3) Tôi hỏi.

-“Hồi đó ông Trục thua rồi (3), nghĩa quân tan rã, ai trốn đường nấy. Nội tôi trốn về đây làm ruộng. Nhờ dân che chở mà ông khỏi tù tội. Thành ra cha con tôi cảm cái ơn của đất này, bà con ở đây nặng lắm. Đó cũng là điều tôi không muốn bỏ dân mà đi đâu!” Ba Hà giải thích.

-“Nghĩ cũng buồn cười!” Tôi nói. Con Hòa là cháu Huỳnh Công Tấn. Cụ nội anh là người theo ông Trục. Vậy mà rồi, hai người bây giờ đứng chung một phe.”

-“Đau đớn là chỗ đó. *“Vàng thau lẫn lộn”*. Đó là cái mưu thâm của Cộng Sản. Nhất Linh chạy theo quân Tưởng mà qua Tàu thì sao? Những người chống Tây phải trốn vào Bùi Chu, Phát Diệm núp bóng Cha Sáu đạo Thiên Chúa thì sao? Đó chính là cái thể sinh tử.”

-“Xã Ân nói với tôi, có thời anh lên núi Bà Đen?” Tôi hỏi.

-“Hay nhứt là con đường của ông Trình (4) anh à! Chống Tây, chống cả Cộng Sản. Ông ở trên núi một mình, ông là vàng, không lẫn lộn với thau được. Tôi phục ông lắm.”

-“Xã Thiện là cháu ông Sơn Nam đấy! Trong nam này, người ta chuộng Sơn Nam lắm. Anh cho xã Thiện mất chức là về việc gì?” Ba Hà hỏi.

-“Chẳng có gì quan trọng đâu! Xã Dậm cũ “chơi” xã trưởng mới. Ganh nhau mà. Tui biểu phó Nghiêm lo dàn xếp đi, làm ra mất lòng ông quận! Việc dàn xếp không xong, tui phải “dẫn trình biện lý”. Nội vụ chỉ có công trình đắp đập chỉ có năm chục ngàn là cao nhất. Thừa ở biện lý mà.” Tôi giải thích.

-“Có năm chục ngàn, có đáng gì đâu! Người ta ăn cả trăm, cả triệu thì sao!” Giọng Ba Hà dài ra, chán nản. Rồi anh ta nói tiếp:

-“Tui lo cho cái chương trình định cư của anh quá!”

-“Lo gì? Tôi hỏi. “Phó Nghiêm dự trù cấp cho mỗi gia đình khoảng hai mẫu.” Tôi nói tiếp.

-“Đấy! Anh chưa có kinh nghiệm đâu! Tôi sợ cách làm việc máy móc như vậy đấy! Mỗi gia đình hai mẫu. Còn bao nhiêu công việc khác nữa: khai hoang, đốt đồng, dẫn thủy... xã phen, cày bừa, công cấy, công gặt. Ai giúp đỡ họ, ai hỗ trợ tiền nông, trả tiền cày, tiền gặt, phơi phong, tiền mua giống, phân bón, trừ sâu... Đâu có đơn giản.”

Nghe Ba Hà nói, tôi thấy rõ hơn cái khó khăn của người làm nông:

-“Căng nhỉ?”

-“Không làm được, người ta bỏ hoang, bán rẻ, người mua ruộng, ai mua nhiều thành chủ điền, lại xuất hiện giai cấp mới, lại bóc lột, Cộng Sản có chỗ sinh sôi, như trước, hồi còn Tây. Anh coi như nhà Tư Sậm, nó có con trai, sẵn sức lao động, làm ăn thành công. Rồi nó mua hết ruộng người ta cho mà coi, thành chủ điền mấy hồi. Anh thấy không?” Ba Hà hỏi.

-“Sao anh tiên đoán được vậy?” Tôi hỏi.

-“Có gì đâu! Tôi sinh ra ở đồng, lớn lên ở đồng, tôi biết chớ. Chính quyền không cần đào tạo cán bộ trung cấp, cao cấp. Vô ích. Phải đào tạo cán bộ xã ấp, hạ tầng cơ sở như tôi. Lấy người ở xã như tôi mà cho đi học. Hồi xưa, bọn tôi chỉ có tiểu học là cao. Đòi

bây giờ, bọn trẻ học tới cấp ba, đại học nên dễ huấn luyện hơn. Cứ có trình độ làm xã ấp là được. Xã ấp là quan trọng.” Ba Hà nói một hơi.

Ba Hà nói tiếp:

-“Anh biết, bên Cờ Đỏ, Tây làm ruộng nó cũng phải lo đào tạo cán bộ nông nghiệp cho nó vậy. Đâu cần người có học cao: Lớp Tư, lớp Ba... đọc viết được là được. Tây tuyển cho đi học xịt thuốc trừ sâu, bón ruộng, chọn lúa giống, lúa xuất nhập kho, cọng trừ nhân chia... Tới hồi Nam Bộ Kháng Chiến, mấy ông ấy đi lính ông Ba, ông Năm, sau này sát nhập Quân Đội Quốc Gia, cũng làm lớn cả đấy, như ông đại tá S. ở Cần Thơ bây giờ này, hồi xưa ở sát nhà vợ tôi.”

Tôi nói: “Thời thế tạo anh hùng” mà anh, tục ngữ nói vậy rồi. Nếu không có cảnh máu đổ xương rơi, lớn lên họ làm gì? Giặc giã triền miên mấy chục năm, xứ Vàm Rầy này trở nên tiêu điều, dân tình điêu linh. Nhìn lại nơi chôn nhau cắt rún, ai khỏi buồn lòng!”

Một lúc, anh ta nói tiếp:

-“Tôi nghĩ làm tổng thống mà dễ, làm xã trưởng mới khó. tổng thống muốn cái chi, chỉ ra lệnh. Xã trưởng à? Phải tự làm lấy: Làm sao trong xã không có người đói, làm sao trong xã không có người thất nghiệp, không có trộm cắp, làm sao trẻ con được đi học hết, làm sao ai đau cũng có y tá, cấp đủ thuốc men... Anh nghĩ làm xã trưởng như thế có dễ đâu!”

Tôi trầm ngâm, suy nghĩ về những lời Ba Hà nói. Việc này, tôi đã từng “đụng độ” với xã Thông – Nguyễn Thành Thông – ở xã Yên Luông, quận Hòa Lạc, Gò Công. Y nổi tiếng làm điều “ngang ngược”. Xe “hủ lô” đang cán đá trên con đường ngang qua xã. Y lấy xe đạp của y cản trước xe hủ lô, không cho chạy. Y cho rằng đá trái xuống đường mỏng quá, không đủ tiêu chuẩn. Trưởng ty công chánh phải xuống dàn xếp. Khi tôi được lệnh điều tra việc này, y nói: *“Tôi muốn việc chi trong xã tôi cũng đều tốt đẹp cả, ngon lành cả. Tôi đòi đường cho dân xã tôi đi, tôi có đòi “ăn đá” đâu.”* Tôi đem việc ấy kể lại với một người bạn đang làm ở phủ Đầu Rồng, người bạn nói *“Thằng cha đó làm được đó. Trung ương ở đây “kín cổng cao tường” biết mẹ gì việc xảy ra cho dân chúng ở chỗ quê mùa xa xôi.”* Câu nói làm cho tôi nhớ lập luận của giáo sư Lê Trí Viễn bàn về Chinh Phụ Ngâm mà tôi đã nói ở phần trước.

Một lúc, tôi hỏi Ba Hà:

-“Tôi còn thắc mắc về vụ làm ruộng. Cấp ruộng cho dân mà dân không làm được ruộng thì sao?” Tôi hỏi.

-“Phải thành lập tổ hợp, hợp tác xã. Không phải làm như Việt Cộng. Đâu phải chỉ có một thứ khuôn mẫu Việt Cộng mà thôi. Mình phải nghĩ ra cách thích hợp với tình hình mỗi địa phương.” Ba Hà nói.

-“Như trong “Con Đường Sáng” của Hoàng Đạo?” Tôi hỏi.

-“Tôi không biết sách đó, nhưng phải từ ấp, năm mươi nhà thành một tổ hợp, một hợp tác xã. Tôi nghĩ làm được.” Ba Hà trả lời.

-“Cái này tôi cũng chưa nghĩ ra.” Tuy nói thế, nhưng trí tôi nghĩ tới Minh Đạo của Hồ Hữu Tường. Về khoản này, ông Tường nói cũng còn mơ hồ.

Tôi uống hết cốc ca-phê, rồi hỏi Ba Hà:

-“Tôi cố gắng hiểu anh, bởi vì tôi sinh ra, lớn lên ở thành phố; học hành, đi dạy ở thành phố, biết thôn quê qua sách truyện. Về đây, cái chi đối với tôi cũng lạ lẫm. Tôi nhớ một chuyện buồn cười. Hồi nhỏ, đọc sách Quốc Văn của anh chị tôi học, có bài “chim Sơn Ca”. Tôi mê lắm. Nó bay rất cao, không thấy nó đâu cả mà tiếng nó hót vọng xuống nghe rất rõ, rất hay. Tôi từng cố tìm hiểu xem chim sơn ca là chim như thế nào. Sau này, lớn lên, về quê chơi, tôi mới biết chim sơn ca là con chim ở quê tôi người ta gọi là “chim chiền chiện”. Chim chiền chiện thì có gì lạ! Nhưng khi ta bắt nó nhốt vào lồng thì nó không hót nữa. Nó chỉ hót trên quầng trời cao mà thôi. Lạ không? Không lý nó có tâm hồn một nghệ sĩ, chỉ sáng tác được thơ văn khi có tự do?”

Ba Hà cười:

-“Anh biết anh thiếu cái gì không?”

-“Không!” Tôi trả lời gọn.

-“Anh thiếu cái chất “nông thôn” trong lòng anh. Người Việt Nam mà không có cái chất “nông thôn” là không được.” Ba Hà giải thích.

Tôi hỏi:

-“Ý anh muốn nói dân tộc mình là “dân tộc nông nghiệp” chứ gì?”

Ba Hà cười:

-“Biết thế mà còn hỏi!”

Tôi kể:

-“Phải tìm hiểu, phải học hỏi! Hồi tôi học đại học Huế, lớp trước tôi một năm, được lệnh bà Tăng Thị Thành Trai, bà làm khoa trưởng, ra bài cho sinh viên “nghiên cứu về kinh tế Huế” khiến ai nấy đều cười. Huế là cựu kinh đô. Huế sống bằng đồng lương công chức, quân nhân. Kinh tế Huế có gì mà phải nghiên cứu. Tụi sinh viên thảo luận với nhau, hiểu được cái ý của bà khoa trưởng là muốn sinh viên phải đi vào thực tế đời sống như người Tây phương. Bấy giờ bọn tôi mới hiểu thêm công việc của một thằng sinh viên Anh đến Huế làm thiện nguyện.”

-“Tôi chưa hiểu!” Ba Hà nói.

-“Khi đại học Huế mở được năm thứ hai”, Tôi nói, “có một sinh viên người Anh đến sinh hoạt với sinh viên Huế. Anh ta dạy thực tập Anh Ngữ cho sinh viên Văn Khoa. Rồi chúng nó đi chơi với nhau, uống “cà phê Dung” – tiệm cà-phê đông sinh viên – ăn bún bò Lạc Sơn (5). Tôi không biết tại nó có dẫn thằng nhóc đi chơi bởi không. Hình như thằng này mê ca sĩ Hoàng Lan, em gái Nguyễn Đình Thống, bạn học tôi. Cô nàng dạy cho nó hát tiếng Việt “*Tôi đi giữa hoàng hôn...*” Năm sau nó về Anh. Tôi nghe nói, đi ngoại quốc một năm như thế, nó qua khỏi học năm dự bị đại học.”

Ba Hà tán thán: “Tinh thần thực tế hay thiệt! Còn hơn một năm dự bị, nó học được gì hay?”

-“Anh có biết “Đoàn Thanh niên chí nguyện” của Kennedy không?” Tôi hỏi.

-“Tôi có nghe “Phối trí viên” (6) nói chuyện, tôi không rõ lắm.” Ba Hà trả lời.

-“Cán bộ Xây dựng Nông thôn” trường học của đại tá Bé là từ cái tinh thần chí nguyện đó. Chương trình “Xây dựng Nông thôn” là của Mỹ mà. “Thanh niên Chí nguyện” là công việc tiên phong, thăm dò để hình thành các công việc về nông thôn sau đó. Tôi cho rằng đó là hoạt động đi vào thực tế của Mỹ”. Tôi trả lời.

Tôi nói tiếp:

-“Từ chuyện thằng sinh viên người Anh, hồi đó sinh viên Huế có nêu ra một đề nghị, tôi thấy hay lắm, nhưng sau đó thấy “chìm xuống”.

-“Đề nghị gì?” Ba Hà hỏi.

-“Thay vì sinh viên học một năm dự bị đại học, nên cho họ về nông thôn một năm, tìm hiểu nông thôn như thế nào, xong về, vô năm thứ nhất.” Tôi nói.

-“Sinh viên học ngành nào thì nghiên cứu về ngành đó. Phải không?” Ba Hà hỏi.

-“Đúng vậy! Nghiên cứu một năm về y tế xã ấp, về làm luận văn, xong vô năm thứ nhất y khoa. Một năm về nông nghiệp xã ấp, về làm tham luận, xong vô kỹ sư, cán sự nông nghiệp...” Tôi giải thích.

-“Xã tôi mà được vậy là đại phúc cho dân chúng đó. Sau này, khi ra trường, họ lại về nông thôn; người bác sĩ, kỹ sư, cán sự đâu có lạnh giò, sợ phải về nhà quê, không còn muốn ngồi ở thành phố mà lượm tiền.”

-“Tinh thần thư lại, quan liêu, vốn là truyền thống của người Việt mình.” Tôi nói.

-“Tôi hoan hô anh. Nhận xét hay đấy! Người mình ưa làm quan. Làm quan chỉ ngồi ở công đường. Đúng là những ý tưởng tôi chưa nghe nói.” Ba Hà góp ý.

-“Không phải của tôi. Từ cái tinh thần thực chứng của Âu Mỹ đó anh. Cộng Sản cũng không có đâu. Người Cộng Sản vậy mà còn quan liêu hơn người Quốc Gia nữa.” Tôi phân bua.

Một lúc tôi nói:

-“Anh có biết người ta đã từng chê cái “tinh thần quan liêu” đó như thế nào không?”

-“Chê làm sao?” Ba Hà hỏi.

-“Người ta nói lý thuyết nhiều quá, mấy ông lớn ở Saigon, ở tỉnh ưa “ban huấn từ” quá. Ông Phan Khôi chê: “*Ưa thắt cà-vạt, đọc diễn văn, ăn tiệc nhồm nhoàm*”. Nói nhiều, nói nhiều như câu thơ:

“Các anh nói nhiều quá!

Làm cửa sổ nhà tôi

phải mở toang cho loảng gió.”

-“Chê thối chó gì? Thối mồm!” Ba Hà cười hỏi.

-“Còn nữa” Tôi đọc tiếp:

“Các anh trồng những dòng hoa đại lộ.

Những dòng hoa cổ lỗ,

Những dòng hoa đau khổ quá đi thôi.”

“Văn chương thành phố, ngồi ở thành phố mà “hướng về nông thôn”. Đỗ Tấn chê nhóm Sáng Tạo đấy. Không phải “*hướng về nông thôn*” mà phải “*về nông thôn*”, giống như Phạm Duy hồi đi kháng chiến vậy, không phải “*hướng về đồng quê*”. Phạm Duy hát “*Về Đồng Quê*”. “*Hướng*” mẹ gì! Ngồi ở thành phố mà “*hướng*” thì được gì? Cách mạng là phải về ngay tận nơi. Về tận nơi mới thấy Mao Trạch Đông” (7).

-“Bữa nay tôi mới được một buổi nói chuyện vui.” Ba Hà nói.

Tôi tiếp lời anh ta:

-“Tôi cũng vậy. Năm 1970, “Người cày có Ruộng”, ông Thiệu về Cần Thơ, ông hỏi một nông dân tại sao trái xoài hay bị thối ở cái cuống. Người nông dân giải thích: Xoài hái sau cơn mưa, thường có nước đọng ở cuống, làm xoài thối ở đó. Muốn khỏi thối thì khi hái xong, lấy khăn vải, lau sạch nước ở cuống đi; xoài sẽ không thối. Nghe xong, ông Thiệu nói: “*Bữa nay về nông thôn, học được một bài học hay*”. Tổng thống còn khoe học nông dân nữa mà.”

-“Hay nhỉ?” Ba Hà nói.

-“Hồ Chí Minh hay hơn ông Thiệu nhiều!” Tôi cười.

-“Hay làm sao?” Ba Hà trợn mắt nhìn tôi.

-“Đừng nóng! Hay là như thế này nè. Khi ông Trần Đức Thảo – ông này là triết gia nổi tiếng ở bên Tây – về gặp ông Hồ Chí Minh ở Việt Bắc. Hồ Chí Minh bảo: “*Chú học bên Tây, chú giỏi. Nhưng không giỏi hơn nhân dân. Vậy chú nên đi học nhân dân.*” Vậy rồi Hồ Chí Minh sai cấp cho ông Thảo một bộ đồ đen, một cái nón cối, một đôi giép râu để ông này “*đi học nhân dân*”, học riết, ông vô nhà thương điên luôn; nước ta mất một nhân tài. Cộng Sản có “độc” không?” Hồ Chí Minh giỏi hơn ông Thiệu ở cái “độc” đó! “*Trí thức không bằng cực cút*” mà. Hồ Chí Minh coi Mao như bậc thầy! Thỏa mãn chưa?” Nói xong, tôi cười nhìn Ba Hà. Anh ta cũng cười.

-“Cán bộ của ta còn mang tính quan liêu, hách dịch lắm. Chính phủ cần cho hấp lại như viên chức xã ấp mới được.” Ba Hà nói.

Tôi hỏi:

-“Anh có nghĩ cán bộ xã ấp học xong một khóa Vũng Tàu về có thay đổi không?”

-“Hơn năm mươi phần trăm?” Ba Hà trả lời.

-“Đổi như thế nào mà anh gọi là năm mươi phần trăm?” Tôi hỏi.

-“Họ là dân địa phương. Họ yêu làng xã của họ. Họ muốn xứ sở họ “đi lên”, nên họ có tinh thần cách mạng, muốn làm cách mạng cho quê hương họ. Trong cách đó, sự thay đổi về suy nghĩ và tinh thần, ít nhất phải có năm mươi phần trăm.” Ba Hà giải thích.

-“Ông bà mình nói “Ở trong chăn mới biết chăn có rận”. Anh đúng là con người như thế!” Tôi nói.

-“Còn anh?” Ba Hà hỏi tôi.

-“Tôi là người của chính phủ, đến đây với tinh thần thư lại của một công chức. Nay ở mai đi. Có phải quê hương bản quán của tôi ở đây đâu. Nói thật lòng, nếu không có một tấm lòng với người đời, tôi với họ chỉ là “người dung”. Anh đồng ý không?” Tôi giải bày.

Ba Hà không nói gì, một lúc sau, hỏi tôi:

-“Anh có biết bên Đài Loan người ta trồng chuối như thế nào không?”

-“Anh có đi bên đó?” Tôi hỏi.

-“Cách đây khoảng năm năm, chính phủ có cho một số xã trưởng “du hành quan sát” bên đó. Họ tổ chức hay lắm.”

Ngưng một lúc, Ba Hà kể: “Đài Loan chỉ là một ngọn núi lớn, làm gì có đồng bằng rộng như ở ta. Họ tận dụng đất đồi, đất núi, trồng nhãn, trồng chuối rồi đóng hộp, xuất cảng lấy ngoại tệ. Chuối hạ xuống, lấy buồng xong, thân chuối chặt ra, tước thành bẹ, trải trên mặt đất, giữ đất cho ẩm, giữ màu, làm phân. Dân tại địa phương, người trồng

trọt, người làm ở nhà máy đóng hộp. Ai cũng có công việc, không ai thất nghiệp, không ai đói cả.”

Tôi hỏi:

-“Theo anh, ở xã này, mình thành lập hợp tác xã nông nghiệp được không?”

-“Ở Xóm Đạo của ông chủ chùa Phạm Bình An này nè, người ta bắt đầu thành lập “tổ hợp” rồi đó. Nghe nói tỉnh biểu anh điều tra để cấp phép rồi mà. Năm bảy nhà hợp nhau thì làm tổ hợp. Lớn hơn thì thành hợp tác xã. Trồng lúa, trồng thần nông thì để ăn, trồng gạo ngon, trồng nếp thì xuất khẩu. Tôi vẫn mơ ước ở đây, mình trồng chuối xuất cảng cũng ngon lành vậy. Đất này dễ trồng hơn bên Đài Loan nhiều. Không làm như “Nông trường chuối” của ông tỉnh trưởng. Mình làm ăn đàng hoàng, mình làm được?” Ba Hà khẳng định.

-“Có bao giờ anh nghĩ tới chuyện trồng bông không?” Tôi hỏi. “Trồng hoa đấy!” Tôi xác nhận lại.

-“Anh hỏi làm tôi nhớ một chuyện mắc cười. Hồi chuẩn bị khánh thành nhà máy Xi-Măng Hà Tiên, không hiểu do đâu, thiếu tá Ngô, quận trưởng ở đây, biểu dân trồng bông vạn thọ, trồng thật nhiều, ông quận sẽ mua. Nghe nói ông dự trù đem về trồng quanh khán đài, bởi vì cụ Ngô ưa hoa vạn thọ lắm. Đến khi có tin tổng thống không về, quận Ngô không mua bông nữa. Dân thì trồng xong, không biết bán cho ai. Người ta kêu quận Ngô mà chưởi, cho là quận Ngô gạt dân. Thật ra, ông có gạt đâu. Tự tổng thống không tới chứ!”

-“Giống như chuyện Bảo Thái (8) vậy!” Nói xong, tôi lại hỏi Ba Hà: “Anh biết tại sao cụ Ngô ưa bông vạn thọ không? Đây là chuyện của Huế tui.” Tôi nói.

-“Chuyện của cố đô, tôi không biết đâu! Anh nói đi.”

-“Huế là kinh đô. Vạn thọ là thọ vạn năm, ấy là người ta muốn chúc vua vạn tuổi đấy. Hồi tôi mới lớn, tôi không nhớ chúc thọ vua Bảo Đại hay bà Từ Cung mà triều đình Huế tổ chức “Tứ tuần đại khánh”. Người ta nói câu “Vạn thọ vô cương”. Ba tôi nói đùa “Vạn thọ vô cương, trong xương ngoài nạc.” Ấy là tổng thống Diệm chưa rửa hết cái “mùi phong kiến” đấy. Bây giờ, vua không còn, người ta ca ngợi “hoa đồng nội” như trong “Đồng Quê” của Phi Vân hay “Đất Hậu Giang” của Sơn Nam, anh biết không?”

-“Vùng này đất tốt, trồng gì không được. Lựa thứ bông gì không cần khí lạnh như ở Đà Lạt.”

Một lúc Ba Hà cười, nói tiếp:

-“Có một thứ không trồng cũng đẹp, người ta “ca” nhiều lắm. Thứ gì anh biết không?”

-“Thứ gì anh?” Tôi hỏi.

Ba Hà quay qua nói với con Hòa.

-“Cháu hát cái bài chiều hôm qua khi ở trên xe, chú khen hay đó!”

-“Cháu hát nghe, đừng cười nghe!” Hòa nói.

-“Hát đi! Giáo đầu nữa.” Tôi giục.

“Qua một rừng hoang, gió núi theo sang rú bụi đường trên vai...”

Tôi cười, nói to: “Cây mắc cỡ”.

Ba Hà giải thích: “Cây mắc cỡ là hoa đồng nội đó. Hoa mắc cỡ đưa lên phố bán, ai mà mua!”

-“Người ta làm thuốc chó. Nhưng hoa này nó hay ở ý nghĩa của nó, e lệ như con gái nhà quê.” Tôi nói.

Ba Hà cũng cười to:

-“Bọn con gái quê bây giờ, như con Lý, con Hòa xú này má mắc cỡ cái chi. Hôm chiều được xă, con Sau Lánh xách cây FM của cuộc Cảnh Sát bắn chơi, lại khen “súng nguy bắn ngon”. Thiệt là hết ý luôn.”

Một lúc, Ba Hà nói tiếp:

-“Vấn đề là như thế này. Anh thấy không. Bọn con gái ở đây, vì nghèo khổ, “hận” đòi nên có đưa bỏ vô bụng theo Việt Cộng như con Sáu Lánh; con Lý, con Hòa thì lên Saigon tìm “một đời hương phấn”, tránh nơi bùn lầy nước đọng. Những người làm cách mạng họ nghĩ gì về tình trạng này? Nếu họ biết đem thành phố về nông thôn, thay vì con gái nhà quê phải tìm lên thành phố làm đũa ở, làm gái thì xã tôi đâu có càng ngày càng phải điêu tàn, quạnh vắng như vậy. Anh nhớ lấy: “đem thành phố về nhà quê, không phải làm ngược lại.” Ba Hà nói, nhấn mạnh từng tiếng vào mấy chữ thành phố, nhà quê.

-“Đem về như thế nào?” Tôi hỏi.

-“Đem trường học, đem y tế, đem chợ, đem đường sá, cầu cống, đem xe cộ, ghe tàu, cho dân đi lại, đem phòng đọc sách, đem rạp chiếu phim. Ty thông tin nào cũng có đoàn chiếu phim. Vậy mà cả chục năm nay chưa có đoàn nào về xã này chiếu phim cho dân coi một bữa. Chưa từng có đoàn kịch, đoàn cải lương nào về đây diễn cho dân coi một đêm. Hiện giờ, chỉ sót lại mấy gánh “Hát Bội giữa rừng” của Sơn Nam, sống dở, chết dở, không một chút ngó ngàng của bộ Dân Vận Chiêu Hồi. Cái này là của nhân dân nên chính phủ không cần biết tới hay sao?!” Ba Hà giải thích.

Tôi nói mĩa:

-“Chính phủ này là chính phủ của dân mà anh!”

Một lúc, tôi nói tiếp:

-“Miền nam này, quá dư thừa các nhà chính trị mà nhà cách mạng thì tìm không ra. Những người như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Tường Tam không thấy tái sinh.”

Một lúc, tôi góp ý, cũng gay gắt:

-“Nhưng nhà quê là cái gốc của dân tộc Việt Nam này chớ. Dân tộc nông nghiệp mà! Có cái nhìn như Hoàng Đạo trong “Con Đờong Sáng” quả là hiếm.”

Ba Hà nói:

-“Việt Cộng nó bám vào nông thôn anh biết không?”

Tôi giải thích:

-“Cái đó không phải của “Mác”, “Mác” nhắm vào giai cấp công nhân, cho nên “Mác” cho rằng “Cách mạng vô sản” chỉ xảy ra ở các nước công nghiệp như Anh, Pháp, Đức. Tuy nhiên, “Cách mạng vô sản” lại xảy ra ở Nga, nước nửa nông nghiệp, nửa công nghiệp. “Cách mạng vô sản” mà xảy ra ở nước nông nghiệp là “tư tưởng Mao”. Lấy “Nông thôn bao vây thành thị” là tư tưởng Mao. Khó khăn của miền Nam là chỗ đó. Chính phủ lại ít quan tâm tới nông thôn.”

Tôi nói:

-“Có một điều tôi muốn biết, nhưng chưa hỏi được ai. Hồi ở Kiên Tân, có lần tôi được mấy ông cựu “Dân Xã Đảng” mời dự một bữa giỗ mấy ông tướng (9). Hỏi về hoạt động của lực lượng mấy ông ấy ngày trước, họ trả lời qua quít. Họ “giã từ vũ khí” lâu rồi, làm như họ cố quên cái thời oanh liệt cũ. Anh có biết gì về họ không?”

-“Biết gì là biết gì?” Ba Hà hỏi.

-“Là biết về hoạt động của họ vậy, chẳng hạn như họ đông ít, đánh Tây như thế nào. Việc lương thực, tiếp tế súng đạn như thế nào...” Tôi hỏi.

-“Họ chính là quân đội của nhân dân; đánh nhau với Tây là để bảo vệ dân, cơm gạo do ở dân nuôi họ.” Ba Hà nói.

-“Còn vũ khí, đạn dược, quần áo?” Tôi hỏi.

-“Về hợp tác, bộ đội ông Ba được Tây cung cấp cho. Đến khi ông đòi hỏi gì đó, hay Tây đòi kiểm soát lực lượng của ông, ông không chịu, thì ông lại rút ra. Ông muốn giữ “độc lập”, lại cần tiếp tế của Tây, ông lại hợp tác, thành ra ông cà giạt với tụi nó để có tiếp tế, nhất là cần súng đạn.” Ba Hà giải thích.

-“Bộ đội ông sống trong dân?” Tôi hỏi.

-“Tôi không hiểu do đâu mà ông Ba học được “binh thư tiến vi quân, thối vi nông”. Có lần lính ông về đây, sống với dân, làm ruộng với dân ở kinh Tám Ngàn. Mấy lần Việt Minh trong mật khu Trà Tiên mò ra, bị lính ông Ba đánh cho chạy dài. Cũng có lần Tây tập trung, qua chưa khỏi Mỹ Lâm đã bị bộ đội ông Ba đánh cho.” Ba Hà kể lại một cách thích thú.

-“Tại sao lại thua Quân Đội Quốc Gia thời ông Diệm.” Tôi hỏi.

-“Mấu chốt là ở đây. Cái lợi thế của ông Diệm là “đã Thực”, là chống Tây. Cái chánh nghĩa của ông Diệm và ông Ba như nhau. Đó là lý do chính làm cho lính tráng của ông Ba từ mười ngàn xuống còn hai ngàn. Ông Ba lại bỏ cái thế đánh du kích. Ông thành lập các đại đội, tiểu đoàn... như quân chính qui. Thay đổi chiến thuật như thế, lại thiếu tiếp tế súng đạn, ông Ba thua là đương nhiên. Nếu còn giữ cái thế đánh du kích, đánh nhau mười năm nữa chưa biết ai thắng ai.” Ba Hà nhận xét.

-“Cái thế dân chúng ủng hộ bây giờ cũng yếu đi, phải không?” Tôi hỏi.

-“Nhận xét đó đúng chỉ một phần, nhưng dân quê và những người giàu vẫn còn ủng hộ ông Ba. Tôi kể anh nghe một thí dụ. Ông thân bà Cao Thị Nguyệt giàu lắm. Ông Ba sai người đến yêu cầu ủng hộ. Ông nhà giàu bảo: “Mày về bảo ông Ba đến đây tao nói chuyện, tao ủng hộ cho.” Ông Ba tới, điều bộ hiên ngang. Bà Nguyệt lúc đó du học bên Tây về, thay cha nói chuyện với ông Ba. Nói qua nói lại làm sao mà bà Nguyệt theo ông Ba luôn, làm vợ thứ hai của ông Ba.” Ba Hà kể chuyện cũ.

-“Có phải bà Nguyệt sau này làm vợ phó thủ tướng Nguyễn Văn Hảo?” Tôi hỏi.

-“Đúng y chang!” Ba Hà cười, trả lời.

-“Nhưng khi ra tòa, công tố buộc tội ông Ba là thổ phỉ?”

-“Ủng hộ bộ đội ông Ba, như trường hợp thân sinh bà Nguyệt đâu phải là độc nhất. Anh nên nhớ cái danh tiếng của ông Ba là cái danh tiếng anh hùng. Còn như phe ông Diệm, kẻ thắng nói gì chẳng được. Cứ moi móc chuyện không xấu thành xấu, miễn là cố làm cho ông Ba mất chánh nghĩa là được.” Ba Hà giải thích.

-“Nhớ hồi đó ai làm chánh án, ai là công tố viên không?”

-“Nhắc làm gì những cái thứ đó. “Khuyến mã” nhà họ Ngô cả. Thành ra cái chức phận họ được ban thưởng, cũng là thứ đi kiếm ăn cả. Ra gì đâu!”

Một lúc sau, Ba Hà nói tiếp:

-“Huỳnh Hiệp Thành làm chánh án. Lâm Lễ Trinh làm công tố viên.”

-“Sao anh nhớ kỹ vậy?” Tôi hỏi.

-“Ân oán giang hồ mà anh. Dân “cờ đà” (10) ở đây khó quên bọn hèn hạ ra tay giết người kẻ anh hùng của họ.”

-“Lâm Lễ Trinh sau này làm bộ trưởng bộ nội vụ phải không?” Tôi hỏi.

-“Thưởng cho cái công khuyến mả giết người trung tín đó anh à.” Ba Hà nói, giọng bất mãn.

-“Tôi nhớ hồi đó tờ báo “Cách Mạng Quốc Gia” của ông Đỗ La Lam kể rằng buổi sáng đem ông Ba đi chém, ông Ba sợ quá la to lên “Tao đi chết đây tui bây ời”, rồi ông ta khóc. Việc ấy có không?” Tôi hỏi.

-“Một bọn hèn hạ với nhau, bôi xấu ông Ba! Ông Ba hiên ngang ra pháp trường, có sợ hãi gì đâu. **“Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục”**, dân miền Nam này anh hùng lắm anh à.” Ba Hà tán thán.

-“Vậy mà sau này, khi làm dân biểu, bà Nguyễn Thị Hoa không vạch mặt chỉ tên bọn này.” Tôi nói.

-“Kẹt! Bà Phấn cũng muốn giữ cái ghế dân biểu, nên không muốn đụng tới “du đảng nhà Ngô”. Còn như dân miền Tây này, họ có quên được đâu.” Ba Hà giải thích.

-“Nếu nhìn theo lăng kính giai cấp, thì đó là giai cấp thống trị cấu kết với nhau để bảo vệ quyền lợi của chúng đó đấy. Bị đàn áp, không cho lên tiếng cũng chỉ có những kẻ bị trị mà thôi.” Tôi nói.

&

Một lúc sau, tôi hỏi Ba Hà:

-“Ở đây, trước khi tập kết, Việt Cộng có gài “nhân tố” lại không?”

-“Gài “nhân tố” là sao?” Ba Hà hỏi.

-“Tức là gài “tình cảm”. Chẳng hạn như chồng, con đi tập kết, gài tình cảm lại cho vợ, cho mẹ; ít nữa, từ ngoài Bắc mò về, móc nối lại với gia đình, nhờ gia đình che chở, lập lại hạ tầng cơ sở Cộng Sản chẳng hạn.

-“Có chớ! Nam-Thái-Sơn, vùng Hòn Sóc, Hòn Đất thiếu gì. Cà Mao cũng vậy. Nơi nào Tây tàn ác, giết người đốt nhà, thì “cơ sở” của tui nó càng mạnh. Nhất là Bến Tre! Thăng Tây lai Le Roy tỉnh trưởng ở đó tàn ác lắm. Ngày nào nó cũng đem dân ra cầu gỗ bắn vài ba người, xong đập xuống sông. Bến Tre Việt Cộng “đồng khởi” mạnh là chính vì lý do đó.” Ba Hà giải thích.

-“Hèn chi tui nghe trên đài “giải phóng” hay đọc câu *“Hỡi người chị của Bến Tre, Cửu Long đồng khởi bốn bề đó chẳng!”* Tôi góp ý.

-“Xứ này không có. Dọc kinh xáng Hà Tiên này, chỉ hai đầu là có “cơ sở” Việt Cộng. Ở đoạn giữa này, dân người ta không theo. Anh thấy ở An Hòa không? Người từng theo “Nam Bộ kháng chiến” thiếu gì. Việt Cộng tập kết rồi, ai ở lại chỉ theo quốc gia.” Ba Hà giải thích.

-“Ngoài tui có một chuyện vui lắm, để tui kể anh nghe.”

Thế rồi tôi nói tiếp:

-“Gần ngày tập kết, Việt Cộng vận động tổ chức “đám cưới tập thể”, cho “*cưới nhau xong là đi*”. Toàn là người còn trẻ không. Người chồng thì đi, vợ ở lại. Mai một thằng chồng ngoài Bắc mò về, có con vợ dọn sẵn “*cơ sở*” cho chồng. Ở quận Trung Lương – quận này mới thành lập, dọc theo bờ Nam sông Bến Hải – làm quận trưởng là anh Hoàng Đức Thạc, cựu đảng viên đảng Cộng Sản, trốn, không theo Việt Cộng, theo Quốc Gia. Anh này gọi má tôi bằng o – o là cô, theo cách gọi trong Nam -. Cộng Sản mới hiểu Cộng Sản, chơi nhau nhiều đòn độc. Nhà nào có con gái “*cưới nhau xong là đi*”, anh ấy cho cán bộ Công Dân Vụ, Công An Quốc Gia vào “*vận động, công tác*”. Riết rồi nhiều cô mang bầu... Bấy giờ thì mấy cô đâu còn muốn chồng cũ trở về, nói chi bao che. Má tôi nói: “Thằng ấy – là ông quận trưởng cháu má tôi đấy – khôn mà khôn độc. Nó biết mấy con nhỏ “*ăn quen nhin không quen*.” Ai nghe câu má tôi nói, cũng cười. Đòi mà. “*Vỏ quít dày, móng tay nhọn*.”

Tôi hỏi Ba Hà:

-“Anh có biết cái vai trò làng xã Việt Nam trong lịch sử không?”

-“Không!” Ba Hà đáp gọn lỏn.

-“Nó quan trọng lắm.” Tôi nói – nhiều người viết sử nhận xét làng là cái thành trì chống ngoại xâm rất hữu hiệu. “Một ngàn năm đô hộ” mà người Tàu không đồng hóa được người Việt mình là nhờ có làng. Làng có tính độc lập mạnh mẽ. “*Phép vua thua lệ làng*” mà. Chính sách cai trị của quan lại Tàu đặng tới “*lũy tre làng*” là khựng lại, không “*xâm lăng*” vô làng được. Cái lũy tre làng đó, vừa là thực tế của các lũy tre bao quanh làng, mà cũng là cái thành trì vô hình trong lòng người Việt Nam, là cái lòng yêu làng nước mình. Việt Cộng chúng nó bám vào trong bốn lũy tre làng kỹ lắm, bằng những tình cảm cha mẹ, vợ con, thân tộc. Nhờ đó mà chúng xây dựng được “*hạ tầng cơ sở Cộng Sản*”. Muốn Cộng Sản không xây dựng được hạ tầng cơ sở của chúng, phải phá vỡ cái tình cảm mà Việt Cộng bám víu vào đó. Điều này khó lắm. Tình cảm gia đình, vợ chồng, cha con, chòm xóm, làng nước. Việt Cộng lợi dụng cái tình cảm này của dân làng. Phải vạch mặt chúng ra cho dân làng thấy.”

-“Anh nghĩ “*Bộ Dân Vận Chiêu Hồi*” làm được?” Ba Hà hỏi.

-“Đếch họ. Tinh thần quan lại thì làm được gì. Ít ra, phải như các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn cấp xã. Căn bản là xã ấp, không phải từ trên xuống mà tự dân làng.” Tôi nói.

-“Anh nói vậy thì nhờ cái lòng yêu làng ấy mà người Việt giữ được nước?” Ba Hà hỏi.

-“Đúng đấy! Tinh thần ấy mạnh mẽ, già cũng như trẻ, đàn ông cũng như đàn bà. “*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*.” Quân Mông Cổ chạy dài là vình tinh thần đó đấy. Tôi đọc

nhều sách nói tới cái tinh thần đó vậy. Người ta gọi đó là “văn minh Việt Nam.” Tôi giải thích.

-“Anh nói vậy thì cái tinh thần người lính Cộng Sản thì sao? Bọn “sinh bác tử nam” thì sao?” Ba Hà hỏi ngược tôi.

-“Họ khác chứ! Họ là lính Cộng Sản, lính của đảng, của giai cấp vô sản, của đấu tranh giai cấp, họ được dạy hận thù. Người lính miền Nam thì không, không ai dạy cho họ hận thù”. Tôi nói.

Ba Hà lại hỏi ngược tôi:

-“Anh có làm cán bộ “tâm lý chiến” không đấy?”

“Trăm lần không, vạn lần không!” Tôi nói đùa. “Tôi hỏi anh, bọn thanh niên trong xã này, có thằng nào đi lính vì hận thù? Chính phủ gọi thì chúng nó đi. Ngay cả khi lính của anh, lính của tui, vô tận rừng mà phục kích Tư Ngọc, tui có thấy tui nó nói hận thù đâu. Người miền Nam đi lính, giống như trong bài hát con Hòa hát vậy: *“Tôi chỉ là người lính xa nhà, thấy hoa nên nhớ người yêu rất xa.”* Câu này cũng hay. Anh nhớ mình đi phục kích ở Cây Số 15 không? Tôi từng nằm ở đó, khuya trời sương xuống lạnh, kéo áo “trây-di” lên cho thật kín người mà thắm thía với câu hát của Trúc Phương *“Áo nhà binh thương lính, lính thương quê.”*”

Người lính miền Nam thật là hiền hòa. Anh không thấy sao?”

-“Anh nhận xét đúng đấy. Nhưng dân thành phố như anh sao biết những chuyện ấy.” Ba Hà lại hỏi tôi.

-“Một là đọc, đọc sách, đọc báo và kinh nghiệm đi nhiều mà anh... Quan trọng nhất là giáo dục. Hồi tui đi học, đệ Thất, đệ Lục, ông thầy dạy Việt Văn của tui biểu chúng tui đọc rất nhiều sách viết về nông thôn: “Nhà Quê”, “Quê Người”, “Đồng Quê”, “Nhà Nghèo”, “Chị Dậu”, “Lều Chông”... thậm chí cả “Con Đường Sáng” của Hoàng Đạo. Khi đi dạy, tui lại dạy về “Văn Chương Bình Dân” – “Văn Chương Bình Dân” là dạy về ca dao, tục ngữ, chuyện cổ tích là văn chương của người nhà quê. Tui là dân Quảng Trị ở vĩ tuyến 17, bỏ cục phẫn rồi, tui ôm súng lang thang nhiều nơi trong Nam mà anh không ngờ đâu: Gò Công có 4 quận, quận nào tui cũng có tới: Tui tới “Lăng Hoàng Gia”, quê hương bà Từ Dũ; tui tới Đồng Sơn, quê bà Nam Phương Hoàng Hậu; tui tới ấp Pháo Đài, một bên là sông Cửa Tiểu, một bên sông Cửa Đại. Về Cái Sắn, tui tới “đồng cho ngập Huệ Đức”, núi Sập, tới vùng Cờ Đỏ ở Thạnh Tây. Về đây, từ xã Mỹ Lâm tới Hòn Chông, Chùa Hang, Mũi Nai, Giang Thành. Tui chưa tới đồn Trà Phô, ưa đi lắm, nhưng mới bay trực thăng ngang trên mặt khu Trà Tiên với trung tá Đoàn mà tui đã lạnh giò. Anh hỏi tui, bộ tui đi hay sao mà không biết gì?” Tôi kể chuyện cho Ba Hà nghe.

-“Anh hơn tui!” Ba Hà nói. “Xứ tôi thì anh đi hết, còn tôi thì chưa ra tới Huế.”

-“Quê hương mình mà. Đi cho biết thì vui.” Tôi cười góp ý. “Tui ưa nhà quê hơn thành phố, mặc dù nhà quê buồn hơn nhiều.”

Tôi nhìn ra ngoài trời. Gần hết mùa hạ rồi, hàng lau dày bên bờ kinh Vàm Rày đã tàn, âm thầm chuyển sang màu vàng rơm hồi nào ai đâu ngờ tới. Màu vàng của nó trông thật buồn. Màu lau già hòa lẫn với màu mái tranh của ngôi chùa vắng bên bờ kinh, trông cũng buồn và âm thầm như vậy. Phía sau chùa là những cành cây khô già trụi lá của một cái cây lưu niên gì đó không cao lắm, tưởng như một ông sư già đang ngồi thiền định, cố gắng giữ chút hơi tàn để tồn tại trên cội đời. Những cành cây giơ lên trời như những cánh tay khăng khieu của một bà cụ già ốm yếu, da bọc xương, in rõ trên màu xanh lạt của một buổi trời chiều vắng lặng, không một chút mây.

Tôi nói, giọng buồn: “Anh thấy không? Mới ba giờ chiều mà cảnh vật vắng vẻ, lặng lẽ như vậy. Không cả tiếng trẻ em chơi đùa.”

-“Chiến tranh mà anh. Tôi lớn lên ở xứ sở này. Trước chiến tranh, nơi này cũng vui lắm.” Ba Hà nói, như có ý “cứu chữa” cho quê hương của anh ta.

Tôi đọc mấy câu thơ của Đỗ Tấn:

Tôi đứng giữa đồng nâu,

Giữa những người cuộc bầm cày sâu!

Nghe vang vang từ mạch đất

Tư tưởng nào cũng từ đất mà ra...

Ba Hà nói, giọng hơi buồn:

-“Nói thì hay nhưng con gái xứ này lần hồi bỏ đi hết! Con trai làm sao có vợ. Cưới ai. Con Hòa này nè. Sắp đi Mỹ theo chồng đấy.”

-“Anh nói làm tui nhớ mấy câu ca dao nói về con chim đa đa. Tôi đọc:

*Chim đa đa đậu nhánh đa đa
Chồng gần không lấy, bậu lấy chồng xa
Mai sau cha yếu mẹ già
Chén cơm đôi đũa, bộ kỷ trà ai dung?*

Ba Hà cười “Khỏi lo! Ông bả rủ nhau đi lâu rồi!”

-“Vô trong Nam này,” – Tôi nói – “Tui học được nhiều câu ca dao hay lắm – nói cho đúng là “tình cảm” lắm, lãng mạn nữa. Người miền ngoài ít có như thế.”

-“Tôi nghĩ Bắc Trung Nam giống nhau chớ?” Ba Hà cái chính.

-“Không! Nhìn chung, có giống nhau, nhưng thổ ngơi mỗi nơi mỗi khác, nên tình cảm khác anh à. Tui thích nhất câu này:

“Tàu xúp lê một, còn thương còn nhớ.

Tàu xúp lê hai, còn đợi còn chờ.

Tàu xúp lê ba, tàu ra biển Bắc.

Tay vịn song sắt, nước mắt chảy ròng ròng

Đôi ta mới ngộ mà ông trời không thương.”

Câu này tui mới đọc trong “Chú Tư Cầu” của Lê Xuyên”.

Ba Hà hỏi:

- “Anh hiểu cái ý của câu này không?

- “Lò mờ thôi! Anh giải thích đi!” Tôi yêu cầu.

- “Nam kỳ thuộc địa” mà. Bên Tây đánh nhau nên Tây bắt dân Nam Kỳ đi lính Tây. Bài này nói chuyện anh con trai Nam Kỳ

mới có bồ mà bị Tây bắt đi. Qua Tây xa lắm, khi nào mới về!”

- “Câu này thì nói cái gì?” Tôi hỏi:

“Tới đây đất nước lạ lòng,

Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh.”

- “Lưu dân đó anh.” Ba Hà nói. “Lưu dân trong cuộc Nam Tiến của người Việt mình. Hầu hết miền Tây này là lưu dân nên ông bà chúng ta ngày xưa thương nhau lắm, là vì vậy.”

- “Đi nhiều. Thành ra tui có cái nhận xét như thế này. Anh thấy cái thằng cha tỉnh đoàn trưởng Xây Dựng Nông Thôn ở Rạch Giá không? Dân Quảng Nam phải không? Làm việc với thằng cha khó chịu lắm phải không?” Tôi hỏi một hơi.

- “Đúng đấy!” Ba Hà nói.

- “Dân Nam Ngãi Bình Phú, xưa gọi chung là Quảng Nam. Họ có tính “ngghiêm”, đôi khi cực đoan, thành ra “Thẳng mực Tàu, đau lòng gỗ”.

- “Quảng Nam hai cãi?” Ba Hà hỏi.

- “Hay cãi” là do cái tính cực đoan đó anh. Cực đoan là vì “đâu ra đó”, “cái gì ra cái nấy”. Ông tỉnh đoàn trưởng này phải vậy không?” Tôi hỏi.

- “Đi họp, tôi cãi không lại chã. Tính đập lộn mấy lần.”

-“Ảnh hưởng của hát bội đó anh!” Tôi giải thích.

-“Tại sao lại hát bội?” Ba Hà hỏi, ngạc nhiên.

-“Quảng Nam là quê hương của hát bội; cũng như Nam Bộ là quê hương của cải lương. Tuồng tích hát bội thiên về luân lý. Coi hát bội là học hỏi về “trung, hiếu, tiết nghĩa”... về “tu thân tề gia”... Khi hát bội theo chân lưu dân mà vô tới miền Nam, Tiền Giang, Hậu Giang thì vì cái cảnh sắc và đời sống trong Nam dễ dàng hơn, đất đai phì nhiêu hơn, trời cao sông rộng thành ra hát bội biến thành cải lương, cái tính chất luân lý nhẹ bớt đi, tình cảm hơn, đa tình hơn, lãng mạn hơn... Có phải không?”

-“Tôi nghĩ anh đi nhiều, nhận xét kỹ, nên ý anh nói không sai lắm đâu.” Ba Hà góp ý.

-“Có lẽ sau này, chiến tranh hết rồi, nước mình có nhiều nhà xã hội học, âm nhạc học, sẽ nghiên cứu để vấn đề sáng tỏ hơn. Tôi chỉ gợi ý như thế thôi.”

Trầm ngâm một lúc, Ba Hà nói:

-“Về xã này anh thấy đó. Dân xã tôi có muốn theo Việt Cộng đâu. Vậy mà tại sao Việt Cộng càng ngày càng mạnh lên mà mình thì yếu đi?”

-“Cái bao tử thôi. Dân thì ở đây, nguồn sống thì ở trong bụng. Vô trong đó kiếm ăn là chui đầu vô cái rọ của tụi nó. Làm sao không theo chúng nó được.” Tôi giải thích.

-“Anh biết thiếu úy Huệ chết là vì sao không?” Ba Hà lại hỏi.

-“Không!” Tôi trả lời gọn.

-“Tụi nó vừa trả thù Quốc Gia vừa khủng bố dân chúng đấy! Tôi biết tụi nó quá mà!” Ba Hà nói.

-“Vụ Tư Ngọc bị giết?” Tôi hỏi.

-“Anh giết thằng Tư Ngọc là nó phải giết lại người của mình để trả thù. Điều đó không quan trọng. Quan trọng là phía dân chúng. Khi Tư Ngọc bị giết là dân chúng nghiêng về phía Quốc Gia, sợ Quốc Gia. Muốn lấy lại cái thế mạnh của nó, trên “cơ” mình, tụi nó phải đánh xã. Nó làm dzậy, dân mới sợ nó. Khủng bố mà!” Ba Hà giải thích.

Nghe Ba Hà nói, tôi thấy anh ta có kinh nghiệm chống Cộng, chống khủng bố. Việt Cộng là sư tổ của khủng bố mà. Tôi hỏi:

-“Ấp này, tôi không ngại lắm. Hai cái ấp ở đầu rìa xã, tụi nó ở trông ra, dễ như không!”

-“Đương nhiên! Ai giữ dân để tụi nó không dám ra? Nhân dân Tự vệ đâu có mấy goe. Súng ống như thế, carbine M-1, garant M-1 làm sao bắn lại AK. Nó ra được thì nó xây dựng được “hạ tầng cơ sở”. Ban đầu thì ấp loại A (11), lần hồi thành ấp xô điạ. Ban đêm mình đâu dám tới. Rồi mất hẳn. Xã co cụm lại, ngày càng nhỏ. Tụi nó hốt mình không mấy hồi.” Ba Hà giải thích.

-“Minh phải ở lại đó, đêm cũng như ngày?” Tôi hỏi.

-“Phải ở với dân, trụ lại với dân. Cán bộ xã ấp, cán bộ “Xây dựng Nông thôn”, “Nghĩa Quân”, “Địa Phương Quân”... Chúng ta cần người lính đánh du kích để giữ ấp – người lính đánh du kích – Anh nhớ vậy, dân cần người lính đánh du kích hơn là người lính Sư Đoàn. Người lính ở trong dân, cùng với dân đánh lại du kích Việt Cộng, không cho nó đặt “hạ tầng cơ sở”. Phải nắm cho được “hạ tầng cơ sở”. Anh phải nhớ vậy!” Ba Hà nói một cách gay gắt.

“Đắp chặn mới biết chặn có rận”. Phải ở xã ấp mới hiểu vai trò xã ấp trong “Chiến tranh Nhân dân”, “Chiến tranh Du kích” quan trọng như thế nào. Nghe Ba Hà nói, tôi nghĩ tới bài “The Street without joy” của Bernard Fall mà tôi đã đọc (12).

&

Một lúc sau, ông Phó Nghiêm đi Tri Tôn về, thấy tôi và Ba Hà đang ngồi với nhau, bèn ghé lại chơi. Thiếu úy Chiếu, sau khi làm xong công việc, cũng ra ngồi “góp chuyện”.

Trong khi đó, ông quận trưởng đang ngồi “bàn riêng” với Xã Ân trong nhà xã trưởng. Tôi nói “bàn riêng” là vì mấy bữa nay, ông quận trưởng đang “chữa cháy” cho cái ghế của ông bởi ông trung tá tỉnh trưởng, sau khi ông tướng vùng bay chức, sợ mất bảy chục triệu, phải nhờ Bà Tám Nghĩa ở Rạch Giá đưa vợ ông tỉnh lên “trình diện” chị Tư Nết ở Saigon (13). Về, tới nơi, ông trung tá tỉnh trưởng vội lo “hồi sức” phòng khi có “sự cố” về sau nữa, nên ông “gõ đầu” mấy ông quận trưởng, khiến ông quận xứ nghèo của tôi phải tìm gặp các ông xã trưởng. Xã mới có “tư cách pháp nhân”. Quận, mà quận nghèo như xứ tôi thì chỉ có “nắng bụi mưa bùn”, khó cho ông quận lắm. Đó là ý chính những gì về ông quận do ông phó “tiết lộ” cho tôi.

Tôi với ông phó thì giống nhau, chẳng phải lo “hụi chết, hụi sống” cho ai cả. Về chuyện “đóng hụi” này, có lần ông phó quận nói đùa với tôi: “Mấy thằng chã cấp trên có hỏi, tôi biểu cho vài cục đá vôi. Xứ này nhiều đá vôi.” Còn như ông xếp của tôi, có lần giữa buổi họp, ông nói to: “Mấy chú ăn hối lộ, nhớ để đức cho con.” Nhờ đó, bọn tôi, dưới quyền ông, thấy “khỏe”.

Sau khi cà phê đem ra xong, nhân có ông phó quận, Ba Hà hỏi:

-“Trong khu định cư “của mấy anh” có nhà thờ, chùa chớ?”

-“Có chớ anh!” Biết là việc của mình, phó Nghiêm trả lời:

-“Tốt! Nhưng ông phó có kinh nghiệm gì không?” Ba Hà hỏi.

-“Kinh nghiệm gì?”

-“Vai trò của tu sĩ.” Ba Hà giải thích.

-“Anh nhớ “Láng Linh” ở Long Xuyên không? Trại ruộng của Phật Thầy Tây An đó. Phải nói là rất thành công, đến nỗi khi tấn công chiếm miền Tây, bọn Tây đốt hết các trại ruộng này, tình hình mới êm. Ở Cái Sắn, theo tôi thấy, vai trò các ông cha trong kinh là quan trọng. Không có mấy ông, dân dinh điền bỏ đi hết! Hồ Hữu Tường, trong Minh Đạo, cũng có cái ý như vậy, vai trò của các ông tu sĩ là quan trọng. Đúng như vậy, mặc dù, trong Minh Đạo, ông Tường chỉ mới nghĩ ra, ông Tường nghĩ ra trước những điều ông Nhu, ông Diệm thực hiện sau này. Ông Tường mới là nhà tư tưởng thiên tài.” Tôi nói.

-“Còn các ông cha?” Ba Hà hỏi.

-“Các ông cha giữ dân lại dinh điền.” Tôi giải thích.

-“Bây giờ mà ông đem các “ông cha dinh điền” vô vùng định cư của anh là sai trật lất, sai ghê lắm. Anh biết không?” Ba Hà nói ngược những ý nghĩ tôi vừa nói ra.

Tôi ngó ra, hỏi:

-“Há?”

Ba Hà nói tiếp:

-“Dân dinh điền là dân có đạo. Họ có theo các ông cha là đương nhiên. Anh biết ông Nhu, ông Diệm thất bại ở Ấp Chiến Lược là tại sao không?”

Ông phó quận và tôi không ai trả lời.

Ba Hà nói tiếp, giọng bực dọc:

-“Dân trong ấp chiến lược là dân Nam Bộ. Họ không phải là con “chiên”, con “xào” của mấy ông cha. Họ là người lương, họ là người “tu hiền” của Đức Thầy, họ là người “thờ đủ thứ” của Cao Đài. Chính quyền lừa họ vô ấp chiến lược, là gây ra khó khăn cho dân – mà rất nhiều khó khăn, đời sống thiếu đủ thứ – chỉ có mấy ông cha mới giúp họ được. Ông cha nói gì, ông tỉnh trưởng, ông quận trưởng vâng, dạ. Họ mà không nghe mấy ông cha, ôm khăn gói đi rất lẹ. Ông cha thì giúp dân bằng tay trái, tay phải cầm xâu chuỗi tròng lên đầu dân. Chỉ có ai mang thánh giá mới là người chống Cộng; đầu mà có cái ý tưởng kỳ cục, cực đoan như vậy.”

-“Như vậy có nghĩa là buộc dân vô ấp chiến lược là buộc họ theo đạo?” Tôi hỏi.

-“Chớ gì nữa. Làm xã trưởng, tôi từng gặp không biết bao nhiêu lần dân xứ tôi đến khóc lóc vì bị các ông cha buộc bỏ ông bà.”

-“Tôi tưởng ông Nhu nghiên cứu từ kolkhoze, sovkhoze của Nga hay từ kibbuz của Do Thái gì chớ!” Tôi nói.

-“Tôi không rõ.” Ba Hà nói. “Đây chỉ là trại tập trung. Dzậy thôi! Chỉ khổ dân. Anh thấy “Xóm Đạo” ở khúc queo của kinh này không? Họ từ bên Tri Tôn Châu Đốc, trốn

vô ấp chiến lược mà chạy qua đây. Họ là “đệ tử” của Đức Thầy, bị “ấp chiến lược” theo riết, bây giờ họ thiên Cộng luôn, bởi vì bị ông Đạo Sáu xỏ mũi dắt đi.”

Một lúc, Ba Hà nói tiếp:

-“Tôi từng bị gọi đi học một khóa ấp chiến lược ở tỉnh. Mấy chả ở Trung Ương chẳng biết mẹ gì về nông thôn Việt Nam cả. Ngồi ở Saigon nói lý thuyết, khoe tài học cao hiểu rộng, coi thường đám nhà quê như chúng tôi là thứ ngu dốt, không biết gì, bảo sao nghe vậy! Mấy thằng chả đi học ở Suối LồỒ thì cũng chỉ là đám nịnh thần, rán vỗ tay cho thật to để bợ đít ông Nhu chớ có bao giờ về xã về ấp ngủ một đêm để “thăm dân cho biết sự tình” đâu. Sinh ra ở thành phố, lớn lên, học hành ở thành phố, chưa một ngày về sống ở xã, ấp. Vậy mà ngồi vạch ra kế hoạch để xây dựng xã ấp. Họ muốn làm trò xiệc hay sao?! Tôi cho chuyện đó là chuyện lạ lùng, vô lý, buồn cười... Chống Cộng kiểu đó thì muôn năm không thắng được Cộng. Anh thấy lính của tôi không? Đâu cần ngủ ấp, vô tận trong bụng, chỗ tụi nó đang ăn ngủ, gài mìn chơi luôn. Chơi vậy mới đã!”

-“Tôi nghe nói Colby có đi ngủ ấp?” Tôi hỏi.

-“Cha ấy gan. Nó cười vô mũi mấy ông lớn Saigon đấy!” Ba Hà ca ngợi.

-“Đó là cái di sản của “thư lại” đấy. Tinh thần công chức hủ lậu mà, từ thời thực dân. Ông Diệm, ông Thiệu kêu gọi cách mạng là làm trò hề đấy. Tinh thần đâu mà cách mạng.” Tôi nói.

Một lúc, tôi kể:

-“Năm kia, tôi về Huế. Rồi tôi cùng người bạn về thăm quê ông, phía ngoài sân bay Phú Bài. Chúng tôi gặp một người bạn học cũ, ông bạn đang đang làm phó quận trưởng Hương Thủy, tham gia “chiến dịch Hương về Nông Thôn” của chính phủ. Ông đi thuyền trên sông Lợi Nông. Trên chiếc ghe nhỏ, một anh cán bộ xây dựng nông thôn cầm máy Kohler ngồi sau, ông phó quận ngồi giữa, hai đầu là hai cô thư ký quận, áo dài trắng hoàng, một cô áo xanh, một cô áo hồng. Ông bạn tôi la lên: “Trời ơi! “Hương về nông thôn mà như đi du lịch”. “Cách mạng Hành Chánh” của tổng thống Thiệu đấy. Ngộ chưa?”

Ông phó Nghiêm cười:

-“Cán bộ cách mạng” ngồi giữa. Hai đầu là hai miếng ruộng chéo chớ còn gì nữa. Vói tay chút xíu là tới “hợp tác xã nông nghiệp” ngay chớ gì!”

Con Hòa ngây ngô hỏi:

-“Hai miếng ruộng chéo là cái gì?”

Cô chủ quán, vừa dọn cơm trưa ra cho chúng tôi ăn theo lời Ba Hà dặn, nghe con Hòa hỏi, cười trả lời:

-“Hỏi “dzô dziên”. Cái đó mà không biết sao còn hỏi!”

Bốn người chúng tôi cùng cười.

Vì thấy thiếu úy Chiêu đi công tác ở Xóm Đồn Giữa về, mặt mày còn đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại. Tôi đoán chừng chưa ăn cơm, bèn nói:

-“Đói bụng không? ăn luôn đi.”

Thiếu úy Chiêu nói với cô chủ quán:

-“Cho tôi ly trà đá, ly cối nghe.” Rồi quay sang nói với chúng tôi; “Khát quá, “chơi” luôn một ly cối mới đã.”

Tôi hỏi:

-“Ông Thầy Chùa đâu rồi?”

-“Trung sĩ An đưa về sau. Cho ông ta xếp dọn quần áo đã. Thấy mà khiếp.”

Tôi hỏi:

-“Có còng ông ta lại không?”

-“Không! Ông trốn đi đâu được mà còng.”

Tôi nói:

-“Còng cũng được, nhưng phải nhớ cởi cái áo tu ra. Nhốt vô khám cũng vậy; luật đó. Không nó thừa cho; phiền lắm.”

Ba Hà nói:

-“Tôi nghe nói “me xừ” tư lệnh Cảnh Sát vô trách nhiệm lắm; phải không? Hễ có dư luận báo chí hay thưa gửi đối lập là “chã” cách chức nhân viên của chã trước đã, tránh búa rìu cho yên thân chã, oan ung tính sau!”

-“Anh muốn nói chuyện thiếu úy Vây ở Thạnh Đông chứ gì.” Tôi nói. “Oan cho thiếu úy Vây.”

-“Đúng chuyện đó! Dân Rạch Giá chê dữ lắm.” Ba Hà nói.

-“Đáng ra, nên khen thiếu úy Vây, cho thẳng chã “hội đồng Tỉnh” vô tù tội “đồng mưu trộm” mới đúng. Thượng cấp nhát gan quá, thành ra pháp luật bất minh.” Tôi nói.

-“Anh biết rõ chuyện đó?” Ông phó quận hỏi.

-“Thiếu úy Vây là đệ tử tôi mà!” Tôi trả lời.

Một lúc, tôi kể:

-“Thằng cha “hội đồng Tỉnh” này lưu manh lắm. Nhà nó ở Kinh Tám, kế nhà có cô gái, ở với em gái. Hai chị em mồ côi cả cha lẫn mẹ. Thằng cha đã già muốn “dê” cô chị. Cô ta không chịu. Y trả thù bằng cách cha cho chĩa cái ống khói máy điện của ông vô vách nhà cô ta; nóng, khói um, ai chịu nổi. Cô ta khiếu nại lên tôi. Thằng cha lo hối lộ, nhờ thiếu úy Vây đưa cho tôi hai chục ngàn. Tôi thấy cha làm sai quá, câu chuyện sẽ nhiều rắc rối, bèn chuyển nội vụ ra tòa. Biện lý làm gì thì làm. Tụi không muốn dính vô.

Sau đó chã lấy một bà già mù, nguyên là con gái chủ điền. giàu lắm. Chã âm mưu với hai đứa cháu trai; chã giả đi vắng, chỉ chõ bà già mù giấu nữ trang cho hai đứa cháu vô ăn trộm. Thiếu úy Vây điều tra, tìm ra thủ phạm. Thằng chã sợ, thưa kiện lung tung, lên tới Giám Sát Viện. Ngô Công Đức, Dương Văn Ba, không biết mẹ gì, cũng nói là thiếu úy Vây vu cáo cho cháu thằng chã. Ông Tư lệnh Cảnh Sát sợ đám đối lập bèn cách chức thiếu úy Vây mà không cho điều tra. Dân Cái Sắn chưởi dữ.”

-“Oan cho thiếu úy Vây chớ gì.” Ba Hà nói.

-“Cũng như Phạm Duy Tồn nói vậy mà “Sống chết mặc bây, tiền thầy bỏ túi”, làm vậy cho chắc cái ghế tư lệnh của chã.” Tôi trả lời.

-“Thiếu úy Vây có thể kiện ông tư lệnh được đấy.” Ba Hà góp ý.

-“Anh nghĩ một thằng gốc “lính tấy” như chã mà có tinh thần dân chủ hay sao?” Tôi hỏi lại Ba Hà.

Ba Hà hỏi thiếu úy Chiếu:

-“Ông thầy chùa này phá đạo phải không?”

-“Tu hành gì đâu. Cái chòi hoang của ai bỏ không, ông vô đó đặt bát nhang, gọi là chùa?” Thiếu úy Chiếu giải thích.

-“Ông ta một mình?” Tôi hỏi.

-“Một cô gái nữa. Một thầy “đực” với một nữ đệ tử “cái”. Đêm hôm “đực, cái” làm gì nhau, ai mà biết. Thầy bà phá giới.”

-“Ông ta có giấy tờ gì không?” Tôi lại hỏi.

-“Ông có giấy căn cước, có giấy chứng minh của ông đại úy đại đức tuyên úy ở Rạch Giá, có giấy hoãn dịch vì lý do tu sĩ.” Thiếu úy Chiếu trả lời.

Ông phó Nghiêm góp ý:

-“Dư luận ngoài Rạch Giá nói rằng ông đại úy tuyên úy này “thầy chạy” luôn.”

-“Ông biện lý có lần dặn tôi không cho ông tuyên úy này vô thăm tội nhân khi điều tra chưa xong. Ngay ở tòa Sơ Thẩm Kiên Giang, ông tuyên úy lợi dụng sự nể nang của ông biện lý cho vô thăm tội nhân, ông “mớm cung” cho người ta đấy.” Tôi nói tiếp.

Ba Hà hỏi thiếu úy Chiếu:

-“Còn ông thầy chùa này thì sao?”

-“Ông đi tu mà không muốn tu, không muốn ở chung với mấy thầy khác chùa ngoài Rạch Giá. Vô đây ở một mình, miễn khỏi đi lính là được. Ở với nữ đệ tử “vui” chán.” Thiếu úy Chiếu cười, trả lời.

-“Trong chùa có gì?” Tôi hỏi.

-“Có bàn thờ, bát nhang lạnh lẽo vì thầy bận đi buôn đường. Có một cái giường gỗ tạp.”

-“Cái giường có gãy chụn nào không?” Tôi cười, hỏi.

-“Bốn chụn giường cò đủ nhưng hơi lung lay?” Thiếu úy Chiếu lại cười trả lời.

Tôi đọc câu ca dao “*Một răng thương, hai răng thương, có bốn chụn giường gãy một còn ba.*” Tôi hỏi tiếp:

-“Việc ông sư hổ mang đi buôn lậu, ông trả lời sao?”

-“Ông nói thầy chùa đâu bẻ chụn nhang ăn thế cơm được.”

-“Ông thầy chùa ăn nói ngang ngược.” Tôi hỏi tiếp:

-“Ông ăn chay?”

-“Chay mặn gì ông chơi tuốt”. Ông “thích đủ thứ” mà.” Thiếu úy Chiếu trả lời. Xong, Chiếu lại hỏi tôi.

-“Giải quyết sao đại úy?”

Tôi nói:

-“Cho người đưa ông Lữ Trí Thâm này về ngoài Rạch Giá, trả cho Giáo Hội là xong.”

(Vây mà không xong, trên đường dẫn ông ta về ngoài ấy, ông thầy chùa có máu giang hồ ấy lợi dụng không bị còng tay, ông bỏ trốn mất).

-“Còn con nhỏ nữ đệ tử?” Thiếu úy Chiếu lại hỏi.

-“Nghe nói con nhỏ đó là em gái một Cảnh Sát Dã Chiến của đại úy Năm phải không? Gọi về ngoài, biểu thằng anh vô đem em nó về.”

Thiếu úy Chiêu nói:

-“Em không ăn cơm đâu, mấy ông ăn đi. Em vô Cuộc lo việc cho xong.”

Gần xong bữa ăn, tôi nói với Ba Hà:

-“Về tôn giáo, ngoài Bắc, ngoài Trung, ngoài trừ những người theo đạo Thiên Chúa, phần đông dân chúng theo đạo Phật có vẻ “chân truyền” hơn. Trong Nam này, đạo Phật vừa có tính tiểu thừa, vừa pha tạp với “Đạo Giáo” nên có nhiều “ông đạo” tu một mình trong hang núi, nhất là ở núi Tà Lơn vùng Thất Sơn. Vùng Kiên Lương này cũng vậy. Núi đá nhiều, có nhiều hang động. Nhiều ông đạo tu một mình trong hang. Mỗi ông tu một cách, chẳng ai giống ai. Núi Còm ở nhà máy xi măng Hà Tiên là nơi tu của ông đạo Còm. Không ai biết tên ông, gọi là ông đạo Còm vì lưng ông còm, cong như cái cung. Năm 1962, khi nhà máy Xi Măng bắt đầu khai thác đá núi Còm, người ta thấy bộ xương của ông. Ông chết rục trong hang hồi nào người ta không hay. Đạo Liếm, đạo Sờ, đạo Dừa, “Bác vật Lang” (14) cũng từ cách tu đó mà ra. Chiến tranh qua rồi, người ta sẽ đi tu nhiều đấy, chắc không thiếu gì các ông đạo như ngày xưa.”

Nghe tôi nói, Ba Hà thở dài.

Một lúc, Ba Hà nói:

-“Thật ra, tu như ông đạo Còm hay các ông đạo ở Thất Sơn là hay lắm. Dân người ta biết họ là người tu hành chân chính cả đấy.”

Phó Nghiêm quay qua hỏi tôi:

-“Ông có nghe người ta nói về ông đạo Còm chớ gì?”

-“Có nghe. Chuyện hay lắm. Để tui tóm tắt cho nghe.”

Một lúc sau, tôi kể:

-“Ở quận, ông phó biết phía sau sân vận động là Chùa ông Bốn chớ gì. Chùa ở trên ngọn đồi nhỏ. Chùa này có lâu lắm, trước chiến tranh.

Tôi kể tiếp:

-“Trụ trì là một ông thầy già, mấy ông sư trẻ. Tui hơi ngại. Việt Cộng thường lợi dụng mấy ông sư già nhà quê, thiệt thà, có lòng yêu nước ít nhiều để dựng “hạ tầng cơ sở” hay giao liên, tiếp tế, v.v... Vì vậy, một hôm tui kêu mấy “đệ tử” theo tui lên chùa. Tui lên chùa thắp nhang, chào hỏi thầy rất kính cẩn. Ổng cũng đối xử với tôi đàng hoàng lắm. Tui nói với ông thầy chùa hỏi tui còn nhỏ, thường theo cha đi chùa Phật Lỗi ở trường Ái Tử cho ông ta nghe. (15). Ông cũng kể chuyện ông đi tu từ nhỏ, sư phụ ông lại chính là “đệ tử” ông đạo Còm, khi ông đạo Còm còn tu ở cái hang trên núi Còm.

“Ông đạo Còm có thời theo Phật Thầy Tây An. Trước khi đi tu, ông có vợ, có người con trai. Người con trai sau theo nghĩa quân chống Tây, sau không biết tin tức. Cũng

không rõ ông đạo Còm lên núi lúc nào. Ông có một “triết lý” rất lạ, không thờ Phật – dĩ nhiên là không thờ Chúa – chỉ thờ Trời như người dân Nam Bộ ngày xưa, chủ trương đạo Hiếu và bốn phận con người đối với gia tộc và đất nước.”

Bổng Ba Hà cắt ngang:

-“Tui biết cách tu này, không riêng gì của ông đạo Còm mà nhiều ông đạo vùng Tà Lơn cũng vậy.”

Tôi nói:

-“Anh người địa phương, chắc rõ hơn tui, kể đi.”

-“Được thôi.” Ba Hà nói. “Có gì anh em mình bổ sung.”

-“Theo “giáo phái” này, “giáo phái” là cách nói thôi nghe! Hạ thể con người ta mới là phần quan trọng. Phần tim óc chỉ là nói cho văn vẻ. Từ lỗ rún trở xuống: lỗ rún là nơi tiếp nhận “sự sinh” từ nơi cha mẹ khi mới tượng hình bào thai. Rồi ta được cha mẹ sinh ra, nuôi dạy khôn lớn. Đó là “cha sinh mẹ dưỡng”. Công lao đó có ai sánh bằng. Cho nên, họ chủ trương thờ Trời – tức là Tạo Hóa đấy – và thờ Cha Mẹ. Công ơn cha mẹ là lớn nhất. Thờ ai nữa chỉ là chuyện phụ. Khi tắm, nhìn vô cái lỗ rún, là nhớ công ơn cha mẹ. Dù cái rún đã cắt đi rồi, thì cũng coi như “cuống rún chưa lia.”

-“Còn phần dưới nữa chứ!?” Tôi góp ý.

-“Phần dưới nữa là bộ phận sinh dục. Bộ phận sinh dục giữ cái trách nhiệm của sự tồn tại: Tồn tại gia đình, dòng họ, tồn tại dân tộc, tồn tại nhân loại. Các loài sinh vật cũng nhờ cái bộ phận đó mà tồn tại. Nó không phải là cái để chơi cho sướng. Nó là cái để lưu tồn nòi giống. Người ta phải dùng nó để tồn tại nòi giống. “Giáo phái” này chỉ đi tu sau khi đã có con, mà con trai mới được. “Nữ nhi ngoại tộc”. Chưa có con là chưa đi tu, bởi chưa làm tròn cái bốn phận giữ gìn nòi giống mà ông Trời đòi hỏi.”

-“Ông Tất Đạt Đa đi tu sau khi có con.” Tôi góp ý.

-“Giáo phái” này không còn tồn tại nên tôi không rõ họ có khuynh hướng như Phật tổ hay không! Tuy vậy, cái “triết lý” của giáo phái này, từ giữa thế kỷ 19, hàng “đệ tử” của Phật Thầy Tây An rất hoan nghênh, mặc dù họ có thờ Phật, không thờ các ông Đạo.” Ba Hà trả lời.

-“Vấn đề là chỗ này: “Trách nhiệm và cái sướng. Tạo Hóa thì cho cái việc ấy phải có sướng, con người hay loài vật đều vậy cả. Nếu không có cái sướng thì con người cũng như súc vật sẽ làm biếng làm cái việc ấy. Vậy thì làm sao nòi giống lưu tồn? Tuy nhiên, với loài vật, việc ấy là do bản năng. Tới thời gian cần sinh sản, con vật cái cần giống đực. Sau khi con cái thụ thai thì thôi. Thành ra, việc sinh dục chỉ theo mùa. Con người thì khác, không có mùa mà thường trực hơn. Với luân lý, việc ấy là để “nối dõi”. Nhưng vì ông trời cho việc ấy có sự khoái lạc, nên con người đã lạm dụng việc ấy. Vợ chồng liên tục hơn, đàn ông đa thê...”

-“Đại úy không nghĩ Cộng Sản nhìn vấn đề theo “duy vật biện chứng” à?” Ông phó quận hỏi.

-“Ông phó tốt nghiệp học viện, trình độ đại học, hiểu biết chính trị hơn tôi chớ?” Tôi trả lời.

-“Học là một việc. Học để thi nên nhiều khi học đủ bài thì thôi. Tôi nghĩ đại úy từng làm giáo sư nên có hiểu biết đấy.” Ông phó quận trả lời tôi.

-“Tôi không rành đâu, nhưng có câu chuyện này vui lắm, để tui kể”. Tôi nói. “Mấy năm tôi học làm “mầm non văn nghệ”, viết bài cho các tờ báo ở Huế như “Mùa Lúa Mới”, “Ý Dân” – tờ báo của “Phong trào Cách mạng Quốc gia”. Những người viết cho các tờ báo này, như ông Võ Thu Tịnh, Phan Du, Võ Phiến, Đỗ Tấn, đều ở “vùng Việt Minh” mới về hợp tác với chính quyền miền Nam sau hiệp định Genève 1954. Anh Lê Mộng Hòa, một hạ sĩ quan Quân Đội, từng làm cho đài Quân Đội ở Saigon, vừa bị giải ngũ về Huế, thường đến chơi với tôi. Anh này cũng có thời theo Việt Minh, chắc cũng biết ít nhiều về chủ nghĩa Mác do Cộng Sản nhồi nhét cho. Một hôm, mẹ tôi nói: “Con đừng chuyện trò với ông Hòa nữa. Cả xóm này, người ta chưởi ông ta dữ lắm.” Hỏi ra, tôi mới biết hôm trước, ông ta gây lộn với mẹ ông. Ông mắng mẹ: “Cha mẹ nằm với nhau là kể cái chuyện sượng, chớ đâu có phải muốn sinh ra tui. Công ơn chi! Mẹ đừng nói chuyện công ơn cha mẹ với tui.” Mẹ tôi nói thêm: “Cái thứ vô đầu vô vĩ mới nói như rứa.”

Nghe xong, ai nấy đều cười.

Bỗng con Hòa lên tiếng, nhắc chùng: “Con chưa có chõng đó nghe!”

Nghe thế, phó Nghiêm cười trả lời:

-“Phải “văn minh” lên chớ. Bên Tây, tới tuổi dậy thì, người ta đã dạy cho con nít việc này rồi.”

Ba Hà nhận xét:

-“Lý luận như vậy, chỉ từ hồi có Việt Cộng mới có mà thôi. Ông bà ngày xưa mà nghe nói vậy, chắc mấy ông nổi giận đùng đùng.”

-“Mẹ ông Hải cũng đã ngăn cấm ông chơi với Việt Cộng rồi đấy.” Ông phó Nghiêm cười, trả lời.

-“Tui nói thật, tui mồ côi cha năm mười tuổi, khôn lớn là nhờ mẹ, mới nghĩ tới cái ý tưởng đó, tui đã vội xua đuổi nó ra khỏi trí óc tôi. Cái ý nghĩ chỉ thoáng tới tôi, tui đã thấy có tội rồi, nói chi tới việc có “lập trường” như thế, nói năng như thế với mẹ.” Tôi bày tỏ ý kiến một cách chân thành.

-“Chỉ có Cộng Sản mới nghĩ như thế thôi ông ơi! Có vậy chúng nó mới “đấu tố cha mẹ” được.” Ba Hà nhận xét.

Tôi nói “để tui kể cho nghe thêm một chuyện nữa.”

Mọi người nhìn tôi cười.

-“Cái này tôi đọc trong “Bách Khoa”, cả chục năm rồi. Ông Bùi Bạt Tụy, dạy ngữ học ở Đại Học Văn Khoa”, viết trên báo này một câu chuyện. Trước 1945, có một làng chài ở Bình Định, làng có tục thờ hai cái “sinh thực khí” bằng đá, một của đàn ông, một của đàn bà trong một cái hang. Hàng năm, đến ngày hội, làng rước hai cái sinh thực khí này đi quanh làng, trước khi rước về lại hang để làm lễ tế. Khi rước quanh làng, người đầu làng, ông lý trưởng hay tiên chỉ gì đó, cầm hai cái sinh thực khí đó đi đầu. Vừa đi, ông ta cầm cái có hình dương vật thọc qua thọc lại cái có hình của người đàn bà, nói rằng: “*Cái sự làm sao! Cái sự làm vậy. Cái sự làm vậy! Cái sự làm sao.*”

-“Làng này thờ “dâm thần?” ông phó Nghiêm hỏi.

Tôi nói:

-“Chữ “dâm” ông phó nghĩ như thế nào?

-“Việc ấy gọi là “dâm” chớ gì nữa.” Phó Nghiêm nói.

-“Cái này,” Tôi nói, “*Không phải là “cho đáng kiếp tà dâm”* như trong truyện Kiều. Trong đạo Phật, người ta phân biệt “chánh dâm” với “tà dâm”. Vợ chồng ăn nằm với nhau để sinh con đẻ cái là “chánh dâm”. Ngoại tình, chơi bời là “tà dâm” có phải không? Ông phó có nghĩ Mác vì dốt, không phân biệt được “chính dâm” với “tà dâm” như Phật, nên nói sai, dạy sai cho đảng viên, phải không?”

-“Có khi nào người ta thờ thần “tà dâm” không?” Ba Hà hỏi.

-“Có chớ sao không? Tú Bà thờ thần “Bạch Mi” cho được đất hàng là thờ “dâm thần” chớ gì nữa.”

-“Ngay ngoài tôi cũng có thờ “dâm thần”, mà thờ một cách “hợp pháp” nữa đấy.

Ba Hà nói đùa: “Đúng ông này nhiều chuyện”.

-“Chuyện như thế này.” Tôi nói. “Hồi tôi còn nhỏ, có lần tôi nghe ông anh tôi – ông này nghịch lắm – nói câu: “*Muốn dòm lờ..., ra cồn Dĩ Hạ.*” Dĩ Hạ là tên làng, ở ngay phía nam vĩ tuyến 17 – Có thể tên là Nhĩ chớ không phải Dĩ. Cồn là một cái trũng cát. Cát rất trắng. Làng có một cái khe nước. Tới mùa mưa thì nước lên cao, mùa hạ thì nước ngang mắt cá. Ở chỗ có con đường lội qua khe nước, có ngôi miếu thờ thần. Theo tục của làng, đàn ông thì khỏi, đàn bà, bất cứ già trẻ, có chồng hay chưa, khi lội qua khe thì phải cởi quần ra, không được vén quần lên, dù nước sâu hay cạn. Ai không tuân làng bắt vạ vì ông thần sẽ gây tai họa cho làng.”

-“Tôi mà đổi về làm việc ngoài xứ anh, tôi sẽ hợp tác với ông thần đó đấy.” Phó Nghiêm vừa nói đùa, vừa cười.

-“Bọn tôi gọi là ông “thầm dòm lờ...” đó. Người ta sẽ gọi ông là ông phó... gì?” Tôi nói.

Mọi người cùng cười.

Một lúc, phó Nghiêm nói:

-“Tôi nhớ hình như Nguyễn Khuyến có một bài thơ nói về việc ấy.”

-“Để tui nhớ coi.” Tôi nói, “nghỉ dạy lâu, nhiều khi cũng quên.

Một lúc sau, tôi đọc:

*Đầu làng Ngang có một chỗ lội,
Có đèn ông Cuội cao vọi vọi;
Đàn bà qua đấy vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối;
Ông Cuội ngồi trên mồm mép cười,
Cái gì trắng trắng như câu cú?
Đàn bà khếp nép đứng liền thưa:
- Con chót hớ hênh ông xá tội;
- Thôi, thôi con có tội chi mà,
Lại đây ông cho giống ông Cuội;
Từ đấy làng Ngang để ra người,
Để ra rặt những thằng nói dối.*

Một lúc sau, Phó Nghiêm nói:

-“Thật ra, trong cách thờ phượng của người Việt Nam, ngoài chùa, có nơi đền đài miếu mạo, người ta thờ Thành Hoàng, thờ danh nhân lịch sử là chính. Các nhân vật lịch sử được thờ nhiều nơi, nhất là Đức Thánh Trần, Hai Bà Trưng, Bà Chúa Liễu Hạnh. Người ta tôn sùng Bà Chúa Liễu Hạnh như là người mẹ của Dân Tộc. Trong gia đình người Việt chân chính, thờ tổ tiên, ông bà cha mẹ đã khuất núi là việc quan trọng nhất.”

-“Người Việt có khuynh hướng đa thần! Ngay ở ngoài Trung, ngoài Bắc, làng xã có từ lâu đời, có phong tục, lễ thói, tập quán, thờ Trời, thờ Thành Hoàng mà vẫn thờ đa thần”. Tôi nói.

“Thật ra, “lưu lạc” từ cực bắc tới cực nam VNCH, tôi có cái cảm tưởng như đi theo dấu “chân Nam Tiến” của tổ tiên, nhận xét về sự thay đổi của người Việt mình: Ngoài Trung, ngoài Bắc thì là “Nàng Tô thị”, “Mẹ bồng con”; vô vịnh Rạch Giá đổi thành “Hòn Phụ tử”. Cha thay cho mẹ. Ngoài kia thì thờ Trời, thờ tổ tiên, anh hùng liệt nữ. Vô tới trong Nam thì thờ Trời, thờ chữ “hiếu”, và thần linh, “Thất Sơn huyền bí”, pha ít nhiều bùa chú. Cũng Trời, cũng Phật đấy, nhưng hình như có chỗ khác nhau, pha ít nhiều mê tín bùa phép người Miên, có nhiều ông đạo trên các vùng Tam Sơn, Thất Sơn, Cô Tô, núi Cấm, núi Bà, Tà Lơn. Phải chi hòa bình, đi hết vùng này mà tìm hiểu, có lẽ chúng ta sẽ thấy rõ hơn “văn minh miệt vườn”, hay “Văn minh miền Tây Nam Bộ”, lý thú không kém gì “Tìm hiểu đất Hậu giang” của Sơn Nam.”

hoànglonghải

(Ghi chú: Ngay sau tháng Tư/ 75, Ba Hà cùng đệ tử không chịu “trình diện, học tập cải tạo”, kéo nhau vô rừng Trà Tiên, chống lại Việt Cộng. Sau khi quân Việt Cộng xâm lăng Kamphuchia 1979, người dân vùng Hà Tiên, Kiên Lương không còn nghe tin tức gì của Ba Hà và đệ tử của ông nữa.)

(1)- “Thạch Hào Lại” – Đỗ Phủ

(2)- Về “Đại tá Bé”. Thân phụ ông Nguyễn Bé tên là Nguyễn Năm, quê ở Thừa Thiên. Trước 1945, ông cùng với một người bà con - người này qua đời khoảng năm 1950 vì xe bị mìn trúng số độc đắc một triệu đồng Đông Dương, khi hai người chạy xe đồ đường Đông Hà – Xavanankhet (Lào). Do đó, ông Năm sắm xe Vedette, vui chơi... Năm 1948, khi gia đình tôi hồi cư về thị xã Quảng Trị, nhà tôi ở gần nhà ông Nguyễn Bé. Gia đình tôi là cố cựu, gia đình ông Năm mới đến ngụ cư sau khi chiến tranh bùng nổ. Nguyễn Cẩm, em kế ổng Bé là bạn học từ lớp Ba với tôi, chơi thân với nhau đến trung học. Năm 1975, Cẩm là thiếu tá Biệt Động Quân. Năm 1951, ông Bé cưới vợ, người quê ở Lai Phước, phủ Triệu Phong, quê mẹ của ông. Năm 1952, ông Bé rủ anh kế tôi và anh Đỗ Văn Nghiêm, hai người là bạn học, theo học khóa 4 Võ bị Địa Phương (ở Đập Đá – Huế). Đời binh nghiệp ông Bé lên rất nhanh: Huấn luyện viên của trường, làm phó tỉnh trưởng nội an tỉnh Bình Định, chỉ huy trưởng trường “Cán bộ Xây dựng Nông thôn Vũng Tàu”. Năm 1969, nhân dịp hướng dẫn Hướng Đạo Sinh Quân Đội cắm trại ở đây, tôi ngạc nhiên về cách tổ chức cho cán bộ xây dựng nông thôn và viên chức xã ấp về thụ huấn ở đây. Ông Bé biết cách khích động lòng yêu nước, yêu dân tộc, và cách sinh hoạt gần gũi và phục vụ nông thôn. Ngay tại trung tâm này, ông có dựng một nhà thờ, thờ vua Lê Lợi, – coi như là “ông tổ” của chiến tranh du kích Việt Nam. Chính vì biết xử dụng loại chiến tranh này, Lê Lợi kéo dài cuộc kháng chiến đến 10 năm và cuối cùng đánh bại quân nhà Minh.

Tối hôm đó, tôi và người bạn thân, anh Lương Thúc Trình ngủ lại qua đêm tại nhà thờ này. Ông già cán bộ “thủ tự” cho biết phó tổng thống Hubert Humphrey, khi qua VN dự lễ nhậm chức của tổng thống Thiệu, chỉ ở dinh Độc Lập một giờ đồng hồ nhưng ở lại trung tâm này hơn một ngày và cũng ngủ lại tại nhà thờ vua Lê Lợi này. Tôi hỏi Trình: “Ông Bé làm gì mà ông Humphrey ở lại đây lâu thế? Không chừng Mỹ đang chuẩn bị một candidat tổng thống tương lai cho miền Nam hay sao?”

Ít lâu sau, ông Thiệu chuyển trung tâm huấn luyện cán bộ xây dựng nông thôn, viên chức xã ấp thành trung tâm gì đó cho cuộc “cách mạng hành chính” do tổng thống mới đặt ra. Thực ra, đó chỉ là việc “bưng” đại tá Bé đi chỗ khác (chơi). Tổng thống Thiệu lo xa, “triệt tiêu” một đối thủ tranh chức tổng thống với ông trong tương lai chẳng.

Những năm làm việc ở nông thôn, từ xã ấp, tôi thấy ở đây, viên chức xã ấp, cán bộ xây dựng nông thôn, những ai từng qua huấn luyện ở trung tâm huấn luyện ở Vũng Tàu của đại tá Bé, họ ngưỡng mộ đại tá Bé như thế nào! “Anh đại tá Bé” là tiếng họ thường nói, họ coi “anh đại tá Bé” như là người của họ, giúp họ phục vụ và xây dựng thôn ấp của họ chống lại Việt Cộng và phát triển đời sống dân chúng địa phương bằng

những chương trình xây dựng nông thôn do “trung tâm” vẽ ra cho họ khi học thụ huấn ở đây.

Đối với Việt Cộng, giết một cán bộ xây dựng nông thôn, một viên chức xã ấp có ích hơn là giết một người lính. Chính họ là người phát hiện và giải hóa Việt Cộng ngay tại “hạ tầng cơ sở”.

Tôi không rõ vì sao, hoạt động của Bộ Xây Dựng Nông Thôn thu hẹp lại, nhiều cán bộ xây dựng nông thôn gia nhập quân đội hay chuyển ngành Cảnh Sát. Chương trình “Bình Định và Phát triển nông thôn” bị “teo” lại. Bundy thôi làm phó đại sứ, đặc trách về bình định và phát triển, trở về Mỹ.

(3)-Nguyễn Trung Trực:

Tượng Nguyễn Trung Trực tại sân đền thờ chính ở TP Rạch Giá.

Sinh ra dưới thời **Minh Mạng**, thuở nhỏ ông có tên là Chơn. Từ năm **Kỷ Mùi (1859)** đổi là Lịch (Nguyễn Văn Lịch, nên còn được gọi là Năm Lịch), và cũng từ tên *Chơn* ấy cộng với tính tình ngay thật, nên ông được thầy dạy học đặt thêm tên hiệu là Trung Trực.

Nguyên quán Nguyễn Trung Trực ở xóm Lưới, thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, huyện Phù Cát, trấn Bình Định (ngày nay là thôn Vĩnh Hội, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Ông nội là Nguyễn Văn Đạo, cha là Nguyễn Văn Phụng (hoặc Nguyễn Cao Thăng), mẹ là bà Lê Kim Hồng.

Sau khi hải quân Pháp nhiều lần bắn phá duyên hải Trung Phần, gia đình ông phải phiêu bạt vào Nam, định cư ở xóm Nghè (một xóm trước đây chuyên nghề chài lưới), làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, Phủ Tân An (nay thuộc xã Thạnh Đức, huyện **Bến Lức**, tỉnh **Long An**) và sinh sống bằng nghề chài lưới vùng hạ lưu sông Vàm Cỏ. Không rõ năm nào, lại dời lần nữa xuống làng Tân Thuận, tổng An Xuyên. (nay là xã Tân Tiến, huyện **Đầm Dơi**, tỉnh **Cà Mau**).

Ông là con trưởng trong một gia đình có tám người con. Lúc nhỏ, ông rất hiếu động, thích học võ nên khi lớn lên ông là người có thể lực khỏe mạnh, giỏi võ nghệ và là người có nhiều can đảm, mưu lược.

Tháng 2 năm **1859** Pháp tấn công thành **Gia Định**. Vốn xuất thân là dân chài, nằm trong hệ thống lính đồn điền của kinh lược **Nguyễn Tri Phương**, nên ông sốt sắn theo và còn chiêu mộ được một số nông dân vào lính để gìn giữ **đại đồn Chí Hòa**, dưới quyền chỉ huy của **Trương Định**.

Sau đó ông là quyền sung Quản binh đạo và chỉ huy đốt cháy tàu *L'Espérance* của Pháp, nên còn được gọi là **Quản Chơn** hay **Quản Lịch**. Trong sự nghiệp kháng **thực dân Pháp** của ông, có hai chiến công nổi bật, đã được danh sĩ **Huỳnh Mẫn Đạt** khen ngợi bằng hai câu thơ sau:

Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa

Kiểm bặt Kiên Giang khắp quỳ thần.

Thái Bạch dịch:

Sông Nhật Tảo lửa hồng rực cháy, tiếng vang trời đất,
Đồn Kiên Giang lưới kiếm tuốt ra, quỳ thần sợ khóc.

Sau khi **đại đồn Chí Hòa thất thủ** ngày **25 tháng 2** năm **1861**, Nguyễn Trung Trực về Tân An. Đến ngày **12 tháng 4** năm **1861**, thành **Định Tường** thất thủ, quân Pháp kiểm soát vùng Mỹ Tho, thường cho những tàu chiến vừa chạy tuần tra vừa làm đồn nổi di động. Một trong số đó là chiếc tiểu hạm *L'Espérance* (*Hy Vọng*), án ngữ nơi vàm Nhựt Tảo (nay thuộc xã An Nhựt Tân, huyện **Tân Trụ**, tỉnh **Long An**).

Sáng ngày **10 tháng 12** năm **1861**, Nguyễn Trung Trực cùng quyền sung Phó Quản binh đạo Huỳnh Khắc Nhượng, Võ Văn Quang, quản toán Nguyễn Học, và hương thôn Hồ Quang Chiêu (Đại Nam thực lục chép là lương thân Hồ Quang)... tổ chức phục kích đốt cháy tàu chiến này.

Trận này quân của Nguyễn Trung Trực diệt 17 lính và 20 cộng sự người Việt, chỉ có tám người trốn thoát (2 lính Pháp và 6 lính Tagal, tức lính đánh thuê Philippines, còn gọi là lính Ma Ní).

Lúc đó, viên sĩ quan chỉ huy tàu là trung úy hải quân Parfait không có mặt, nên sau khi hay tin dữ, Parfait dẫn quân tiếp viện, đốt cháy nhiều nhà cửa trong làng **Nhật Tảo** để trả thù.

Theo sau chiến thắng vừa kể, nhiều cuộc tấn công quân Pháp trên sông, trên bộ liên tiếp diễn ra...

Sau lần đốt tàu *L'Espérance* của Pháp, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân tiếp tục chiến đấu qua lại trên địa bàn **Gia Định**, **Biên Hòa**. Khi **Hòa ước Nhâm Tuất 1862** được ký, ba tỉnh miền Đông lọt vào tay **thực dân Pháp**, Nguyễn Trung Trực nhận chức Lãnh binh, đưa quân về hoạt động ở ba tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông được triều đình phong chức *Hà Tiên thành thủ úy* để trấn giữ đất **Hà Tiên**, nhưng ông chưa kịp đến nơi thì tòa thành này đã bị quân Pháp chiếm mất vào ngày **24 tháng 6** năm **1867**. Không theo lệnh triều đình rút quân ra **Bình Thuận**, Nguyễn Trung Trực đem quân về lập mật khu ở Sâu chim (tả ngạn sông Cái Lớn, huyện **An Biên**, tỉnh Kiên Giang). Từ nơi này, ông lại dẫn quân đến **Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, lập thêm căn cứ kháng Pháp.**

Ở Kiên Giang, sau khi nắm được tình hình đối phương và tập trung xong lực lượng (trong số đó có cả hương chức, nhân dân Việt – **Hoa** – **Khmer**); vào 4 giờ sáng ngày **16 tháng 6** năm **1868**, Nguyễn Trung Trực bất ngờ dẫn quân từ Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) đánh úp đồn Kiên Giang, do Trung úy Sauterne chỉ huy.

Kết thúc trận đánh, nghĩa quân chiếm được đồn, tiêu diệt được 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng cùng nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày.

Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não tỉnh. Nhận tin chủ tỉnh Rạch Giá cùng vài sĩ quan khác bị giết ngay tại trận, George Diirwell gọi đây là *một sự kiện bi thảm* (un événement tragique).

Hai ngày sau (ngày **18 tháng 6** năm 1868), Thiếu tá hải quân A. Léonard Ausart, Đại úy Dismuratin, Trung úy hải quân Richard, Trung úy Taradel, **Trần Bá Lộc**, **Tổng Đốc Phương** nhận lệnh Bộ chỉ huy Pháp ở **Mỹ Tho** mang binh từ **Vĩnh Long** sang tiếp cứu. Ngày **21 tháng 6** năm 1868, Pháp phản công, ông phải lui quân về **Hòn Chông (Kiên Lương, Kiên Giang)** rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm kinh chống lâu dài.

Tháng 9 năm **1868**, chiếc tàu Groeland chở **Lãnh Binh Tấn** (tức Huỳnh Văn Tấn, còn được gọi **Huỳnh Công Tấn**, trước có quen biết ông Trục vì cùng theo Trương Định kháng Pháp. Sau này, Tấn trở thành cộng sự cho Pháp), cùng 150 lính ở Gò Công đến đảo Phú Quốc để bao vây và truy đuổi ông Trục.

Nhà sử học **Phạm Văn Sơn** thuật chuyện:

Hương chức và dân trên đảo bị đội Tấn dọa phải theo và phụ lực với hắn để bao vây bọn ông Trục. Sau hai trận ghê gớm, bọn ông Trục phải trốn vào trong núi. Đội Tấn rượt theo, nghĩa quân bị kẹt trong một khe núi nhỏ hẹp. Cùng đường, bọn ông Trục phải ra hàng...

Giám đốc Sở nội vụ Paulin Vial viết:

Nguyễn Trung Trục chịu nộp mạng, chỉ vì thiếu lương thực và vì mạng sống của bao nghĩa quân đang bị bao vây hàng tháng trời ròng rã tại Phú Quốc.

Nhưng có người lại cho rằng để bảo toàn lực lượng nghĩa quân, nhân dân trên đảo và lòng hiếu với mẹ (*Pháp đã bắt mẹ của ông để uy hiếp*), Nguyễn Trung Trục tự ra nộp mình cho người Pháp và đã bị đưa về giam ở Sài Gòn.

Nhưng theo lời khai ít ỏi của Nguyễn Trung Trục khi ông bị giam ở **Khám Lớn Sài Gòn** với Đại úy Piquet, thanh tra bốn quốc sự vụ, thì sự việc như thế này, trích biên bản hỏi cung:

...Tôi cho biết rõ rằng tôi đã tự ý quy thuận lãnh binh Tấn. Vì hắn đến đảo, hắn bảo viết thư yêu cầu tôi quy hàng, vì chúng tôi bị bao vây trong núi không có gì để sống, tôi bảo một người dân trói tôi và dẫn tôi đến Tấn. Nếu tôi muốn tiếp tục chiến đấu, hắn không bắt tôi được dễ dàng như thế...

Rất tiếc bản cáo của lãnh binh Tấn gửi cho thống đốc Nam kỳ về “việc bắt Nguyễn Trung trực và Tổng binh Côn” đã bị thất lạc từ ngày **23 tháng 5** năm 1950, vì thế sự việc chưa được tường tận.

Bắt được Nguyễn Trung Trực, Pháp đưa ông lên giam ở **Khám Lớn Sài Gòn** để lấy khẩu cung. Theo *Việt sử tân biên*, mặc dù Lãn binh Tấn đã hết sức can thiệp để Pháp tha mạng cho ông Trực, nhưng **Thống đốc Nam Kỳ** G. Ohier không chịu. Vì cho rằng không thể tha được “một người đã không coi luật quốc tế ra gì, đã hạ một cái đồn của chúng ta và giết chết 30 người Pháp!”

Và rồi ngày **27 tháng 10** năm 1868, nhà cầm quyền Pháp đưa ông Trực về lại Rạch Giá và sai một người Khmer trên Tura (người dân thường gọi ông là Bòn Tura) đưa ông ra hành hình tại chợ **Rạch Giá**, hưởng dương khoảng 30 tuổi.

(4)-**Tướng Trình Minh Thế.**

Ông sinh năm 1922 tại tỉnh **Tây Ninh** trong một gia đình khá giả theo đạo Cao Đài. Thân phụ ông là một chức sắc trong Giáo hội Cao Đài, đồng thời cũng là một thương gia phát đạt. Do sinh trưởng trong một gia đình có thế lực, ông được hưởng sự giáo dục tốt hơn rất nhiều **người Việt** đương thời. Ông tốt nghiệp Tiểu học (Certificate of Primary Education), nhưng sau bị đuổi học vì tội ngang ngạnh, bướng bỉnh.

Đầu năm 1940, ông tham gia vào đơn vị vũ trang đầu tiên của Giáo phái Cao Đài, với danh xưng Chi đội 78 (tiền thân của Quân đội Cao Đài). Sau đó ông được gửi đi huấn luyện quân sự tại trường Nội ứng Nghĩa đình ở Cái Vồn. Tốt nghiệp, ông trở về đơn vị và trở thành một cán bộ chỉ huy.

*–Khi **Chiến tranh thế giới thứ hai** bùng nổ, **Nhật** tiến vào **Đông Dương**. Phản ứng trước tình hình phong trào chống **Pháp** càng ngày càng gia tăng, toàn quyền Đông Dương là Đô đốc Decoux hành động quyết liệt. Ông ta cho đóng cửa một số nơi thờ tự của **Cao Đài**, rồi tới ngày 26 tháng 8 năm 1940 cho đóng cửa **Tòa Thánh Tây Ninh**. Tới ngày 27 tháng 7 năm 1941, nhiều lãnh đạo của Cao Đài, kể cả Hộ pháp **Phạm Công Tắc** bị bắt giữ. Để giành được sự ủng hộ của các tổ chức **Việt Nam** theo **chủ nghĩa quốc gia**, phát xít Nhật tiến hành bắt liên lạc và hỗ trợ cho họ, trong đó có **Cao Đài**. Tới tháng 2 năm 1943, Nhật giúp vị **Phối sư Cao Đài** là **Thượng Vinh Thanh** (thế danh **Trần Quang Vinh**) mở lại **Thánh thất Cao Đài** tại **Sài Gòn**. Để đáp lại, **Cao Đài** hợp tác tích cực với Nhật, **Phối sư Thượng Vinh Thanh** kêu gọi giáo dân **Cao Đài** xung phong đăng lính cho quân Nhật, 10.000 giáo dân **Cao Đài** làm việc cho Nhật, đáng kể nhất là tại xưởng đóng tàu Nitian. Số người này sau giờ làm việc được huấn luyện quân sự.*

Năm 1944, ông được du học lớp huấn luyện quân sự tại Cao Miên và Lào trong trường sĩ quan của **Hiển binh Nhật** (Kempetai). Khi trở về nước ông trở thành một sĩ quan của Giáo phái Cao Đài.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, cùng với **Lực lượng Quân sự Cao Đài** ông tham gia cuộc đảo chính **Pháp** của **Quân đội Nhật Bản**.

*–Được sự bảo trợ của Nhật, **Phối sư Thượng Vinh Thanh** (**Trần Quang Vinh**) tổ chức lực lượng vũ trang gồm 3.000 người, tiếng là theo chỉ thị của Hoàng thân **Cường Đế**. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, lực lượng **Cao Đài** mặc đồng phục trắng, đội mũ bê-rê, vũ trang bằng gậy tre vọt nhọn tham gia hỗ trợ Nhật đảo chính **Pháp**. Thủ lĩnh quân sự của **Cao Đài** là tướng **Nguyễn Văn Thành** tuyên bố Hoàng thân **Cường Đế** chỉ thị thành lập lực lượng vũ trang **Cao Đài** liên minh với **Nhật Bản** để chống **Pháp**. Không có tài liệu cho biết cụ thể hoạt động của*

Trình Minh Thế trong thời gian này, nhưng có thể cho rằng thời kỳ này Trình Minh Thế đã gia nhập lực lượng vũ trang Cao Đài và tích cực hợp tác với Nhật.

Tháng 9 năm 1945 Quân đội Nhật tại Đông Dương đầu hàng Đồng Minh, ông cùng với đoàn quân Chi đội 78 rút vào chiến khu Cao Đài kháng chiến chống Pháp, sau khi Pháp tái chiếm Nam Kỳ.

Ngày 7 tháng 11 năm 1946, ông rời chiến khu trở về Tòa thánh Tây Ninh, đồng thời được thăng cấp **Đại tá**. Cùng với Lực lượng Vũ trang Cao Đài, ông bắt tay hòa hoãn với Pháp và nhanh chóng thăng tiến. Năm 1947, cùng với một số chiến sĩ Cao Đài thành lập **Đội Du kích**. Sau đó, ông trở thành **Chỉ huy trưởng Du kích Bến Cầu (Tây Ninh)** kiêm trưởng phòng Tác chiến khu vực. Kế tiếp trở thành **Tổng chỉ huy khu vực Liên tỉnh Miền Đông**.

Tháng 1 năm 1948, ông cùng đơn vị thuộc quyền tuyên bố ly khai khỏi Quân đội Cao Đài, nhưng sau 48 tiếng quay trở lại. Sau đó, ông sáng kiến thành lập đội quân xung kích Hắc y (cải biến từ đơn vị do ông chỉ huy), mặc quần áo bà ba đen. Về sau trở thành đồng phục cho tất cả dân quân của Lực lượng Liên Minh. Đầu năm 1949, ông triệu tập lãnh tụ Cao Đài các tỉnh miền Đông, tổ chức **Đại hội** để ủng hộ Giáo chủ **Phạm Công Tắc**, đồng thời đưa toàn bộ lực lượng này về Tây Ninh (Tuy nhiên, “tính cách” của ông cũng khiến cho ông có nhiều kẻ thù trong Quân đội Cao Đài, và dính dáng nhiều đến các âm mưu, tranh giành tại Tòa thánh Tây Ninh). Tháng 9 cùng năm, ông di chuyển lực lượng bản bộ ra khỏi ngoại ô Tây Ninh. Cuối năm này, ông được giữ chức vụ **Chủ tịch Ủy ban Chỉ đạo Việt Nam Phục Quốc Hội**.

Thượng tuần tháng 6 năm 1951, ông được cử làm Tham mưu trưởng Quân đội Cao Đài, thay thế Thiếu tướng **Nguyễn Thành Phương**. Nhưng chỉ hơn 24 tiếng sau, nửa đêm về sáng ngày 7 tháng 6, ông bí mật đem khoảng hơn 1.500 quân bản bộ ly khai khỏi Cao Đài Phục Quốc, vượt sông Vàm Cỏ Đông đến rừng Bưng Rồ để lập **Tổng hành dinh** tạm, về sau di chuyển xuống hướng nam trong rừng Bưng Rồ dọc theo biên giới Việt-Miền và lập chiến khu Bù Lu. Ngày 8 tháng 6 cùng năm, ông được thăng cấp **Thiếu tướng** Cao Đài tại chiến khu do Trung tướng **Nguyễn Văn Thành** Tổng tư lệnh Quân đội Cao Đài, đại diện cho Hộ pháp Phạm Công Tắc, gấn sao giữa đêm khuya. Nhưng ngay sau đó, ông cùng đội quân của mình chính thức rời khỏi hàng ngũ giáo phẩm Cao Đài và thành lập lực lượng riêng, lấy tên là **Liên Minh** với chủ trương chống cả Pháp và Việt Minh.

*–Trên thực tế, hoạt động chống Việt Minh của Trình Minh Thế có hiệu quả đáng ngờ. Chẳng hạn ngày 17 tháng 2 năm 1950, Trình Minh Thế cung cấp cho lực lượng Việt Minh tại Trảng Bàng vũ khí để tấn công một đoàn xe của **Pháp**, ông cũng gửi đại diện đến các cuộc họp của **Việt Minh** tại **Long Thành** ngày 30 tháng 4 và **Đồng Tháp Mười** ngày 14 tháng 6 năm 1950, ngoài ra, Trình Minh Thế còn lớn tiếng công kích Pháp. Các vụ đụng độ giữa quân Liên Minh và Việt Minh chỉ gây ra những tổn thất nhỏ, phần nhiều giới hạn trong việc giành giật lương thực, ngũ cốc của hai phe. Một lý do được nêu ra, có thể là do lực lượng của Trình Minh Thế chỉ có giới hạn, chừng 2 tới 3 ngàn người, không phải là đối thủ của Việt Minh. Dù sao, hoạt động của Trình Minh Thế cũng giúp cho **Tòa Thánh Tây Ninh** tránh được các cuộc tấn công của lực lượng **Việt Minh**.*

Tháng 8 năm 1953, quân Pháp mở cuộc tấn công vào căn cứ của ông, sử dụng một Tiểu đoàn sơn cước **Nùng** tinh nhuệ. Quân Liên Minh phải tránh vào các hang động ở **núi Bà Đen**. Về sau ông phải dời Bộ chỉ huy về núi Heo. Tới năm 1954, Liên Minh đã mở rộng địa bàn hoạt động về phía tây-nam, tới tận **sông Cửu Long**. Lực lượng của họ được chia làm nhiều Tiểu đoàn, quân số có lẽ vào khoảng 2.500 người.

Quân đội Việt Nam Cộng hòa (1954-1955)

– Thời kỳ đầu năm **1954**, khi nội bộ Cao Đài còn đang ngấm ngấm tranh giành ảnh hưởng, thế lực với nhau, thì **Pháp** thua **trận Điện Biên Phủ**. Chính phủ Mỹ không muốn **Việt Nam** thống nhất dưới sự lãnh đạo của **Hồ Chí Minh**, nên quyết định can thiệp, hỗ trợ Lực lượng thứ ba. Cố vấn quân sự Mỹ là **Edward Lansdale**, người chịu trách nhiệm hỗ trợ chính phủ **Ngô Đình Diệm**, đàm phán với tướng Trình Minh Thế về việc sử dụng lực lượng vũ trang của ông ta để hỗ trợ cho Thủ tướng Diệm và **Quân đội Việt Nam Cộng hòa**. Chính phủ Ngô Đình Diệm dành ra 5 triệu quan (piastre) cho Liên Minh, để thu xếp định cư cho 10.000 người tị nạn ở khu vực Tây Ninh. Thông qua Lansdale, Mỹ tiếp tục tài trợ cho tướng Thế và các nhóm Cao Đài khác. Tuy nhiên, do chính phủ Đệ nhất Cộng hòa còn yếu ớt, nên nhiều chỉ huy các phe nhóm vũ trang tuyên bố chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm và tổ chức đảo chính. Thời gian này, khó xác định được là tướng Thế trung thành với ai, và cũng khó xác định được liệu chính phủ Mỹ có ủng hộ Ngô Đình Diệm chống lại phe nổi loạn. Một số người cho rằng tướng Thế có thể là một lựa chọn khả dĩ để thay thế Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên khi lực lượng Liên Minh tiến vào Sài Gòn, thì có lẽ đó là để đáp lại lời kêu gọi vào phút cuối cùng của Lansdale ủng hộ Ngô Đình Diệm. Tháng 9 năm 1954, Lansdale phát hiện ra tướng **Nguyễn Văn Hinh**, Tổng tham mưu trưởng **quân đội Việt Nam Cộng hòa**, đang tiến hành âm mưu lật đổ Ngô Đình Diệm. Cùng lúc, quân Pháp phong tỏa các lực lượng Cao Đài định tiến vào Sài Gòn giải nguy cho Ngô Đình Diệm. Cuộc đảo chính bị thất bại khi Lansdale mua chuộc được các sĩ quan cấp dưới của tướng Hinh đi nghỉ mát, thiếu những thuộc hạ cốt cán này, cuộc đảo chính không thể tiến hành được.

Cuối tháng 8 năm 1954 (sau khi ký hiệp ước Geneve 20/7/1954), qua trung gian của Đại tá Hoa Kỳ Lansdale, chuyên viên ngoại giao đặc trách vùng Đông nam Á, trao tận tay ông bức tâm thư với thủ bút của Thủ tướng Diệm, để mở đường cho ông trong sự tiến tới thảo luận việc trở về hợp tác với Chính phủ Quốc gia và cuộc tiếp xúc đầu tiên đã diễn ra ngay sau đó.

– Đầu năm 1955, Đại sứ quán Mỹ dành ra một ngân khoản bí mật, ước tính khoảng 2 triệu dollar để thuyết phục tướng Thế gia nhập Chính phủ Quốc gia. Ngay cả các khoản chi chính thức cho tướng Thế cũng rất đáng kể, như ngân sách dành cho lực lượng vũ trang bỏ ra 108.000 dollar để chi ông. Số tiền Lansdale bỏ ra để mua chuộc các chỉ huy giáo phái lên đến 8,6 triệu dollar, còn nếu tính cả số tiền Thủ tướng Diệm bỏ ra thêm nữa thì tổng cộng có đến 12 triệu dollar đã được chi cho 246 chỉ huy giáo phái.

Ngày 31 tháng 1 năm 1955, bằng phi cơ trực thăng xuất phát từ phi trường Tân Sơn Nhất, đích thân Thủ tướng Diệm cùng với Bộ trưởng Quốc phòng Hồ Thông Minh đến viếng thăm Kháng chiến Liên minh tại Lò Rò ngay trong chiến khu núi Bà Đen ở Tây Ninh. Sáng ngày 13 tháng 2 sau đó, Thủ tướng Diệm khai mạc buổi lễ tiếp nhận Trung đoàn Bộ binh Liên minh trên Đại lộ Nguyễn Huệ (Sài Gòn), gồm 2.500 chiến sĩ thuộc Lực lượng Kháng chiến Liên minh (tức Quân đội Cao Đài ly khai) trở về hợp tác với Chính phủ Quốc gia và gắn cấp bậc **Thiếu tướng** đồng hóa Quân đội Quốc gia cho ông.

Từ ngày 18 đến ngày 28 tháng 4 cùng năm, ông tháp tùng phái đoàn sang Nam Dương (Indonesia) để dự Hội nghị Á-Phi của các nước không liên kết. Trong Hội nghị có: Thủ tướng Trung Quốc **Chu Ân Lai**, Thủ tướng Ấn Độ **Jawaharlal Nehru**, Tổng thống Nam Dương **Sukarno**, cựu hoàng Cao Miên **Norodom Sihanouk**. Cùng tháp tùng với ông còn có: Đại tá Cao Đài Phục Quốc **Hồ Hán Sơn**, Thiếu tá Cao Đài Liên minh Nhị lang **Lê Khắc Hoài**.

– Trong khoảng thời gian từ tháng 3 tới tháng 5 năm 1955, tình hình tại **Sài Gòn** trở nên rất căng thẳng. Mâu thuẫn gay gắt về cả quyền lực chính trị lẫn kinh tế khiến đưng độ vũ trang giữa phe Chính phủ và Liên minh lực lượng vũ trang giáo phái cùng **Bình Xuyên** là khó tránh khỏi. Thủ tướng Diệm kiên quyết tiêu diệt lực lượng vũ trang đối lập, còn lực lượng Giáo phái nhờ vào sự hậu thuẫn của **Pháp** cũng quyết không chịu nhượng bộ. Thủ tướng Diệm đưa vào **Sài Gòn** các đơn vị trung thành gồm 3 Tiểu đoàn **Nùng**, rồi 2 Tiểu đoàn dù dưới quyền Đại tá **Đỗ Cao Trí**. Các đơn vị này cộng vào số binh sĩ của tướng **Trình Minh Thế** (Cao Đài Liên minh), Đại tá **Nguyễn Văn Huệ** (**Hòa Hảo**) và Thiếu tá **Nguyễn Văn Đà** (**Hòa Hảo**) làm cho cán quân lực lượng nghiêng về phía quân Chính phủ, so độ 4.000 đến 5.000 quân **Bình Xuyên** tại vùng **Sài Gòn Chợ Lớn**. Ngày 8 tháng 3 năm 1955, 7 Tiểu đoàn quân đội Việt Nam Cộng hòa bắt đầu hành quân tiêu diệt lực lượng đối lập là **đảng Đại Việt** tại **Quảng Trị**, và tới ngày 25 tháng 3, quân dù mở cuộc tấn công vào phe đối lập tại **Sài Gòn**, nhưng Cao ủy Pháp là tướng **Paul Ely** cùng tướng **Lawton Collins** (**Mỹ**) gây sức ép buộc quân Chính phủ phải ngưng chiến. Tuy nhiên, thế lực của quân Chính phủ được củng cố lên nhiều khi ngày 29 tháng 3, tướng **Nguyễn Thành Phương**, Tư lệnh các lực lượng Cao Đài tuyên bố ủng hộ Chính phủ. Tình hình căng thẳng giữa hai bên kéo dài, các thỏa hiệp do **Pháp** và **Mỹ** làm trung gian đưa ra đều bị hai bên bác bỏ, tới ngày 26 tháng 4, xung đột quân sự bùng nổ trở lại. Quân đội Chính phủ nhanh chóng đánh tan sức kháng cự của quân **Bình Xuyên**, tới cuối tháng 4, quân **Bình Xuyên** hoàn toàn bị đánh bại, bị đẩy khỏi thành phố, bị quân chính phủ truy kích.

Ngày 2 tháng 5 năm 1955, ông được giao chỉ huy 1300 quân, vượt kinh Tàu Hũ tiến vào cầu Tân Thuận hành quân truy nã lực lượng **Bình Xuyên** của Thiếu tướng **Lê Văn Viễn** (tự Bảy Viễn) tại Khánh Hội, Sài Gòn. Chiều ngày 3 tháng 5, ông bị tử thương khi đang ngồi trên xe Jeep tại dốc cầu Tân Thuận do một viên đạn Carbine bắn sệ từ phía sau trúng phía dưới tai phải xuyên thẳng qua đầu trở ra mắt bên trái. Hưởng dương 33 tuổi.

(5)-Bún bò Lạc Sơn: Gánh bún bò bán tại cà-phê Lạc Sơn ngay trước chợ Đông Ba – Huế.

(6)-Phối trí viên: Cố vấn Mỹ tại các cơ quan Cảnh Sát Quốc Gia trước 1975.

(7)-“Tư tưởng Mao Trạch Đông”: Lấy nông thôn bao vây thành thị. Bài học chính trị ở Trường Bộ Binh Thủ Đức.

(8)-Truyện cười Ba Gia Tú Xuất: Một hôm Tú Xuất cho người nói với các bà bán thịt ở chợ sẽ mua một số lượng lớn, nhưng thịt phải thái nhỏ, chiều cho người ra lấy. Các bà nghe lời, thái thịt xong, chờ mãi, chẳng thấy ai tới lấy, bèn than với nhau, thịt đã thái nhỏ biết bán cho ai. Tú Xuất bảo, không ai lấy thì cứ kêu thằng “bảo thái” ra mà chưởi. Bảo Thái là niên hiệu chúa Trịnh.

(9)-“Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng” – thường gọi tắt là “Dân Xã Đảng – đảng của Đức Thầy (Phật giáo Hòa Hảo.)

(10)-“Cờ Đà”, cờ màu đà (màu nâu), cờ của Phật Giáo Hòa Hảo.

(11)-Theo “lượng giá áp” của chính phủ VNCH trước 1975. Ấp loại A là ấp hoàn toàn an ninh, Việt Cộng không hoạt động.

(12)- “Năm 1959, ông nhận giải thưởng của Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) với công trình nghiên cứu về sự lật đổ của Cộng Sản. Là tác giả của nhiều sách và nhiều bài viết về chiến tranh Đông Dương, ông trở thành nhà phân tích có ảnh hưởng nhất về chính sách của Mỹ ở Việt Nam.”

Bài dịch sau đây trích ở chương 7, (Street Without Joy) của cuốn sách cùng tên, nói về cuộc hành quân Camargue. Người dân Huế và Quảng Trị, hồi đó gọi là “Trận Thanh Hương.”

Tới cuối ngày D+2, mọi sức kháng cự không còn. Ngày hôm sau các đơn vị tiên phong, nhảy dù, các toán đổ bộ và biệt động được lệnh rút lui. Bây giờ là công việc kiểm soát thường trực vùng mới chiếm đóng. Những cây cầu bị phá mấy năm trước nay được dựng lại, những con đường bị Việt Minh cắt khúc được đắp lại. Những hầm hào chiến đấu do Cộng sản dựng chung quanh “Con Đường Buồn Thiu” bị loại bỏ. Viên chức chính quyền Quốc Gia e ngại xuất hiện trước con mắt dân chúng thù nghịch hay sợ hãi sau một tuần chiến đấu và nhiều năm sống cô lập mà mọi thứ đều thiếu thốn, ngay cả viên thuốc trị bệnh sốt rét.

Thiếu tá Derrieu của Tiểu Đoàn 6 Ma-Rốc, nhìn một vài viên chức chính quyền mới ở trong làng Đơn Quế, nói: “Thực là buồn cười, trông họ chẳng bao giờ có thể thành công, làm đúng những gì người dân mong muốn, dù họ có muốn tạ lỗi với tất cả mọi người. Chúng ta mới thực hiện một cuộc hành quân bằng máy bay và chiến xa còn họ thì khoác lác khoe khoang hoặc đe dọa dân làng làm như họ là kẻ thù của đất nước mà chúng ta phải đối đầu.”

Dujardin, một trung úy còn trẻ, đứng cạnh bóng im của một chiến xa M-24, nói: “Có thể như vậy, nhưng tối nay tôi chẳng quan tâm đến họ sau khi chúng ta rút quân ra khỏi vùng này. Họ sẽ ở lại đây cùng với nhóm nhân viên hành chánh ngay trong ngôi nhà người chỉ huy Cộng Sản ngủ ở đó tối hôm qua, cách cái đồn gần nhất là ba trăm mét. Tôi chắc rằng họ không dám ngủ ở đây mà vào ngủ trong đồn.”

- “Có lẽ vậy, họ sẽ mất mặt với dân làng và công việc của họ trở thành vô ích.”
- “Nếu không vào ngủ trong đồn, ngày mai họ chết. Đúng là chẳng ích lợi gì. Dù sao, với hậu quả tâm lý của cuộc hành quân, chúng ta có thể bắt đầu với toàn bộ công việc ngay từ bây giờ cho tới ba tháng tới. Thật là một thứ hỗn độn vô ích.”
- “Vâng, nếu người Việt Nam không thể thắng thì chúng ta cũng vậy thôi. Dù sao, đây cũng là đất nước của họ. Chúng ta hãy lên xe thôi.” Rồi hai người nhún vai đi về phía các chiếc xe tăng, trèo lên pháo tháp.

Bên dưới, trong làng Đơn Quế bị chiến trận tàn phá, các viên chức hành chánh người Việt trẻ đầy nhiệt tình mặc áo kaki và quần đen vẫn còn nói chuyện với dân làng đang đứng im lặng và bất động như các pho tượng gỗ.

Ngày 4 tháng 8/1953, Bộ Chỉ huy Cao cấp tuyên bố chấm dứt cuộc hành quân Camargue. Theo tin báo chí, cuộc hành quân hoàn toàn thắng lợi, một lần nữa chứng minh sự tiến bộ và linh động của quân đội Pháp và giá trị trang bị lưu động của họ trong chiến tranh đầm lầy. Tuy nhiên, trong chính báo cáo của họ thì cuộc hành quân đem lại những cảm giác lẫn lộn.

(13)- Vợ tôi thường “đi Rạch Giá chơi”. Ra ngoài đó, cô ấy được bà vợ ông “xếp” của tôi và các bà thuộc “gia đình cố cựu” Rạch Giá như bà Tám Nghĩa, Bà Hai Simon... đón tiếp, vui chơi, chuyện trò. Bà Tám Nghĩa là bạn thân với bà thủ tướng từ khi “họ còn con gái.” (Ông Tám Nghĩa bị Việt Cộng xử tử cùng với cựu trung tá Trương Cuội tại sân vận động Rạch Giá sau ngày 30 tháng Tư/ 1975). Người dân Rạch Giá gặp việc khó khăn, thường nhờ bà Tám Nghĩa lên “gặp Chi Tư Nết” – tên họ gọi thân mật bà thủ tướng – để “chị giúp đỡ” cho. Khi vợ ông đại tá tỉnh trưởng Lê Kh. bị bệnh, ông đại tá buồn tình xin thôi chức tỉnh trưởng. Vì ông đại tá Lê Kh. là em một ông tướng nổi tiếng ở Saigon, nên “trung ương” không để ông Lê Kh. thôi chức tỉnh trưởng mà chuyển qua làm tỉnh trưởng Sadec. Tỉnh này, về tình hình quân sự “nhẹ” hơn. Ông trung tá tỉnh trưởng Sadec qua ngời thế vô cái ghế tỉnh trưởng của ông Lê Kh. “Người ta đồn” rằng ông trung tá tỉnh trưởng Sadec phải “chung” cho ông tướng vùng bảy chục triệu. Đến khi ông tướng vùng bị bay chức vì tội tham nhũng, ông trung tá tỉnh trưởng mới của Rạch Giá sợ mất số tiền đã đóng, nên nhờ Bà Tám Nghĩa đưa lên gặp Chị Tư Nết xin giúp đỡ, chỉ tốn có mấy chục chai nước nắm ngon Phú Quốc mà thôi. Vì việc này mà ông thiếu tá quận trưởng quận tôi phải vất vả khi bị ông tỉnh trưởng lo việc “hồi sức”. Chuyện tham nhũng thời chế độ cũ, đâu có dễ “ăn”.

(14)- Ông đạo có nhiều thứ: Ông đạo Dừa, kỹ sư canh nông, học bên Tây về, chỉ sống trên ngọn dừa, ăn dừa mà sống. Ông “Bác vật Lang”, cử nhân sinh học bên Tây về, xuống Thạch Động, nơi có con đường “đi xuống âm phủ”, thấy “cái gì đó mà Phật Bà cấm nói”, nên ông “tịnh khẩu” cho đến khi qua đời. Cũng có những ông đạo làm bậy như đạo Liếm, đạo Sờ mà một thời báo chí tìm hiểu, lên án. Có thể có hàng tram ông đạo khác, tu ở núi Cấm, núi Cô Tô, núi Bà, núi Tà Lơn, không ai ghi nhận hết. Đây là nét đặc sắc của tôn giáo miền Tây Nam Bộ, nhất là vùng Thất Sơn.

(15)- Năm 1309, vua Chế Mân của Chiêm Thành dâng đất hai châu Ô và Rí làm sính lễ để cưới Công Chúa Huyền Trân. Người Chăm ở Ái tử, Quảng Trị, thuộc châu Rí, bỏ đi về phương Nam. Họ cũng theo đạo Phật, không muốn tượng Phật của họ rơi vào tay ngoại tộc, họ chôn các tượng Phật này xuống cát. Về mùa Hè, gió Lào thổi mạnh, cát bay đi – hay cát nóng làm cho các tượng Phật không muốn nằm dưới cát nữa - các tượng Phật trời (tiếng địa phương gọi là lồi). Người Việt di dân tới, cũng theo đạo Phật nên rước tượng Phật về lập chùa thờ, nôm na gọi là “Chùa Phật Lồi”.

[post_connector_show_children slug="ho%c3%a0nglongh%e1%ba%a3i-kinh-x%c3%a1ng-h%c3%a0-ti%c3%aan" parent="13207" link="true" excerpt="false"]

[Bài 10] “Đất nước lạ lùng...”

“Tới đây đất nước lạ lùng,

Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kiêng.”

(ca dao)

Đâu có phải sợ con chim hay con cá. Trước kia thì người thương người. “*Thương người xa xứ lạ loài tới đây.*” Bây giờ không phải là người xa xứ, mà lại là người cùng xứ. Người cùng xứ giết nhau không gờm tay! Ấy là vì ai? Là vì chủ nghĩa? (Cộng Sản), vì người? (Cộng Sản) hay vì cuồng tín? (tôn giáo) hay vì cái gì nữa? Biết bao nhiêu là cái vì?

Một hôm tôi nhận được cái giấy mời đi ăn giỗ. Thư viết tay, giấy xé từ tập học trò nhưng bỏ trong bì thư đảng hoàng. Người mời là “trưởng ban”. Không nói ban gì. Hỏi ông thượng sĩ Lê Đức Vũ, nhân viên của tôi, “rân ri cu”, – như tôi thường nói đùa -. Ông ta bảo: “Đây là mấy ông cựu Dân Xã Đảng”. Ông Vũ nói tiếp: “Cũng lạ! Xưa nay họ không mời ai! Sao bây giờ lại mời Chỉ huy trưởng?”

Từ giữa thập niên 1950, tôi có nghe báo chí nói về “Dân Xã Đảng”. Đó là tiếng gọi tắt “Dân Chủ Xã Hội Đảng” do giáo chủ Huỳnh Phú Sổ thành lập năm 1946, với sự góp sức của ông Trần Văn Ân, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Bảo Toàn để chống Pháp lẫn Việt Minh (Cộng Sản), với mục đích thực hiện một cuộc cách mạng con người, dân tộc và xã hội. Tổng Bí Thư là ông Nguyễn Bảo Toàn. Ông này lại là một tín đồ Thiên Chúa Giáo (1), lại chính là người đề xướng lên việc “truất phế Bảo Đại”, mời ông Diệm lãnh đạo đất nước năm 1955.

Tôi đến dự bữa giỗ đó, tại “trụ sở” của họ. Đó là một gian nhà tranh nhỏ, nằm sâu trong một con hẻm, gần phía đồng lúa. Hẻm này cách chợ Kiên Tân chưa tới nửa cây số.

Khi tôi tới, các cựu đảng viên Dân Xã Đảng đã tới hết, khoảng gần hai chục người. Phần đông họ đã già, trông qua, biết họ gốc là nông dân, không đến nỗi vai u thịt bắp, nhưng trông ai cũng mạnh khỏe, dân lao động.

Tôi được mẹ dạy từ nhỏ: “kính lão đắc thọ”, nôm na là kính trọng người lớn tuổi, nên khi vào đây, tôi cất mũ, đứng qua một bên cửa, chào mọi người. Có mấy bàn tiệc, họ mời tôi ngồi bàn giữa. Tôi xin phép ngồi bàn để một bên, sát vách. Có lẽ họ mến tôi vì thái độ ấy. Quanh cái bàn tròn là mấy ông già, vui vẻ, hiền, cứ nhìn tôi cười. Tôi hỏi thăm sức khỏe từng vị. Tôi lấy làm lạ: Những “ông già” hiền từ này là những người này một thời nổi tiếng giết người không gờm tay hay sao!

Tôi nghĩ thầm: Ai cũng có vẻ hiền từ, vậy mà một thời nổi tiếng hung dữ tàn ác.

Câu chuyện như vậy: Sau khi giáo chủ Huỳnh Phú Sổ của Phật Giáo Hòa Hảo bị Việt Minh thủ tiêu, chuyện trả thù giữa hai bên xảy ra bằng sự chém giết lẫn nhau rất tàn bạo. Hễ bên này bắt được bên kia là giết, thả trôi sông. Thả trôi sông một người hay năm ba người cột liền với nhau bằng một cây tre. Có khi người ta chèo ghe trên sông, bị gọi vào bờ, biểu mua một cánh tay, một cái chân hay một cái đầu người. Người dân thấy mà khiếp nhưng vẫn phải mua, mua xong đem ra giữa sông, thả xuống nước. Việc ấy xảy ra nhiều năm mãi đến khi Việt Minh phải rút khỏi vùng Hậu Giang, tình hình mới êm.

Tò mò chuyện này, muốn hỏi cho biết, nhất là với những ông già này là người trong cuộc. Chờ đến cuối tiệc, khi đã vãn, chỉ còn mấy ông cụ, tôi bèn hỏi họ. Một ông già trông có vẻ hiền hậu, tên thường gọi là ông Tư, nhà ở bên kia kinh sáng, nơi tôi từng đến thăm ông, nhà ông chuyên làm “bánh tráng chuối” – bánh tráng có chuồn xắt lát mỏng đặt lên trên, ăn khá ngon – giải thích:

-“Chuyện đó không phải là không có, nhưng tùy nhóm” – theo tôi hiểu là tùy lực lượng Hòa Hảo khác nhau. “Lực lượng Ba Cụt” (Lê Quang Vinh), “lực lượng Năm Lửa” (Trần Văn Soái), “lực lượng Nguyễn Giác Ngộ”, “lực lượng Lâm Thành Nguyên”...
– Ông Tư nói tiếp: “Có nhóm thì hiền, có nhóm thì dữ. Nói chung, vấn đề tôn giáo mà ông. Việt Minh họ vụng tính, chủ quan. Đụng tới giáo chủ của người ta thì người ta để yên sao được! Kết lại, là do Việt Minh thủ tiêu “Đức Thầy”. Giết bao nhiêu Việt Minh mới bù cho đủ tính mạng “Đức Thầy”?”

Tôi ra về, thấy lòng buồn lắm. Người dân miền Tây Nam Bộ hầu hết là lưu dân. Có những người lưu lạc vào đây từ thời nhà Nguyễn “mở đất phương Nam”, có những người gốc Quảng Nam, Quảng Ngãi, không theo Tây Sơn mà theo chúa các chúa Nguyễn, chiến đấu dưới ngọn cờ của Nguyễn Vương, đến khi “Gia Long tấu quốc” thì họ không theo Nguyễn Ánh sang Xiêm La được. Hai mươi năm, khi Nguyễn Ánh trở về phục hồi cơ nghiệp thì họ cũng đã già, có con có cháu, lo “làm ăn” mà quên chuyện chiến tranh. Rồi khi Gia Long lên ngôi trên ngai vàng ở Huế, trả thù người dân Qui Nhơn từng theo phò ba anh em nhà Tây Sơn, thì những người này lại bỏ xứ vào miền Tây Nam Bộ. Những kẻ thù cũ gặp nhau, là những lưu dân như nhau, thương yêu đùm bọc nhau.

Câu chuyện buồn về cuộc Nam Tiến của người Việt ở cuối phần đất nước không thiếu cảm động, nhất là mỗi khi tôi nghe câu hò:

Ròng chầu ngoài Huế,

Ngựa tể Đồng Nai

Nước sông xanh sao lại chảy hoài?!

Thương người xa xứ lạc loài tới đây!

Câu ca dao mô tả kiếp người Việt lưu vong ở đất Nam Bộ. Tình thế đã yên, vua đã lên ngôi trên ngai vàng (*Ròng chầu*). Việc cai trị cũng đã xong đầu đó (*Ngựa tể Đồng*

Nai – con ngựa tể là con ngựa đi chậm rãi, đưa quan đi). Vậy mà “nước sông xanh vẫn chảy” – người dân vẫn tiếp tục cuộc đời lưu lạc – Như tôi vậy chẳng, từ “giới tuyến” mà cuộc đời đưa đẩy tôi vào tận miền đất xa xôi này – Vậy đó! Vì hoàn cảnh đáng thương ấy nên người ta thương nhau, thương người “xa xứ”, thương kẻ “lạc loài”...

Vì đâu mà ngày nay, những người thương nhau vì “xa xứ” lại giết nhau một cách bạo tàn như vậy?! “Đức Thầy”, “Phật Thầy Tây An” hay “Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ” dạy tu hiền, dạy thương yêu! Vậy ai dạy **hận thù**? Ai dạy **“Đấu tranh giai cấp”**, ai dạy **“Giết! Giết nữa bàn tay không ngừng nghỉ...”**

Vùng Cái Sắn ngày nay không còn những huyền thoại như ngày xưa nữa bởi vì sau khi lập dinh điền (dinh điền Cái Sắn), người ở ngày càng đông, nhà cửa ngày càng nhiều, đất hoang lùi dần vào... dĩ vãng, nay chỉ còn toàn là ruộng thì sinh vật vùng đất thấp Hậu Giang đã mai một, tuyệt chủng hay càng ngày càng ít đi. Cá sấu thì nay không tìm được con nào. Giống này mất dạng. Tôi nhớ tới câu chuyện bắt cá sấu trong “Hương Rừng Cà Mau” của Sơn Nam, thấy tiếc một chút như thế nào ấy. Tôi cũng nghĩ tới cái dạ dày của con người ta. Có con vật nào thoát khỏi bị tiêu hóa!?

Thượng sĩ Trần Thông Đến, nguyên là con một ông chủ điền giàu có ở vùng này, kể:

-“Bây giờ không còn “mùa đốt đồng”. Ngày xưa vui lắm! Sau khi gặt hái xong, rơm rạ để lại ngoài đồng. Ít lâu sau, lau sậy mọc đầy. Quá nửa mùa hè, lau sậy bắt đầu khô. Bọn tôi chờ ngày nào có gió lộng thì đi đốt đồng. Giăng một cái lưới ngang phía dưới gió, rồi lên trên gió, cầm mồi lửa mà đốt. Lửa cháy rần rần. Vậy là thả, chồn, rùa rần, đủ thứ loại, kéo nhau chạy xuống cuối gió. Đến đó thì hết chạy, chúng chui vào lưới rồi nằm yên, chờ người đến bắt.

-“Nhậu hết?” Tôi hỏi.

-“Nhậu thế nào mà hết được! Dem bán, chở lên Saigon.” Ông Đến nói.

Tôi nghĩ tới những bữa tiệc ở Saigon tôi từng được ông anh tôi cho đi theo! Thịt rừng, thủy sản. Còn những con đòng bắt trên ngọn dừa, hay chà là thì gọi nó là gì? Không là thủy sản, không là lâm sản thì nó là “không sản” vì bắt nó trên không! Không cần đi đâu xa, cứ ở Saigon, món ngon vật lạ nào mà thiếu được. Lại nghĩ tới cái dạ dày của con người mà khiếp thật.

Dem ý ấy mà nói với ông Đến, cứ ở Saigon, món gì cũng có. Ông Đến nói:

-“Nghèo mà! “Chỉ huy trưởng”! Dù ngon, dù muốn ăn, cũng phải nhịn để kiếm ít tiền.”

Tôi hỏi đùa: “Anh nghĩ nhân loại này có hòa bình được không?”

Anh ta hỏi ngược tôi: “Chỉ huy trưởng muốn nói gì?”

Tôi cười: “Chuyện gì nữa! Chuyện ăn. Ăn là chuyện “loạn trên đời”. Vì ăn mà thiên hạ đại loạn; xưa cũng vậy, nay cũng vậy, sau này cũng vậy.”

Chúng tôi đều cười.

Một lúc, thượng sĩ Đến nói với tôi: “Ở đây, lúa thì không bao giờ thiếu, không bao giờ đói được. Người ta có giết nhau là vì những lý do khác, chứ không vì đói. Cờ bạc là lý do thông thường. Đâu cũng đánh bạc. Thua hết tiền thì đi ăn cướp chứ có ai đi ăn cướp vì đói đâu. Ông có thấy những cái cà-tang lúa mà khiếp không?”

–“Lúa đâu mà dữ vậy. Mới trông, xa xa, tôi tưởng là ngọn đồi. Mới mấy hôm trước, đi ngang có thấy gì đâu!”

Trăn hôi

Nói về thú hoang, ở Cái Sắn không còn cá sấu, nhưng trăn thì còn! Trưởng ấp Đông, đệ tử linh mục Nguyễn Bá Lộc, có nuôi một con trăn. Con trăn này rất tạp ăn. Gà dịch, vịt chết, heo chết... thả vào lồng sắt cho nó, nó ăn hết. Thỉnh thoảng, sổ lồng, nó bắt gà hàng xóm, khiến hàng xóm bắt đền trưởng ấp Đông.

Có một sự kiện mà sau này, khi đọc tập sách “Mao Trạch Đông, tấn thảm kịch của đảng Cộng Sản Trung Quốc” tôi mới “ngộ” ra mà thấy hay. Trăn mà ít đi thì chuột lại nhiều. Khi đến mùa sạ, chuột đồng lông vàng và mập, đầy đồng. Mầm lúa sạ là món ăn ngon và tốt. Chuột lại mẫn đẻ, một tháng đẻ một lần thì làm sao diệt cho hết được. Một hôm, trời mới sáng, khi tôi tới gần bến đò Tân Hiệp thì thấy bên đường có một bức tường đen quá đầu người, dài khoảng hai chục mét. Tới gần nữa thì toàn là những lồng chuột được sắp chồng lên nhau như một bức tường. Lồng nào cũng đầy chuột. Người ta đang chờ xe đến để chở chuột lên Saigon bán.

Chuột là mồi ngon của trăn. Trăn không còn thì chuột mặc sức đẻ. Nông dân có dùng bẫy chuột thì cũng không hết được. Đó là chưa kể loài chuột rất tinh khôn, không thể bẫy nó nhiều lần được. Câu chuyện này cũng giống như “chiến dịch chim sẻ” của Mao. Chim sẻ chết hết thì sâu ra nhiều, phá hoại lúa còn hơn chim sẻ. Tạo hóa sinh ra muôn loài muôn vật là đã tính chuyện “điều hòa” giữa chúng với nhau. Đi ngược lại con đường đi của Tạo Hóa làm sao được.

Trăn vùng rừng tràm Trà Tiên “phong phú” hơn vì đất hoang, rừng rậm còn nhiều. Một hôm, vừa về đến nhà, nhà tôi nói:

–“Ông thượng sĩ Năm Huê vừa đem cho một khúc thịt trăn. Sợ quá, em bảo tài xế Thành đem cho mất rồi. Thành nói: “Khúc thịt trăn dài hơn gang tay, to bằng bắp chân, thịt trắng thấy ngon mà “cô” sợ.” “Cô” là tiếng nhân viên của tôi gọi nhà tôi. Tôi nói: “Thôi mấy ông chia nhau mà nhậu đi!”

Tôi nhớ một câu chuyện cũ, tận mắt tôi thấy, tôi cũng “ngán”, nên tôi không tiếc khúc thịt trăn đem cho. Hồi còn trẻ, tôi hay đến chơi với Phan Xuân Phú, bạn học. Thân sinh Phan Xuân Phú là ông Phan Xuân Sang, nổi tiếng hai việc: Chủ tiệm may “đồ Tây Xuân Sang” đẹp nhất và lớn nhất ở thị xã Quảng Trị. Ông là người đi săn giỏi, bạn cùng đi săn với ông Ngô Đình Nhu trước 1945. Có lần ông kể: Năm 1956, ông lái xe từ Khe Sanh về Đông Hà, dọc theo đường số 9. Trời tối đen, khi gần tới một khúc quanh,

ông thấy một đồng gì đó, phản ánh đèn xe Jeep của ông, chiếu lấp lánh nhiều màu xanh đỏ, rất đẹp. Qua khỏi khúc quanh, ông ta mới biết cái đồng lấp lánh đó là một con trăn rất lớn, nằm khoanh lại bên đường. Ông ta quyết định bắn con trăn đó. Hai người đi săn cùng ông bảo “đừng”. Con trăn to quá, họ sợ. Ông Sang quay xe lui, chiếu đèn xe vào con trăn. Con trăn vẫn nằm im. Có lẽ nó đang ngủ. Ông Sang núp bên thành xe, ngang đầu máy, kê súng nhắm bắn. Ông ta cũng sợ. Lỡ bắn trật, con trăn bị thương, không chết, nó sẽ vùng lên tấn công. May mắn, sau khi nổ súng, ông ta giết được con trăn. Con trăn rừng – đây là con trăn rừng – to quá, mình to như cái cột nhà. Ba người phải hè nhau hết sức mới đem con trăn lên thùng xe được. Chết rồi mà cái đuôi con trăn còn vùng vẫy. Hai người cùng đi sợ quá, phải leo lên ngồi trên thành xe. Khi Phú chỉ cho tôi xem một khúc thịt trăn, miếng thịt còn nhúc nhích, giựt từng chập. Thịt trăn khác với các loài thịt khác như thịt cọp hay thịt nai, phải lâu lắm, miếng thịt trăn mới chết hẳn.

Con trăn đồng – trăn ở miền Tây Nam Bộ là trăn đồng – nhỏ hơn trăn rừng. To lắm thì mình nó bằng cổ chân hay bắp chuối, da vàng chóe không đen như trăn rừng. Mấy hôm trước, đi ngang một căn nhà ở ấp Lò Bôm, thấy đông người, tôi dừng xe lại hỏi. Té ra nhà này là nơi mua trăn, lột da phơi khô. Thịt trăn thì đem bán. Da trăn sống phơi khô, bán lên Saigon. Ở đó, mấy chú Ba sẽ “thuộc”, nhuộm, bán cho các tiệm may bóp, giày cho phụ nữ hay trẻ con.

Năm Cẩn, nhân viên của tôi, nhà sát nhà lột da trăn, giải thích với tôi:

-“Tới mùa *trăn hội* thì trăn về nhiều lắm!”

Giọng nói Nam Bộ, anh ta phát âm “trăn” cũng giống như “trăng”, nên tôi hỏi, có ý đùa:

-“Trăng thì chỉ có một vầng trăng, làm gì có nhiều trăng mà “hội?”

-“Trăn là con trăn đó!” Cẩn giải thích. “Hội là chúng nó “hội” nhau lại. Tới mùa con trăn cái động đực, cả chục con trăn đực tìm tới. Cả chục con trăn đực mới làm cho con trăn cái đậu thai. Sau đó, nó đẻ mấy chục cái trứng. Người ta chờ tới mùa “trăn hội” thì đi bắt trăn. Bắt trăn dễ lắm, chỉ cần một cái khăn rằn và một cái bị bàng sâu, khâu nhỏ miệng lại để con trăn không chui ra được. Người ta theo dấu con trăn bò trên mặt đất, đến chỗ nó hội. Khi thấy con trăn, chờ nó ngóc cao đầu, thì người ta phất cái khăn ngang mặt nó. Nó đớp cái khăn nên bị mắc kẹt, khi đó người ta chỉ cần chụp đầu con trăn đè xuống rồi bắt bỏ vào bị bàng.” (2) Có khi hai con trăn đang “xà nọ” nhau, kết lại như sợi giây đay, “anh chị đang đờ đẫn”, bắt dễ ợt.

“Người đi săn tài lắm. Nhìn lẩn con trăn bò trên mặt đất, người ta biết đó là con trăn đực hay trăn cái. Có con bị tật, người ta cũng biết!”

-“Tật như thế nào?” Tôi hỏi.

-“Ví dụ xương sống đuôi bị gãy. Đường nó bò không ngay! Nhìn thì biết!” Cẩn giải thích.

-“Chắc họ có kinh nghiệm!” Tôi nói.

-“Nghề gì mà không có kinh nghiệm, như tui làm thợ mộc vậy!” Nói xong, anh ta nhìn tôi, nhoẻn miệng cười.

Ông Hồng Ràng, chủ tiệm buôn bán vật liệu ở ấp Ngã Ba, gần chợ Kiên Lương, là con chiên của linh mục Nguyễn Thượng Hiền ở họ đạo An Hòa. “Hồ sơ trận liệt” ghi nhận, hồi 9 năm (3) ông ta theo Việt Minh, hoạt động vùng Kiên Lương/ Hòn Chông/ Hà Tiên quá tới Trà Phô bên Miên. Có lần, trong một bữa nhậu, có cả ông thiếu tá Sầm Long, quận trưởng và linh mục Lương Công Đại, cha xứ họ đạo An Bình của thị trấn Kiên Lương, tò mò, tôi hỏi:

-“Xứ này tức cười! Đạo Thiên Chúa với Cộng Sản như nước với lửa, vậy mà hồi 9 năm, dân An Hòa theo Việt Minh không sót mặt nào!”

Ông Hồng Ràng nói, có vẻ gay gắt:

-“Yêu nước mà ông! Chống Tây giành độc lập, ai không theo! Trong Rạch Đùng (4), còn sót mấy ông cha Tây trong Dòng Tu, dù không ra Việt Minh cũng không dám chống. Chúng tôi cũng thông cảm. Cha Tây là người Tây thì ủng hộ Tây. Nếu là người Việt, theo Tây mới là vấn đề!”

-“Có người Việt nào theo Tây không?” Tôi hỏi, nhẹ nhàng vì sợ mất lòng ông Hồng Ràng như câu tôi vừa nói ở trên.

-“Giáo dân thì không nhưng cũng có vài ông cha người Việt. Mấy ông cha này chạy trốn về Long Xuyên cả. Việt Minh giết như không! Hồi đó, Việt Minh, Hòa Hảo giết nhau như giết gà!” Ông Hồng Ràng nói, vẻ bất mãn.

-“Hồi đó Việt Minh hoạt động qua tận bên Miên?” Tôi hỏi.

-“Đất hai bên dính liền nhau. Kinh Vĩnh Tế là do ông Thoại Ngọc Hầu đào mà thôi. Xưa kia đất hai bờ kinh là một. Khi Tây nó lùng lẫm hay bên đó kêu cứu thì mình dọt qua bên đó. Khi cần thì về bên này. Rút qua rút lại như đưa võng.” Ông Hồng Ràng giải thích.

-“Bây giờ Việt Cộng nó cũng vậy, thường theo con đường ở mặt khu Trà Tiên.” Tôi nói.

Ông Hồng Ràng cười: “Việt Cộng cái gì! Con đường đó là con đường của tui tui “khai sơn phá thạch”. Sau này Việt Cộng đi theo.”

-“Quốc Gia cũng biết. Ông nhớ bên kia có đồn Trà Phô.” Tôi nói.

Bấy giờ quận Long mới tham gia:

-“Trà Phô trước là “căn cứ Mỹ”, sau này Mỹ rút, giao lại cho Biệt Động Quân Biên Phòng. Cái đồn đó là ngọn dao kề cổ Việt Cộng đó.”

-“Chận đường di chuyển, như “Cây Số 15?” (5) Tôi hỏi.

-“Căng hơn!” Quận Long nói. Lính không nằm im trong đồn. Ban đêm, bung ra phục kích. Việt Cộng biết phục kích chỗ nào mà tránh, bị “dính chấu” hoài.”

-“Tại sao bây giờ rút bỏ Trà Tiên? Vị trí đó quan trọng lắm mà!” Tôi hỏi.

-“Ai mà biết! Quân Khu bảo rút thì rút! Nơi sanh tử, Việt Cộng chết nhiều mà mình cũng hao!” Quận Long trả lời tôi.

-“Hồi đó, rừng Trà Tiên là rừng nguyên sinh, ông Hồng Ràng có thấy gì không?” Tôi hỏi.

Ông Hồng Ràng kể:

-“Một hôm có lệnh bên Miền rút về. Trước hết, cho hai người đi tiên phong dò đường. Hai anh này đi mất tiêu, không thấy tăm hơi gì cả, không quay lui báo cáo tình hình để có thể về hay không! Cuối cùng, chỉ huy ra lệnh về, vừa đi vừa dò đường. Về tới rừng Trà Tiên, phát hiện hai con trăn lớn lắm, có người báo là thường luồng chớ không phải trăn. Tụi tui bắn chết một con, con trăn đực, nó cứ lảng vảng không chịu đi. Có người nói nó muốn bảo vệ cho con cái. Mổ bụng ra, một anh bộ đội còn nguyên trong đó. Té ra, hai anh bộ đội bị trăn nuốt mất rồi.”

Thấy câu chuyện có vẻ huyền hoặc, tôi không tin nhưng không nói gì. Một người ngồi chung bàn nhậu cười nói: “Trăn mà làm như người. Con đực không chịu đi vì lo bảo vệ con cái. Bộ “*Anh yêu em suốt đời*” sao?”

Nghe câu nói đùa, ai nấy đều cười.

Một lúc quận Long nói:

-“Chuyện ông Hồng Ràng, hồi còn trẻ, tôi cũng có nghe dân Hà Tiên kể lại. Hồi xưa, vịnh Rạch Giá thiếu gì thường luồng. Ông nội tôi kể, hồi còn trẻ, ông đi ghe buồm, thường luồng góc cao đầu đuối theo ghe là thường. Ghe phải căng buồm mà chạy cho mau. Đuối kịp, nó mổ một anh mà nuốt như rắn nuốt ếch chớ khó gì?”

-“Ông nói là thường luồng góc đầu đuối theo ghe? Ai dám đi biển!” Tôi nói.

-“Ông ở ngoài kia vô đây nghe dzậy tưởng lạ. Thời Tây, thường luồng còn đầy. Mấy năm chiến tranh, tàu Tây bắn chết nhiều lắm. Bây giờ nó “di tản” qua vùng khác chớ chưa tuyệt diệt đâu.”

Quận Long kể một câu chuyện khác: “Gần Chùa Hang có con kỳ đà ở trong hang. Nó không cần ra khỏi hang. Nước lên, cá theo nước ở ngoài vào. Nước xuống, cá kẹt lại trong hang, làm mồi cho con kỳ đà. Ăn riết, to quá, cái miệng hang thì nhỏ, có muốn ra khỏi hang cũng không ra được.”

-“Rồi nó chết già trong hang, như ông đạo Còm?” Tôi hỏi.

-“Làm gì có. Lính nghe dân nói, vô hang, bắn chết, xẻ thịt đem ra! Dễ không?” Quận Long cười.

-“Lính của ông?” Tôi hỏi.

-“Đâu có, chuyện này là chuyện hồi chín năm. Tàu Tây hay đi tuần!”

Tôi cũng tò mò, muốn đi xem cho biết, nhưng rồi chỉ xem được Hang Tiên mà thôi.

Gần Ba Hòn, có một cái hang nhỏ, miệng hang thấp, ngang mặt biển, gọi là Hang Tiên. Tôi nghe nói cha Đại (linh mục Lương Công Đại), xứ đạo Kiên Lương cho dựng một cái thánh giá ngay miệng hang. Tôi rủ cha Đại vô hang một lần, tò mò vì nghe người ta nói ngày xưa, thời “Gia Long tẩu quốc”, đây là nơi Nguyễn Ánh cho đúc tiền hay giấu tiền gì đó, trong hang còn những cái khuôn đúc tiền bằng đá. Vô đó rồi, tôi có thấy gì đâu. Nếu thật, đây là một di tích lịch sử, phải gìn giữ mới được.

Đang ngồi nói chuyện, có nhiều chuyện liên hệ đến “hồi 9 năm”. Tôi hỏi ông Hồng Ràng:

-“Hồi đó, ông có tham gia việc làm cản đến không?”

Ông Hồng Ràng cười:

-“Cha trung sĩ Lợi, “đệ tử” của ông chớ ai! Nghề thợ mộc nhà ấy là “cha truyền con nối”.

-“Ông ta làm gì?” Tôi hỏi.

-“Cưa, đục, làm mộng! Làm “cản” không cho tàu Tây qua lại.”

-“Sau này mới phá?”

-“Sau này đâu! Hồi đó đánh Tây, mình còn què. Tường đóng cọc, giăng ngang cây làm cản, Tây chịu thua. Tàu nó có đại bác, bắn một phát, bay hết!”

Nói xong, ông ta cười! Ai nấy cũng cười theo.

Tôi kể:

“Hôm mới về, nghe nói phía ngang núi Trầu, trên kinh Kiên Lương/ Hà Tiên có cái cản, tôi cứ tưởng như cọc gỗ trên sông Bạch Đằng. Tới nơi coi chơi, tôi thấy chỉ còn mấy cái đầu cọc. Sợ nguy hiểm cho ghe tàu, tôi biểu xã trưởng Long cho nhổ đi, nhưng ông ta nói không nhổ được. Để có dịp, ông ta cho người lặn xuống đáy kinh, buộc mìn vào đó, cho nổ, công việc dễ hơn. Tôi có hứa tôi sẽ xin chất nổ của Nhà Máy cho ông ta.”

Giữa năm 1974, tôi về Rạch Giá. Tham dự một buổi họp chuẩn bị thành lập một tỉnh mới, tên là tỉnh Kiên Hà, lấy tên từ Kiên Giang và Hà Tiên. Tỉnh mới gồm có 3 quận cũ

là Phú Quốc, Hà Tiên và Kiên Lương. Một quận mới sẽ được thành lập là quận Giang Thành, từ xã Giang Thành cũ là một phần đất cuối kinh Vĩnh Tế. “Xếp” của tôi nói: “Tôi đã đề nghị Philip Đạt làm chỉ huy trưởng. Chú làm chỉ huy phó. Philip Đạt còn trẻ lại ham chơi, chú lớn tuổi hơn, chín chắn hơn. Công việc mới được tốt đẹp.”

Tôi nói: “Mình chia lãnh thổ nhỏ ra để dễ kiểm soát. Việt Cộng gặp khó khăn nhiều hơn. Mình làm, chúng nó phá. Việc này giống như việc thành lập tỉnh Phước Thành thời Ngô Đình Diệm. Tỉnh Phước Thành chưa yên chỗ, chưa hoàn tất hệ thống phòng thủ thì Việt Cộng tấn công, bắt sống tỉnh trưởng. Kiên Hà rồi cũng sẽ như vậy. Về nắm tỉnh này, lạnh giò lắm.”

-“Chú biết như vậy thì chú nên về đây. Kinh nghiệm là cần thiết.” Xếp nói.

Tôi nói nửa đùa, nửa thật

-“Quả thật là nguy hiểm, nhưng trung tá yêu cầu, em sẽ về, nhưng nếu “Tổ Quốc ghi ơn”, trung tá nhắc với chính phủ đừng quên vợ con em.”

Sau đó, về Kiên Lương, được ít hôm, tôi lên ấp Hòn Heo, nơi sẽ lập tỉnh lỵ mới, thay vì Hà Tiên hay Kiên Lương.

Từ Ba Hòn, cửa biển Kinh Xáng Hà Tiên đi lên hướng Hà Tiên là ấp Cần Thăng. Đây là vùng đất hơi cao, không làm ruộng lúa mà làm ruộng muối vì đất pha mặn. Từ Cần Thăng đi lên, đất càng lúc càng cao: Ấp Hòn Heo, ấp Bãi Chà Và. Qua khỏi mũi Hòn Cọp là xã Thuận Yên thuộc Hà Tiên. Xã này có núi Tô Châu, không cao lắm. Hết núi Tô Châu là Đông Hồ.

Nhìn kỹ, ấp Hòn Heo là một dải đất cao, dài, từ hướng Núi Trầu kéo ra tận bờ biển. Sát bờ biển là một ngọn núi không cao lắm, có con đường đất vòng quanh núi rồi trở lại địa điểm cũ. Ở đây, có ngôi chùa, tương đối vắng khách thập phương. Trụ trì là một ông thầy chùa trẻ, là một ông thầy mượn có tu hành để “hoãn dịch vì lý do tu sĩ” khỏi đi lính chớ chẳng tu hành gì đâu! Biết vậy, nhưng tôi làm gì được khi ông ta co giầy hoãn dịch của Nha Động Viên của ông tướng Bùi Đình Đạm. Kinh nghiệm làm việc khiến tôi rất ngại mấy ông thầy chùa này. Học hành ít, dễ tin, dễ bị Việt Cộng tuyên truyền, lại thiên tả, dễ làm giao liên cho Việt Cộng. Qua đầu năm sau, Danh Chia, một trung đội trưởng Nghĩa Quân giỏi bị chết vì mìn gài ở ngọn núi này. Thiếu Tá Sầm Long chảy nước mắt khi được báo tin Danh Chia tử trận. Dấu hỏi về ông thầy chùa càng to hơn, nhưng tôi chưa làm gì được!

Quách Thị Hoa, mới ở tù Côn Đảo về. Thiếu úy Chiếu báo cáo với tôi là ông ta đang theo dõi “con nhỏ” này tái hoạt động. Thị mới về, ai móc nối thị? Móc nối ở đâu? Lúc nào? Thị cũng là người nhạy bén, biết bị động, thị đổi vùng vô Chùa Hang, rồi lại móc nối với thị Vinh ở ấp Lung Lớn, kéo nhau về Rạch Giá mất! (6)

Vùng này không trồng trọt gì được cả, toàn cây cỏ hoang, với một vài cây dừa, hay măng cầu – sách tập đọc gọi là “a quả na” – người ta trồng nhưng bỏ hoang đã lâu.

Tôi dừng xe ngoài đường lộ – liên tỉnh lộ 80 – đi bộ về phía Núi Trầu. Đất cao và khô, bỏ hoang đã lâu. Nhìn lên Núi Trầu, tôi biết phía bên kia, xa xa là Rừng Tràm Trà Tiên, là Mật Khu Trà Tiên, là căn cứ Việt Cộng, là căn cứ tỉnh ủy Long Châu Hà – tỉnh của Việt Cộng, liên kết giữa ba tỉnh Long Xuyên/ Châu Đốc/ Hà Tiên. Thế nào khi đặt tỉnh lỵ ở đây, chúng nó sẽ về phá, mà phá nát ra, không cho tỉnh Kiên Hà hình thành, như chúng đã làm ở Phước Thành. Chính phủ Nguyễn Khánh phải giải thể tỉnh này trước kia vậy.

Tôi hơi lo. Từ quê quán bên bờ sông Thạch Hãn, tôi vô tới đây, đánh nhau với Việt Cộng ở đây, biết đời tôi sẽ còn mất như thế nào!? Sao đời lính đưa tôi đi xa quá vậy? Xa như thế này, đến tận đây, một vùng đồi hoang nơi tận cùng đất nước. Bất chợt, tôi thấy một cây mắc cỡ bên cạnh con đường mòn. Đây là vùng đất đỏ, nên cây mắc cỡ xanh tốt, to rậm, không như mắc cỡ ở trường Ai Tử. Ai Tử là vùng đất cao, đầy cát khô, nên cây mắc cỡ nhỏ, hoa lá không sum suê. Ai Tử là nơi rất nhiều kỷ niệm, nơi tôi từng “đi chơi” với nhà tôi nhiều lần, khi chúng tôi chưa cưới.

Biết khi nào không còn chiến tranh, tôi lại về Huế dạy học, lại về Ai Tử đi chơi cùng cô ấy như ngày xưa, hơn là ở lại nơi hoang vắng này.

Tôi bỗng nhớ một bài hát của Trần Thiện Thanh viết về cây mắc cỡ: *“Tôi không phải là vua nên mộng ước thật bình thường.”* Tôi là lính, tôi không phải là vua... Bảo Đại. Nhưng rõ ràng bên cạnh chân tôi là một bụi hoa: *“Hoa trinh nữ không mượn mà”* mà tất cả bọn con nít, rất thích *“một loài hoa trên vùng đá sỏi buồn phiền”*.

Đá sỏi buồn phiền chỉ là nhân cách hóa. Buồn phiền chính là ở lòng tôi, một người lính đang “lang thang” trên một vùng *“đất nước lạ lùng...”*./.

Hoàng Long Hải (Tuệ Chương)

(1)- Ông Nguyễn Bảo Toàn bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và thủ tiêu ở trên sông Nhà Bè. Đại úy (cấp bậc năm 1956, trước 1975 là cựu đại tá) Đào Quang Hiến là người thi hành việc này, do lệnh ông Ngô Đình Nhu

(2)- Đệm, tiếng miền Trung/ Bắc

(3)- “Hồi 9 năm”, tiếng địa phương: 9 năm kháng chiến chống Pháp.

(4)- Ấp cuối của núi Hòn Chông, căn cứ cũ của Nguyễn Trung Trực. Sau khi cuộc kháng chiến tan rã, thực dân Pháp thu nhỏ vùng này, thành lập quận Hòn Chông để dễ kiểm soát, quận lỵ ở đầu núi, phía Chùa Hang. Cuối ngọn núi này, là một Dòng Tu Thiên Chúa Giáo, đào tạo tăng lữ. Nhiều người “rửa tội”. Họ đạo Hòn Chông được thành lập.

(5)- “Cây số 15”, cách Rạch Giá 15km, trên liên tỉnh lộ 80, là điểm chính trên đường giây 1-C của Việt Cộng, di chuyển từ hướng Campuchia về Cà Mau. (Xem Hương Tràm Trà Tiên, cùng tg).

(6)-Sau 75, cả hai thị “liên hệ” với cựu xã trưởng Hồ Văn Chánh, bị Công An bắt vì tội “đưa người vượt biên.”

[post_connector_show_children slug=”ho%c3%a0nglongh%e1%ba%a3i-kinh-x%c3%a1ng-h%c3%a0-ti%c3%aan” parent=”13207” link=”true” excerpt=”false”]

Nguồn: <https://tusachonline.wordpress.com/hoanglonghai-kinh-xang-ha-tien-bai-10-dat-nuoc-la-lung/>

www.vietnamvanhien.org

